

PGS. LÊ VĂN LÝ (*Chủ biên*)

PGS, TS. MẠCH QUANG THẮNG - TS. ĐẶNG ĐÌNH PHÚ
PGS, TS. TRẦN TRUNG QUANG - TS. NGUYỄN VĂN BIỂU

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẦM QUYỀN



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Mã số 3K5H4
CTQG - 2002

PGS. LÊ VĂN LÝ (*Chủ biên*)

PGS, TS. MẠCH QUANG THÁNG - TS. ĐẶNG ĐÌNH PHÚ

PGS, TS. TRẦN TRUNG QUANG - TS. NGUYỄN VĂN BIẾU

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẦM QUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2002

Tập thể tác giả:

- PGS. Lê Văn Lý (Chủ biên)
- PGS, TS. Mạch Quang Thắng
- TS. Đặng Đình Phú
- PGS, TS. Trần Trung Quang
- TS. Nguyễn Văn Biều

Cộng tác viên:

ThS. Nguyễn Sĩ Nồng
GS. Đậu Thế Biểu
TS. Nguyễn Khánh Bật
ThS. Vũ Xuân Điểm
ThS. Nguyễn Huy Hùng
TS. Đỗ Ngọc Ninh
ThS. Nguyễn Xuân Phách
PGS, TS. Nguyễn Trọng Phúc
GS, TS. Phạm Ngọc Quang
TS. Nguyễn Dũng Sinh
TS. Nguyễn Văn Tài
TS. Trương Thị Thông
Đồng chí Hoàng Tùng
ThS. Vũ Đăng Tiên
TS. Khổng Minh Trà
ThS. Đinh Xuân Tú

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Tên tuổi và sự nghiệp của Người gắn liền với lịch sử quang vinh của Đảng ta, với lịch sử đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong gần tám thập kỷ qua.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta một di sản vô giá về tư tưởng, đạo đức, lối sống; về phương thức lãnh đạo, tác phong công tác. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong di sản tư tưởng của Người, tư tưởng về vai trò và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện cầm quyền là một bộ phận đặc biệt quan trọng trong toàn bộ nội dung tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam; là kết quả của sự vận dụng và phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen - Lênin về vấn đề đảng cộng sản cầm quyền vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Người khẳng định rằng, để giữ vững vị trí và vai trò lãnh đạo cách mạng, Đảng phải trở thành một tổ chức chính trị lớn mạnh, vững vàng, trong sạch và triệt để cách mạng. Đảng cầm quyền càng phải thường xuyên tiến hành công việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng để đề phòng nguy cơ thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người cho rằng, mỗi đảng viên phải tâm niệm suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người

đầy tớ tận tuy của nhân dân, ra sức nâng cao năng lực, trí tuệ ngang tầm nhiệm vụ lịch sử, không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng, tăng cường mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Vì vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền nói riêng một cách sâu sắc và có hệ thống trở thành nhiệm vụ cấp thiết của toàn Đảng, toàn dân ta.

Nhằm đáp ứng yêu cầu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền* của tập thể tác giả do PGS. Lê Văn Lý chủ biên.

Nội dung cuốn sách làm rõ chủ đề, cùng với chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị to lớn, dẫn đường cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua, góp phần đắc lực vào việc nâng cao trình độ lý luận, trình độ lãnh đạo để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền có nội dung rất rộng, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi sự nghiên cứu công phu, nhất là để vận dụng vào thực tiễn hiện nay. Vì thế, cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Chúng tôi hy vọng cuốn sách là tư liệu tham khảo bổ ích đối với bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2002
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

"*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại"¹. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần quý báu của Đảng và dân tộc ta, đã và đang soi đường cho cách mạng Việt Nam phát triển.

Tư tưởng Hồ Chí Minh từng bước được hình thành, phát triển trải qua nhiều thời kỳ. Ngay từ khi hình thành về cơ bản, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đóng vai trò quyết định trong việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Tư tưởng đó được Người thể hiện trong *Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt và Điều lệ văn tắt* của Đảng.

Từ đó, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được bổ sung,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.83.

phát triển và cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951) khẳng định: đường lối, tác phong và đạo đức của Hồ Chí Minh là đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng, trong Đảng phải ra sức học tập đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chí Minh. Năm 1960, Đảng ta lại đặt vấn đề đẩy mạnh việc học tập tư tưởng, đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh. Nội dung này được nhắc lại nhiều lần và được đưa vào Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982): toàn Đảng phải học tập một cách hệ thống tư tưởng, đạo đức và tác phong của Hồ Chí Minh. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991), Đảng ta xác định: "*Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động*".

Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm toàn bộ những di sản quý giá, trong đó có một nội dung trọng yếu là tư tưởng về đảng và xây dựng đảng cộng sản cầm quyền. Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền* là kết quả của đề tài khoa học mang mã số: KHXH 05.01 là một trong bảy đề tài thuộc Chương trình khoa học cấp Nhà nước: "*Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*" mã số:

KHXH 05.

Mục tiêu nghiên cứu của cuốn sách là:

Thứ nhất, hệ thống, khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

Thứ hai, khẳng định một số nội dung xây dựng đảng được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin về đảng cộng sản cầm quyền ở nước ta.

Thứ ba, đề xuất những giải pháp cơ bản để quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy vai trò lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng ta trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Các tác giả đã cố gắng kế thừa những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học về vấn đề này trong những năm trước đây, đồng thời đi sâu vào một số vấn đề, nhất là những vấn đề liên quan đến việc thực hiện mục tiêu thứ hai và mục tiêu thứ ba.

Sau một thời gian tiến hành nghiên cứu, chúng tôi đã sưu tầm, khai thác tài liệu, trao đổi, tham khảo ý kiến các cán bộ lão thành cách mạng, các chuyên gia, các đồng chí cán bộ lãnh đạo và tiến hành hội thảo khoa học. Càng đi sâu nghiên cứu, chúng tôi càng thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng có nội dung rất toàn diện, phong phú, sâu sắc. Còn nhiều vấn đề chưa thể hiểu hết và kết luận được, nhất là khi khẳng định cụ thể những vấn đề nào Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát

triển chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đây là những vấn đề còn những ý kiến khác nhau.

Tuy đã cố gắng, nhưng những vấn đề mà chúng tôi nghiên cứu mới đạt kết quả bước đầu, do vậy còn nhiều hạn chế. Chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ khoa học, các đồng chí lãnh đạo cùng đồng đảo bạn đọc.

PHẦN THỨ NHẤT

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẦM QUYỀN

I. VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG

Hồ Chí Minh xác định *vai trò của Đảng* gắn liền với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"¹. "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"². Để hoàn thành sự nghiệp cách mạng to lớn đó, Hồ Chí Minh đã xác định những yếu tố chủ quan và khách quan, bên trong và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.314.

2. *Sđd*, t.12, tr.474.

bên ngoài, dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại. v.v. trong đó nhân tố trước tiên, quyết định là phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Cách mạng là sự nghiệp của quân chúng. Nhưng quân chúng phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành sức mạnh to lớn. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người viết: "Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thi vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thi liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy". Trong bài *Đạo đức cách mạng* viết năm 1958, Người lại xác định: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi"¹. Người nhấn mạnh: "Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được"². Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không phải vì lợi ích của một nhóm người mà trước hết là để cứu lấy con Lạc, cháu Hồng, vì toàn thể quốc dân Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: nếu không có nhân dân thì Đảng không có lực lượng, nếu không có Đảng thì nhân dân không có người dẫn đường. Hồ Chí Minh nhìn nhận vai trò của Đảng từ những góc độ và bình diện khác nhau, trong các thời kỳ và giai đoạn

1. Sđd, t.9, tr.290

2. Sđd, t.8, tr.295.

cách mạng khác nhau, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng khi đã giành được chính quyền. Người nhấn mạnh: "Đánh đổ giai cấp địch đã khó, đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội còn gian khổ, khó khăn hơn nhiều"¹. Đây là cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền và Đảng càng phải "to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để"².

Đến năm 1965, qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Có Đảng lãnh đạo, dân tộc ta đã trở thành một dân tộc anh hùng, được bè bạn khắp năm châu yêu mến và kính trọng"³.

Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định thành công của cách mạng, nhưng theo Hồ Chí Minh, đảng đó phải là chính đảng mang bản chất giai cấp công nhân - giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán ở Hồ Chí Minh. Ngay từ những ngày chuẩn bị thành lập Đảng, cho tới khi giành được chính quyền cũng như trước khi "từ biệt thế giới này", Hồ Chí Minh thường xuyên chú trọng giữ gìn, củng cố bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Một vấn đề đã được đặt ra là: Đảng ta là Đảng của ai?

Hồ Chí Minh phân biệt rõ: về bản chất giai cấp thì

1. *Sđd*, t.9, tr.279.

2. *Sđd*, t.6, tr.174.

3. *Sđd*, t.11, tr.371.

Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng về lợi ích thì Đảng không những đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

*Đảng cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân, vì chỉ có giai cấp công nhân mới có thể "đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công"*¹.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định một cách khách quan, bởi "*Đặc tính cách mạng* của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thầm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lenin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều *giữ vai trò lãnh đạo*"², rằng "chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công"³ và "Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân... giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là

1. *Sđd*, t.12, tr.303.

2. *Sđd*, t.7, tr.212.

3. *Sđd*, t.6, tr.458.

người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam"¹. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã cho thấy, chính đảng của giai cấp công nhân "đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn xung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường"². Từ thực tiễn đó, Người khẳng định: "Để giành thắng lợi, cách mạng nhất định phải do *giai cấp công nhân lãnh đạo*. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của *giai cấp công nhân*"³.

Về nội dung bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các vấn đề sau:

Thứ nhất, Đảng ta thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo, Người đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Đây là một vấn đề được Hồ Chí Minh xác định từ rất sớm, là vấn đề nhất quán và xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng của Người. Dù mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau, tên

1, 2. *Sđd*, t.10, tr.9.

3. *Sđd*, t.9, tr.283.

Đảng nhiều lần thay đổi nhưng lập trường đó vẫn không hề thay đổi.

Thứ hai, Đảng ta theo tư tưởng của giai cấp công nhân. Đó là Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin "làm cốt", luôn luôn trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Đây là luận điểm quan trọng nhất quyết định bản chất giai cấp công nhân của đảng cộng sản; là nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng cộng sản.

Lịch sử đã chứng minh rằng, xã hội từ khi có sự phân chia về giai cấp, thì quá trình phát triển của nhân loại cũng là quá trình ra đời và phát triển của các trào lưu tư tưởng, các học thuyết chính trị - xã hội và các đảng chính trị. Lịch sử đấu tranh giai cấp cũng là lịch sử đấu tranh giữa các học thuyết, các trào lưu tư tưởng, các hệ tư tưởng đối lập dưới sự lãnh đạo của các đảng chính trị. Tính chất hoạt động của mỗi đảng chính trị, vì vậy, được quy định bởi đảng đó lựa chọn và đi theo học thuyết nào, trào lưu tư tưởng nào - tức là theo lập trường giai cấp nào, giai cấp cách mạng hay phản động, cơ hội, cải lương.

Từ khi xuất hiện, chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản phản động. Đó là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức; là lý luận về giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bất công, tiến tới một xã hội văn minh,

không còn bóc lột, không còn sự phân chia về giai cấp. Thực chất, đó là lập trường cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, là mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân. Chính bản chất cách mạng, khoa học và tinh thần đạo cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin đã hấp dẫn những trái tim yêu nước nồng nàn, những khát vọng cháy bỏng muôn cứu nước, giải phóng dân tộc như Hồ Chí Minh.

Nhớ lại buổi đầu tiên khi đọc *Luận cương về những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đe dọa đây đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta""¹.

Với tình cảm cách mạng nhiệt tình và tư duy chính trị sắc sảo, Hồ Chí Minh đã sớm đi đến kết luận: "Cách mệnh... trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ

1. Sđd, t.10, tr.127.

nghĩa Lê-nin"¹, rằng "muốn cách mệnh thành công thì phải lấy dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mâ Khắc Tư và Lê-nin"².

Năm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giương cao ngọn cờ Mác - Lê-nin, trung thành và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện của Đảng ta. Nhờ vậy, Đảng ta luôn luôn được vũ trang bởi lý luận tiên tiến nhất thời đại. Trí tuệ, sức mạnh của Đảng ta không ngừng phát triển, đủ sức làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị - lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhờ đứng "dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng Lao động Việt Nam đã được nhân dân tin tưởng, được nhân dân coi là đội tiên phong giác ngộ của mình"³. Nhờ có "học thuyết đạt dào súc sống của chủ nghĩa Lê-nin", Đảng ta đã "khai nguồn sức mạnh để giành thắng lợi cho sự nghiệp thiêng liêng là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội"⁴. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất, quyết định nhất, một thứ "vũ khí không gì thay thế được" của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh viết: "Chúng tôi giành được thắng

1, 2. Sđd, t.2, tr.268, 280.

3, 4. Sđd, t.7, tr.517, 520.

lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng... chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin"¹, "Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái cẩm nang thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"².

Đối với Đảng ta, chính đảng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố cơ bản, không thể thiếu được, để giữ vững lập trường giai cấp công nhân của Đảng. Người viết: "Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng. Vì vậy, các cô, các chú phải chịu khó học tập lý luận Mác - Lênin"³. Theo quan điểm này, nếu xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin là xa rời lập trường giai cấp công nhân, xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng, làm cho Đảng biến chất, tan rã.

Thứ ba, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân là bởi Đảng là khôi đoàn kết thống nhất cả ý chí và hành động, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, có kỷ luật nghiêm minh tự giác, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

1, 3. *Sđd*, t.12, tr.476, 92.

2. *Sđd*, t.10, tr.128.

Đảng cộng sản là tổ chức lãnh đạo, một tổ chức chiến đấu, tổ chức hành động. Là một đảng lãnh đạo, vì vậy, "Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiêu mâu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng"¹.

Đảng phải là hiện thân của khối đại đoàn kết thống nhất cả chính trị, tư tưởng, tổ chức; cả ý chí và hành động, là đòi hỏi tất yếu khách quan đối với các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân, là nguyên lý căn bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng kiểu mới. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ trở thành một tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt với các đảng cơ hội cải lương.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Hồ Chí Minh khái quát:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công.

Ý thức đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc đã xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Vốn thấm nhuần sâu sắc truyền thống đoàn kết dân tộc nên Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, quán triệt nguyên lý đoàn kết thống nhất của đảng cộng sản bằng cả lý trí và tình cảm. Người đã vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo, làm phong phú thêm nội dung của nguyên lý này trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

1. Sđd, t.6, tr.480.

Về "tư cách của đảng chân chính cách mạng" theo quan niệm của Hồ Chí Minh là: "Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc", "phải giữ vững tính cách mạng của nó", "Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng"¹. Bảo đảm cho "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người"².

Trong *Điều lệ văn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Người đòi hỏi "vào Đảng phải tin theo chủ nghĩa cộng sản... hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng"³. Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II* (1951), Hồ Chí Minh ghi rõ: "Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung. Về kỷ luật, Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác"⁴.

"Đảng tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung" - theo Hồ Chí Minh - "Nghĩa là: có đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương"⁵. (Nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ

1, 2. *Sđd*, t.5, tr.250, 553.

3. *Sđd*, t.3, tr.5.

4. *Sđd*, t.6, tr.174.

5. *Sđd*, t.7, tr.230.

trình bày cụ thể ở phần sau).

Đảng phải là khôi đoàn kết thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ và đó là một tất yếu vì Đảng cũng ở trong xã hội, "đảng là do nhiều người cách mạng hợp lại", vì vậy, "Đồng chí ta, tuy có khi khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết"¹. Người nhấn mạnh: "Đoàn kết là sức mạnh của Đảng ta. Đoàn kết chặt chẽ và kỷ luật nghiêm khắc. Hai điều đó không thể tách rời nhau. Kỷ luật nghiêm để bảo đảm tư tưởng nhất trí và hành động thống nhất của toàn Đảng, toàn dân". Chính vì vậy, "Chủ trương của Đảng ta là: Trong nội bộ thì mở rộng dân chủ, tự phê bình và phê bình. Nguyên tắc tổ chức thì cực kỳ nghiêm,... thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo là việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng"².

Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là vũ khí sắc bén để Đảng thường xuyên trở nên trong sạch, vững mạnh. Có lúc Người đặt "phê bình" trước "tự phê bình", nhưng nhiều hơn cả là đặt "tự phê bình" trước "phê bình", đó không phải ngẫu nhiên mà có dụng ý rõ ràng. Đó là dụng ý nhấn mạnh tự phê bình trước rồi sau đó mới phê bình người khác. Trong thực tế, tự phê bình thường khó

1. *Sđd*, t.5, tr.552.

2. *Sđd*, t.7, tr.335.

khẩn hơn là phê bình người khác.

Về mục đích tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn, cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên hàng ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải tự rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh tật nên Đảng sẽ mạnh khoẻ vô cùng.

Để đạt mục đích ấy, thái độ tự phê bình và phê bình là phải thành khẩn, trung thực, kiên quyết và có văn hoá. Tự phê bình và phê bình "phải ráo riết", "triệt để", thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, nếu không kiên quyết tự phê bình và phê bình thì cũng giống như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mạng (giấu bệnh sợ thuốc) nhưng cách phê bình phải thành thật, thấm đượm lòng nhân ái. Phê bình không phải để xoi mói, phê bình phải công khai.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc tự phê bình và phê bình phải có tính chất xây dựng, không mỉa mai, nói xấu, tránh phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm và tránh trù dập người phê bình. Bên cạnh tính kiên quyết tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh rất coi trọng "cái tâm" trong sáng khi phê bình. Năm 1966, Người bổ sung một câu trong bản *Di chúc*: "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Quan điểm của Hồ Chí Minh là "một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng

có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹.

Thứ tư, Đảng thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân là Đảng phải gần gũi dân, đoàn kết dân, học hỏi dân, giác ngộ dân và lãnh đạo dân, thực hiện mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Liên hệ mật thiết với nhân dân là mỗi liên hệ bản chất của đảng cộng sản; là sự thể hiện lập trường giai cấp công nhân của Đảng trong giải quyết mối quan hệ với quần chúng lao động, với nhân dân các dân tộc; là một nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng cộng sản; được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, phát triển làm phong phú thêm trong hoàn cảnh của cách mạng Việt Nam.

Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, nguyên lý này được quy định bởi vai trò và sức mạnh của chính nhân dân.

Trong chiềutâm tư tưởng Hồ Chí Minh, dân là gốc của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng đều bắt nguồn từ quần chúng nhân dân. Theo Người, trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không

1. Sđd, t.5, tr.261.

gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định:

"Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*.

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, *quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*¹.

Những quan niệm đó càng làm sâu sắc thêm tình cảm của Hồ Chí Minh đối với nhân dân, dân tộc mình. Nó trở thành *tư tưởng nền tảng chỉ đạo mọi hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh*. Trong đó, Người đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cho Đảng phải luôn luôn giữ vững, củng cố và không ngừng tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Mối liên hệ mật thiết của đảng chân chính cách mạng với nhân dân, theo Hồ Chí Minh, phải được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

Một là, mọi hoạt động của đảng đều nhằm phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Đảng thực sự rõ rệt là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc.

1. *Sđd*, t.5, tr.698.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - luôn luôn kiên định, phấn đấu cho mục tiêu: Tổ quốc độc lập, thống nhất, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Người viết: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC"¹.

Mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Đảng ta được kết tinh, hiện thân ở cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân"². Và thực tế suốt đời hoạt động của Người đã "hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân", cho đến khi trước lúc đi xa, Người vẫn "tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"³. Phấn đấu, hy sinh vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân là "ham muôn tột bậc" của Người. Khi còn "phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo" cho đến khi giữ cương vị Chủ tịch nước, "Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân"⁴.

Mục đích thiêng liêng, cao cả, đầy tính nhân văn ấy của Hồ Chí Minh được thể hiện trong cương lĩnh, đường

1. *Sđd*, t.6, tr.183.

2, 4. *Sđd*, t.4, tr.240.

3. *Sđd*, t.12, tr.512.

lối lãnh đạo của Đảng. "Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân"¹, nó được thể hiện trong hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mọi hoạt động của Đảng đều hướng vào phục vụ nhân dân, phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác"². Người còn nhấn mạnh rằng: "Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý"³.

Mục đích, lý tưởng của đảng cộng sản, xét tối cùng và thực chất, không có gì khác hơn là giác ngộ nhân dân, tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vì một cuộc sống tốt đẹp hơn - cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người. Vì vậy, thực hiện tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh là đã cụ thể hóa, hiện thực hóa một phần mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân, sẽ làm cho quần chúng nhân dân ngày càng tin yêu Đảng, gắn bó với Đảng, coi Đảng là lãnh tụ đáng tin cậy nhất của mình. Ngược lại, nếu xa rời mục tiêu trên, là Đảng đã tự cắt mối liên hệ với

1. *Sđd*, t.10, tr.380.

2. *Sđd*, t.9, tr.555.

3. *Sđd*, t.4, tr.47-48.

nhân dân. Đó là nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền.

Hai là, phải gần dân, tin dân, dựa vào dân, học hỏi dân. Mỗi liên hệ mật thiết của Đảng với nhân dân không chỉ thể hiện ở mục đích hoạt động của Đảng. Nó còn được biểu hiện sinh động ở phương pháp, cách thức hoạt động của Đảng trong quan hệ với nhân dân, nhất là hoạt động của các cơ sở đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên tại cơ sở. Người viết: "mỗi cán bộ chính quyền và đoàn thể cần phải:

- Luôn luôn gần gũi nhân dân.**
- Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân.**
- Học hỏi nhân dân.**
- Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân"**¹.

*Người cho rằng, "Bốn điều ấy phải đi song song với nhau. Vì không gần gũi dân thì không hiểu biết dân. Không hiểu biết dân thì không học hỏi được kinh nghiệm và sáng kiến của dân"*².

Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên rằng, đối với dân, phải "tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng", "ra lệnh ra oai", phải "khiêm tôn, không được kiêu ngạo", "phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân", phải "tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng"... Chỉ có như vậy mới đoàn kết, lãnh đạo được nhân dân; Đảng mới được dân tin, dân

^{1, 2.} Sđd, t.6, tr.88.

phục, dân yêu, mới làm tròn nhiệm vụ của người lãnh đạo.

Bà là, cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, "làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu"¹. Phải hoan nghênh ý kiến phê bình của nhân dân, chân thành tiếp thu phê bình và quyết tâm sửa chữa. Thực tế cho thấy, nếu không chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của dân, không chịu sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, thì sẽ đánh mất lòng tin của dân, dân sẽ ca thán, thậm chí bất bình. Khi ấy, Đảng sẽ trở nên xa lạ với dân, và tất nhiên, khó lãnh đạo được nhân dân.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên là những chiến sĩ cách mạng tiên phong gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực sự tỏ rõ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng không chỉ thể hiện ở hệ tư tưởng, lý luận, ở đường lối chính trị, tổ chức mà còn được biểu hiện cụ thể trong hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bởi vì, "Đảng là gì? Đảng là mỗi chúng ta. Đảng lớn lên là do mỗi chúng ta lớn lên"². Thực tế cho thấy, Đảng và mọi tổ chức nói chung, đều do con người lập ra. Chúng là sản phẩm của con người, và do đó, nó phụ thuộc vào con người. Tổ chức mạnh hay yếu, tính chất

1. *Sđd*, t.5, tr.251.

2. *Sđd*, t.10, tr.463.

hoạt động cách mạng hay phản động, triệt để hay cải lương... phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng của con người trong tổ chức. Tổ chức đảng không nằm ngoài sự tất yếu đó. Đảng là do nhiều đảng viên - những người tiên tiến, tự nguyện, có cùng mục đích - hợp lại. Phẩm chất trí tuệ, tài năng thực tiễn của cán bộ, đảng viên hợp thành sức mạnh của Đảng. Tính chất kiên định trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, là một trong những nhân tố quan trọng kết thành bản chất của Đảng. Bản chất cách mạng, khoa học của Đảng lại được thể hiện trong hoạt động cụ thể, thường ngày của từng cán bộ, đảng viên. Chính mối quan hệ biện chứng ấy đã đòi hỏi: Đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tỏ rõ là những chiến sĩ cách mạng, tiên phong gương mẫu.

Sự ra đời, trưởng thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, những thắng lợi của cách mạng Việt Nam giành được... đều là kết quả của quá trình Hồ Chí Minh dày công giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, trở thành những chiến sĩ cách mạng trung thành, kiên cường phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng để giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.

Thứ sáu, Đảng phải chăm lo xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân, mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

Theo Hồ Chí Minh, "sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng"¹. Với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã chăm lo xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa chắc trên cơ sở công nông liên minh vững chắc.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, bản chất giai cấp công nhân và tinh thần phong của Đảng được biểu hiện tập trung thông qua bộ máy nhà nước. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng Nhà nước thực sự là cơ quan đại diện quyền lực chính trị cao nhất của nhân dân, thực sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khoá I, Người nói: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người代言t trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân"².

Đảng cộng sản cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải là một Đảng bảo đảm để nhân dân thực hiện quyền làm chủ và là người chủ thực sự; để mọi quyền hạn đều là của dân, thuộc về dân, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc làm trong sạch bộ máy nhà nước, để Nhà nước làm tròn bốn phận được nhân dân uỷ thác. Người đặc biệt

1. Sđd, t.12, tr.304.

2. Sđd, t.7, tr.499.

nhấn mạnh, Nhà nước phải thực sự rõ là người đầy tớ trung thành của nhân dân, phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Người viết: "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy, cán bộ đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*"¹. Người thường cẩn dặn: "Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trôc. Cán bộ đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính"².

Thứ bảy, Đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân phải là một bộ phận khăng khít của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

Đây là một nguyên tắc quan trọng trong thuyết Mác - Lenin về Đảng Cộng sản. Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất của giai cấp công nhân trong nền đại công nghiệp. Chính nền sản xuất đại công nghiệp là "sợi dây tự nhiên" thắt chặt tình đoàn kết giai cấp công nhân giữa các nước. Theo Ph.Ăngghen, sự đoàn kết quốc tế, nghĩa vụ

1. *Sđd*, t.7, tr.572.

2. *Sđd*, t.8, tr.513.

quốc tế của các Đảng Cộng sản luôn luôn tồn tại, dù người ta "không tự coi mình, và cũng chẳng tự tuyên bố mình là một bộ phận của Quốc tế đi nữa". Thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp đã đem đến cho giai cấp công nhân bài học: chỉ có đoàn kết, giai cấp công nhân mới có được sức mạnh để tự giải phóng mình và giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động và bị áp bức nói chung. Vì vậy, năm 1920, Quốc tế Cộng sản kêu gọi: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!".

Thẩm nhuần quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo vun đắp tình đoàn kết keo sơn giữa các đảng cộng sản và công nhân quốc tế. Người cho rằng: "Quan sơn muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em". Nhờ có tình đoàn kết keo sơn ấy mà cách mạng Việt Nam có được sức mạnh để giành những thắng lợi vẻ vang.

Trong thời đại mới, theo Hồ Chí Minh, trong cách mạng giải phóng dân tộc, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải biết "*Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*"¹. Cách mạng giải phóng dân tộc là bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể tách rời sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các đảng cộng sản, phong trào công nhân và nhân dân lao động, tiến bộ toàn thế giới. Người từng khẳng

1. Sđd, t.12, tr.304.

định: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"¹. Xu thế khách quan trên đây, đòi hỏi các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân vừa phải làm tròn trách nhiệm lịch sử trước dân tộc mình, vừa phải phấn đấu làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Đó là yêu cầu tất yếu khách quan.

Những nội dung trên đồng thời là những tiêu chí xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Có người nói: giai cấp công nhân Việt Nam số người còn ít, không lãnh đạo được cách mạng. Hồ Chí Minh đã bác bỏ và khẳng định: "Lãnh đạo được hay là không, là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều hay ít của giai cấp". Đặc tính cách mạng đó chính là bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Thành phần giai cấp công nhân trong Đảng tuy là một yếu tố quan trọng để xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhưng không phải là yếu tố duy nhất và yếu tố quan trọng nhất. Theo Hồ Chí Minh, bảy yếu tố nêu trên mới là những yếu tố quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

II. NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức là ba mặt có mối quan hệ khăng khít với nhau, việc tách ra để

1. *Sđd*, t.12, tr.305.

nghiên cứu cũng chỉ là tương đối.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị có nhiều nội dung, bao gồm xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển lý luận, hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị, v.v.. Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi nêu lên một số vấn đề chính sau:

1. Xây dựng đường lối chính trị

Đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Vì thế, việc xây dựng đường lối chính trị trở thành một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng ta. Với tư cách là lãnh tụ của Đảng, Hồ Chí Minh là một "kiến trúc sư trưởng" cùng với Đảng hoạch định đường lối của Đảng. Khi vừa ra đời, Đảng ta đã có ngay một cương lĩnh chính trị đúng đắn. Đó là đặc điểm đáng chú ý trong toàn bộ quá trình hoạt động của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), ngoài việc đặt trọng tâm cho việc đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta vạch ra cương lĩnh chính trị chung để kiện toàn Đảng khi Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là "Đảng Lao động Việt Nam". Tại thời điểm này, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nêu cụ thể hơn việc chuẩn bị những tiền đề cho nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960), Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng hoạch định đường lối cụ thể về cách mạng Việt Nam gồm hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để đi đến mục tiêu thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mỗi quan hệ cách mạng của hai miền đã được vạch ra một cách cụ thể, sinh động. Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước cũng như thắng lợi của bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã chứng minh cho sự đúng đắn hoàn toàn của đường lối chính trị của Đại hội lần thứ III.

Đảng Cộng sản Việt Nam - một đảng duy nhất cầm quyền - có vai trò định hướng phát triển cho toàn xã hội. Đây là vai trò mà không có một tổ chức nào khác có thể thay thế được. Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị của mình chủ yếu bằng việc đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như sách lược và quy định những mục tiêu phát triển của xã hội trên phương hướng lâu dài cũng như của từng giai đoạn. Sai lầm về đường lối là sai lầm nghiêm trọng nhất đối với xã hội, với vận mệnh của Tổ quốc và sinh mạng chính trị của hàng triệu đảng viên cũng như của hàng triệu nhân dân lao động. Bài học từ sự sụp đổ của Đảng Cộng sản

Liên Xô và nhiều đảng cộng sản cầm quyền ở các nước Đông Âu đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã nói lên điều đó.

Vậy thế nào là đường lối chính trị đúng đắn và để có đường lối chính trị đúng thì Đảng phải như thế nào?

Hồ Chí Minh khẳng định: "*Phải có đường lối cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng*. Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc. Ở Việt Nam, đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của giai cấp vô sản và đảng của nó là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc"¹.

Như vậy, Đảng muôn xây dựng đường lối chính trị, theo Hồ Chí Minh, cần coi trọng những vấn đề:

Một là: Đường lối chính trị phải dựa trên cơ sở tư tưởng, cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kỳ.

Những tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin là sự thâu thái về cơ bản cái tinh túy từ các tri thức tiến bộ của nhân loại. Bản thân Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống chuyển sang lập trường chủ nghĩa cộng sản cũng bởi tiếp nhận, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, chính

1. *Sđd*, t.11, tr.493-494.

chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở chủ yếu nhất cho sự hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhưng vấn đề đặc biệt mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng đường lối chính trị là phải vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể. Sáng tạo - đó là yêu cầu quan trọng đầu tiên khi các đảng cộng sản áp dụng học thuyết của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc mình để xây dựng đường lối chính trị.

Để có thể sáng tạo và bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Về điều này, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn"¹.

Trong việc vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc xây dựng đường lối chính trị, một vấn đề đặt ra là việc tiếp thu kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em. Vì vậy, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến tiếp thu "kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta... Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo

1. *Sđd*, t.9, tr.292.

điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại"¹.

Chủ nghĩa Mác - Lênin mà Hồ Chí Minh lưu ý là chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo, không được phép giáo điều. Nếu biến chủ nghĩa Mác - Lênin thành công thức cứng đờ thì đường lối chính trị của Đảng chỉ là sự sao chép và không chứa đựng khả năng thực thi. Quá trình giáo điều của mỗi đảng cộng sản cũng đồng thời là quá trình làm nghèo đi chủ nghĩa Mác - Lênin, một học thuyết vốn rất sống động.

Hai là: Trong xây dựng đường lối chính trị, theo Hồ Chí Minh, phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và của thời đại trong từng giai đoạn hoặc cả thời kỳ dài.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều"².

Theo Hồ Chí Minh, phải gắn lý luận Mác - Lênin với tình hình thực tiễn của đất nước. Năm 1957, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác. Tuy vậy, việc kết hợp chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của cách mạng Việt Nam chưa được hoàn toàn. Có nhiều sai lầm là do sự thiếu kết hợp đó. Ví dụ những sai lầm trong cải cách

1, 2. Sđd, t.8, tr.499.

ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, xây dựng kinh tế"¹.

Những đặc điểm thực tế ở nước ta trong từng thời kỳ trở thành một căn cứ cực kỳ quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối, chủ trương. Chính những vấn đề thực tiễn, đến lượt nó, lại tác động bổ sung cho những vấn đề lý luận Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng: "lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"².

Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng nghiên cứu đặc điểm tình hình và nhấn mạnh đến việc xem xét tình hình cụ thể "từng lúc, từng nơi", khi đề ra đường lối, nhiệm vụ để Đảng lãnh đạo phát triển đất nước.

Xét trong mối quan hệ giữa những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc điểm của dân tộc, thì hai yếu tố này tác động chặt chẽ với nhau, không loại trừ nhau trong khi xây dựng đường lối chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng: không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin là một sai lầm nghiêm trọng, là phạm phải chủ nghĩa giáo điều; nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin thì cũng mắc sai lầm nghiêm trọng, là phạm phải chủ nghĩa xét lại³.

Một đường lối chính trị đúng còn là đường lối chưa

1, 2. *Sđd*, t.8, tr.498, 496.

3. Xem: *Sđd*, t.8, tr.499.

dụng khả năng thực thi trong thực tế, nghĩa là nó đáp ứng được yêu cầu thực tế của cuộc sống. Có như vậy thì đường lối chính trị đó mới mang trong lòng mình tính cách mạng và khoa học. Thực tế hoạt động của Đảng ta trong hơn 70 năm qua đã chứng minh điều đó là hoàn toàn đúng.

Ba là: Để có đường lối nhiệm vụ chính trị đúng, "Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và là bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và cả dân tộc".

Đường lối chính trị phản ánh một cách rất rõ ràng trình độ, năng lực của Đảng. Đảng yếu kém, trí tuệ hạn chế, v.v. thì đường lối chính trị mà Đảng đề ra khó mà đúng đắn được. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, do đó, lại là vấn đề xây dựng chính bản thân Đảng, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn để tăng cường sức mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong việc xây dựng đảng để Đảng đề ra đường lối chính trị đúng, Hồ Chí Minh đã đề cập những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Không ngừng nâng cao trình độ lý luận, bởi vì lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội trong quá trình lịch sử.

- Gắn lý luận với thực tiễn, tránh lý luận suông, phải gắn lý luận Mác - Lê nin với việc phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong khi vận dụng chủ nghĩa

Mác - Lênin thì phải bổ sung, làm phong phú thêm lý luận đó bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh cho rằng: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông"¹.

- Mở rộng và thực hành dân chủ ở trong Đảng để mọi đảng viên đóng góp hết ý kiến của mình cho Đảng trên tinh thần xây dựng theo đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

- Phải nghiên cứu tình hình cụ thể, sâu sát, tỉ mỉ, có tác phong công tác tốt, tránh quan liêu, đại khái, hình thức. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể; kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra nghiên cứu trong mọi công tác cũng như khi định ra mọi đường lối, chủ trương của Đảng.

2. Việc thông qua nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết

Việc thông qua nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết là hai "công đoạn" có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có

1. *Sđd*, t.8, tr.496.

thể có những vấn đề lớn có tính chất cương lĩnh được thông qua bằng nghị quyết, cũng có những nghị quyết về những vấn đề cụ thể nhất định. Nghị quyết của Đảng chính là sự thể hiện quan điểm chính thức của Đảng về nhiệm vụ mà tất cả mọi tổ chức, mọi đảng viên có trách nhiệm thực hiện một cách nghiêm chỉnh.

Để ra nghị quyết, tổ chức đảng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về tất cả các mặt: nhận định những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài; có sự nghiên cứu trước, đưa ra những dự án; tổ chức thảo luận trong nội bộ Đảng thật sự dân chủ, nếu cần thiết thì mở rộng cho nhân dân tham gia ý kiến, v.v..

Ở đây, phải chú ý từ hai phía: phía cấp ủy, nhất là cán bộ chủ chốt của Đảng và từ phía mỗi đảng viên trong tổ chức đảng.

Vai trò của cấp ủy, trong đó người đứng đầu là rất quan trọng trong việc lựa chọn vấn đề, các phương án và phải phổ biến trước cho đảng viên. Làm như vậy để cho đảng viên có đủ thời gian cần thiết để nghiên cứu chuẩn bị ý kiến tham gia trong quá trình thảo luận. Như vậy, đòi hỏi phải làm tốt công tác thông tin.

Nhưng thông qua nghị quyết chưa phải là đã xong, mà một vấn đề quan trọng nữa là tổ chức thực hiện nghị quyết. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này để biến những điều trong nghị quyết thành hiện thực trong cuộc sống. Nói đến thực hiện nghị quyết của Đảng là nói đến toàn bộ hoạt động thực tiễn hết sức phong phú và kiên trì. Hồ Chí Minh

nhấn mạnh đến những điểm chủ yếu sau đây:

- Có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người hoặc từng nhóm. Hồ Chí Minh cho rằng: "Việc gì đã được đồng người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy"¹.

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu đường lối, chủ trương của Đảng.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, thiết thực. Hồ Chí Minh là người rất coi trọng điều này. Hồ Chí Minh cho rằng: kế hoạch phải thiết thực, kế hoạch một phần, biện pháp thực hiện phải hai phần; phải tạo ra hiệu quả công tác, chứ phô trương hình thức.

- Phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để điều chỉnh, bổ cứu tạo ra hiệu quả cao.

- Sau khi thực hiện nghị quyết, phải tổng kết kinh nghiệm.

Như vậy sức chiến đấu của Đảng về chính trị thể hiện ở việc xây dựng đường lối chính trị đúng, cụ thể hóa đường lối chính xác, kịp thời và thực hiện đường lối thắng lợi.

3. Bảo vệ chính trị nội bộ là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng về chính trị

Trong suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện, lãnh đạo Đảng ta, Hồ Chí Minh luôn luôn cho rằng, công

1. Sđd, t.5, tr.504.

tác bảo vệ Đảng là nhân tố quan trọng, quan hệ đến sự sống còn của Đảng và sự thành bại của cách mạng; nó là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng nhằm giữ vững và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đảng trong sạch, vững mạnh thì cách mạng mới thành công. Đảng muốn mạnh, thì phải được xây dựng và bảo vệ vững chắc. Hai vấn đề đó gắn bó chặt chẽ với nhau và được thể hiện cụ thể sinh động trong hoạt động lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Bảo vệ Đảng về chính trị, trước hết là phải bảo vệ cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Đồng thời phải đấu tranh chống các quan điểm phản động cũng như những âm mưu, hành động xuyên tạc, phá hoại đường lối của Đảng ta. Trong nội bộ Đảng và nhân dân ta, phải chú ý phê phán những nhận thức lệch lạc về đường lối, quan điểm của Đảng trong một số cán bộ, đảng viên, thường xuyên kiểm tra, tổng kết để điều chỉnh, bổ khuyết các chủ trương, biện pháp lãnh đạo của Đảng.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng trước hết phải đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh chú trọng tới việc chống chủ nghĩa giáo điều, xét lại, cơ hội, hạ thấp hoặc phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng cũng đặt ra yêu cầu đấu tranh, phê phán và gột rửa những biểu hiện của tư tưởng "phi vô sản" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; giáo dục đạo đức cách mạng, đấu tranh với sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng còn phải chống lại hoạt động phá hoại tư tưởng trong xã hội của các thế lực thù địch. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này. Người đã vạch trần những thủ đoạn, lời nói miệt thị, xuyên tạc hình ảnh người cộng sản, hòng bôi nhọ Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, Hồ Chí Minh luôn lưu tâm đến hoạt động phá hoại tư tưởng của đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước, kêu gọi toàn Đảng, toàn dân phải luôn cảnh giác, chống lại những hoạt động phá hoại của chúng. Người viết: "Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội thì bọn Mỹ - Diệm không muốn cho chúng ta thành công. Chúng âm mưu phá hoại ta bằng nhiều cách. Chúng còn bịa đặt tin đồn nhảm, phá hoại tinh thần của dân ta". Chúng nói một đằng chúng làm một nẻo, "tay chúng càng gây ra tội ác dã man, thì miệng chúng lại càng rêu rao "hoà bình", "thương lượng"".

Bảo vệ Đảng về tổ chức là chống lại bọn phản động cài cắm người của chúng vào nội bộ Đảng. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ phải ngăn chặn những hoạt động của bọn phản động lợi dụng những khuyết điểm của Đảng để phá hoại Đảng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta. Lợi dụng những sai lầm và khuyết điểm đó để đạt mục đích tự tư tự lợi của họ... Bọn phản động và bọn đầu cơ là dịch nhân lọt vào trong Đảng để phá hoại. Vì vậy chúng ta phải ra sức đề phòng. Mỗi khi trong Đảng có

khuyết điểm thì chúng ta phải tìm cách chờ để cho ai lợi dụng”¹.

Bảo vệ Đảng về tổ chức bao gồm cả việc bảo vệ và thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nghiêm chỉnh tuân theo kỷ luật của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ những biểu hiện của việc thi hành kỷ luật không nghiêm và tác hại to lớn của chúng. Người viết: “Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình mến nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậm cho nhau, tha thứ lẩn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm Đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại Đoàn thể ta”².

Việc bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của Đảng cũng như bảo vệ hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở cũng là một nội dung mà Hồ Chí Minh chú trọng trong việc bảo vệ Đảng.

Trong công tác bảo vệ Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh

1, 2. Sđd, t.5, tr.264, 73.

đến việc tích cực, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng.

Giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giáo dục về phẩm chất đạo đức cách mạng, sự kiên định lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân.

Để chủ động ngăn chặn sự phá hoại của kẻ thù, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng, sự kiên định lập trường của giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên.

Đối với tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục kết nạp đảng viên, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải hết sức thận trọng khi thực hiện vấn đề này. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, kết nạp đảng viên phải bảo đảm tiêu chuẩn, đúng nguyên tắc, thủ tục và phải được thử thách cẩn thận nhằm làm cho những người vào Đảng không phải để "làm quan cách mạng", để "thăng quan phát tài" và những kẻ phá hoại Đảng chui vào Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, việc quản lý cán bộ phải được thực hiện một cách nghiêm túc và phải biết rõ cán bộ. Chỉ như thế mới sử dụng đúng cán bộ. Việc lựa chọn cán bộ phải được tiến hành một cách cẩn thận, tuân thủ những quy định chặt chẽ của Đảng. Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định đó sẽ hạn chế được những kẻ cơ hội, phá hoại

chui vào Đảng, nắm giữ những chức vụ quan trọng, gây hậu quả xấu cho Đảng.

Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, duy trì kỷ luật nghiêm minh là một biện pháp rất quan trọng để bảo vệ Đảng. Người yêu cầu đảng viên phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Đảng. Nếu kỷ luật Đảng lỏng lẻo thì những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào Đảng để phá hoại. Đối với những kẻ xấu phá hoại Đảng đã bị phát hiện phải xử lý nghiêm minh. Song, phải xác định rõ từng đối tượng để xử lý đúng mức.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc phòng gian bảo mật, coi "giữ bí mật của Nhà nước là một bộ phận trong cuộc đấu tranh với địch". Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng phải giữ bí mật, đồng thời phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên để lộ bí mật của Nhà nước. Hồ Chí Minh viết: Nhiều cán bộ còn phạm khuyết điểm: Không cẩn thận trong việc viết, in, gửi, quản lý và kiểm tra văn kiện bí mật. Mang văn kiện bí mật về nhà xem; xem văn kiện bí mật ở chỗ đông người; ghi chép những việc bí mật vào sổ tay thường của mình. Hay ba hoa, đưa việc bí mật nói với vợ con, bâu bạn... Ở quán cơm, rạp hát, công viên, tiệm hớt tóc... cũng đưa việc trong cơ quan ra nói. Khi viết thư riêng, hoặc viết bài cho báo chí, cũng nói đến việc bí mật... Như thế là các cán bộ đó dã vô tình mà giúp cho địch¹.

1. Xem: Sđd, t.8, tr.121-122.

Trước âm mưu, thủ đoạn phá hoại Đảng, phá hoại cách mạng rất thâm độc, xảo quyệt của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng đến việc phòng gian, bảo mật. Người viết: "phải có tinh thần *cảnh giác, phòng gian, bảo mật*. Việc đó chúng ta làm chưa được tốt lắm. Các nơi còn làm lộ bí mật, cán bộ còn nói lung tung, làm lộ bí mật của Đảng, của Nhà nước. Bệnh ba hoa còn nhiều, còn làm mất tài liệu bí mật..."¹.

Hồ Chí Minh khẳng định: "Cuộc chiến tranh thắng hay bại, một phần lớn do biết giữ bí mật hay không biết giữ bí mật, mà quyết định... Ta biết *giữ bí mật*, thì bọn Việt gian mật thám khó mà hoạt động. Ta biết *giữ bí mật*, thì dù địch có trăm tai, ngàn mắt, cũng không dò được tin và đoán trước được sự hành động của ta"². Hồ Chí Minh cũng đặc biệt chú ý việc phải dựa vào nhân dân, tổ chức và động viên nhân dân tích cực tham gia bảo vệ Đảng.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải dựa vào dân để tiến hành công tác bảo vệ Đảng, phải tăng cường giáo dục cho nhân dân về trách nhiệm bảo vệ Đảng, giáo dục để họ hiểu rõ âm mưu thủ đoạn phá hoại Đảng của các thế lực thù địch, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức phòng gian, bảo mật... Qua đó, động viên nhân dân tích cực tham gia bảo vệ Đảng. Hồ Chí Minh cho rằng: "Nhân dân ta có hàng chục triệu

1. *Sđd*, t.12, tr.23.

2. *Sđd*, t.5, tr.468-469.

người, có hàng mấy chục triệu tai mắt, tay chân. Nếu biết dựa vào nhân dân, thì việc gì cũng xong"¹. Nếu biết dựa vào dân, tổ chức nhân dân tiến hành bảo vệ Đảng thì chắc chắn Đảng sẽ được bảo vệ vững chắc. Bởi vì "hàng triệu lỗ tai, con mắt của nhân dân chẳng thành những bức "thiên la địa võng" nên lũ mật thám không sao thoát được". Bởi vì, dựa vào dân, động viên nhân dân tham gia bảo vệ Đảng sẽ tạo nên sức mạnh to lớn "thì bọn gian phi, côn đồ sẽ lòi mặt ra và sẽ phải cải tà quy chính dưới lực lượng to lớn của quần chúng"².

Việc tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, về tinh thần cảnh giác cách mạng, về trách nhiệm bảo vệ Đảng, về lòng yêu nước, truyền thống giữ nước của dân tộc... kết hợp chặt chẽ với hoạt động của công an, quân đội sẽ tạo nên sức mạnh vô địch để tiến hành công tác bảo vệ Đảng. Đó là biện pháp hiệu nghiệm để bảo vệ Đảng. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh, "Chống bọn phá hoại cũng như chống mật thám Mỹ, cách tốt nhất là tổ chức và giáo dục nhân dân đến nơi đến chốn. Lòng nồng nàn yêu nước và tinh thần cảnh giác của nhân dân, cộng với sự cố gắng của bộ đội và công an - là cái lưới (thiên la địa võng), bất kỳ bọn phá hoại nào, bọn mật thám nào cũng không lọt được cái lưới ấy của nhân dân"³.

1. *Sđd*, t.5, tr.406.

2. *Sđd*, t.7, tr.363.

3. *Sđd*, t.8, tr.113.

III. NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG VỀ TƯ TƯỞNG

Ngay từ khi Đảng chưa ra đời, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm tới công tác tư tưởng. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp tại Tua (12-1920) trong lời phát biểu của mình, Hồ Chí Minh đã tố cáo tội ác man rợ của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa; đồng thời, Người kêu gọi Đảng Xã hội Pháp cần phải "hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức (...) Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa"¹.

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã rất coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị kể cả ở trong Đảng, trong nhân dân, ở trong nước và quốc tế. Người tận dụng mọi diễn đàn để tuyên truyền, giác ngộ chính trị cho quần chúng. Người đã đề xuất và giải quyết những vấn đề rất cơ bản trọng đại của cách mạng Việt Nam, từ những vấn đề thuộc đường lối chiến lược, sách lược đến những chính sách cụ thể.

Một trong những di sản to lớn mà Hồ Chí Minh để lại cho Đảng ta là kho tàng kinh nghiệm vô giá về công tác tư tưởng. Vì vậy, việc nghiên cứu những tư tưởng của Người nói chung và về công tác tư tưởng nói riêng trong giai

1. *Sđd*, t.1, tr.23.

đoạn hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Vấn đề xây dựng Đảng về tư tưởng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Vai trò của tư tưởng và công tác tư tưởng.
- Vai trò của lý luận và công tác lý luận.
- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

I. Vai trò của tư tưởng và công tác tư tưởng

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của tư tưởng trong đời sống chính trị, xã hội; và vai trò của công tác tư tưởng trong công tác xây dựng Đảng, trong các quá trình hoạt động, lãnh đạo của Đảng. Những quan điểm của Người về vấn đề này tập trung trong những nội dung cơ bản, khái quát sau đây:

- *Giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là công việc quan trọng của Đảng.*

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đảng về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó: "giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là việc quan trọng nhất của Đảng, phải kiên quyết không cái thói xem nhẹ tư tưởng"¹. Tư tưởng thông suốt thì hành động mới tích cực, đúng hướng. Do đó, trong mọi hoạt động của con người, của tổ chức, công tác tư tưởng phải luôn luôn đi trước một bước.

1. Sđd, t.7, tr.234.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã nêu rõ lý do: "Vì sao phải viết sách này?" và Người chỉ ra rằng, đó là để giác ngộ đồng bào, đồng chí đứng lên làm cách mạng. Theo Người, phàm làm bất cứ công việc gì lớn hay bé, khó hay dễ nếu không ra sức thì "chắc không thành công" nhưng nếu đồng tâm hiệp lực thì có thể làm nổi. Muốn vậy thì mọi người phải hiểu rõ vì sao mà làm, làm như thế nào..., có như thế "mục đích mới đồng", "chí mới đồng", "tâm mới đồng". Viết tác phẩm này, Người xác định rất rõ mục đích là để đồng bào xem, đồng bào hiểu: vì sao phải làm cách mệnh? Vì sao cách mệnh là việc làm của dân chúng, của mọi người? Ai là bạn? Ai là thù?... Và Người "ước sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh"¹. Xuất phát từ quan điểm "cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ" nên Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đường cách mệnh* và như vậy Người đã làm công tác tư tưởng đối với đồng bào, đồng chí. Người đã đưa công tác tư tưởng đi trước một bước nhằm giác ngộ mọi người, tập hợp lực lượng, thống nhất mục đích, đồng tâm hiệp lực làm cách mạng. Công tác tư tưởng chính là khâu đột phá đầu tiên, là chiếc "chìa khoá" để bắt đầu tiến hành bất kỳ một quá trình, một hoạt động tự giác nào của mọi người, mọi tổ chức trong đời sống xã hội.

Hồ Chí Minh rất coi trọng những kinh nghiệm của tổ

1. *Sđd*, t.2, tr.261-262.

tiên. Trong *Lời hiệu triệu*, Người viết: Người xưa có nói rằng: "đánh vào lòng là hơn hết; đánh vào thành trì là thứ hai" và Người khẳng định "trước hết là báng tinh thần: bại không nản, thắng không kiêu... đồng tâm, nhất trí"¹.

Tinh thần, tư tưởng, sự giác ngộ luôn luôn là yếu tố đầu tiên tạo nên lòng quyết tâm, ý chí kiên cường của người cách mạng; là tiền đề, cơ sở để có hoạt động thống nhất, mạnh mẽ, có hiệu lực. Hồ Chí Minh coi sự thống nhất về tư tưởng, về hành động là nguồn sức mạnh to lớn của Đảng. Người nhấn mạnh: "Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cắt rời, "trông đánh xuôi, kèn thổi ngược". Như vậy, thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng"².

- *Công tác tư tưởng là một biện pháp quan trọng để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quần chúng, để tập hợp lực lượng cách mạng.*

Khi bàn về vấn đề này, Người chỉ ra rằng, dân vận là vận động lực lượng của mỗi người dân, góp thành lực lượng toàn dân. Người cho rằng, công tác dân vận không thể chỉ dùng báo chí, sách vở, khẩu hiệu..., mà theo Người, "Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được"³.

1. *Sđd*, t.4, tr.187, 188.

2. *Sđd*, t.9, tr.288.

3. *Sđd*, t.5, tr.698.

- Tư tưởng cách mạng là vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ và công tác tư tưởng là mặt trận quan trọng của người cộng sản.

Trong bài viết *Lênin và các dân tộc thuộc địa*, Hồ Chí Minh coi việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga là một bài học kinh nghiệm rất quý báu về công tác tư tưởng, tuyên truyền đối với các nước thuộc địa. Nhân dân các nước thuộc địa nhận thức rõ những tư tưởng của Lênin về vấn đề thuộc địa, từ đó, họ tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt niềm tin to lớn vào chủ nghĩa cộng sản và họ đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng mình. Hồ Chí Minh coi tư tưởng, công tác tư tưởng là một mặt trận và những cán bộ, đảng viên "phải là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng"¹.

- Công tác tư tưởng là một nội dung, phương thức lãnh đạo quan trọng của Đảng.

Trong bài viết *Phải tẩy sạch bệnh quan liêu*, khi bàn về nghĩa vụ "phụng sự nhân dân", "làm đầy tổ nhân dân" của Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: "Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân..."².

Theo Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng có một vị trí rất lớn trong quá trình tổ chức việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Người chỉ ra rằng sau khi có đường lối,

1. *Sđd*, t.11, tr.78.

2. *Sđd*, t.6, tr.88.

chủ trương rồi, phải có biện pháp tổ chức thực hiện đường lối cho tốt. Đó là "kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần và quyết tâm phải ba phần". Người khẳng định rằng, công tác tư tưởng, chính trị phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức. "Tư tưởng thông, mọi người hăng hái thực hiện kế hoạch mới tốt"¹.

- *Công tác tư tưởng là một biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.*

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có những con người xã hội chủ nghĩa và công tác tư tưởng là biện pháp rất quan trọng để giáo dục, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tiến hành nhiều cuộc vận động chỉnh huấn. Thực chất của chỉnh huấn là một cuộc vận động lớn về tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân "nhằm xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa"².

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, tư tưởng là vấn đề cốt lõi của đời sống tinh thần con người; tư tưởng bao gồm lập trường quan điểm, trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, truyền thống đạo đức của con người. Hồ Chí Minh quan niệm công tác tư tưởng luôn luôn giữ vai trò chủ đạo, đầu tiên chỉ phôi sự suy nghĩ hành động của con người. Tư tưởng đúng đắn, thông suốt, lập trường giai cấp vững vàng luôn luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu tạo nên lòng

1, 2. Sđd, t.10, tr.266, 310.

quyết tâm, ý chí kiên cường của người cách mạng; là tiền đề, là cơ sở để hành động thống nhất, mạnh mẽ, có hiệu lực. Ngược lại, những tư tưởng lạc hậu, phản động là những lực cản kìm hãm quá trình tiến bộ xã hội. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nguồn sức mạnh đặc biệt to lớn của Đảng.

2. Vai trò của lý luận và công tác lý luận

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Để quá trình hoạt động đó tránh được những sai lầm, thiếu sót, giành được những thắng lợi to lớn thì rất cần phải có sự chỉ dẫn của *lý luận khoa học*.

Vai trò tiên phong của các đảng cộng sản như Mác và Ăngghen chỉ ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, được thể hiện trên hai phương diện lý luận và hoạt động thực tiễn.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh rất coi trọng hoạt động lý luận tập trung trên ba mặt chủ yếu:

Một là, ra sức học tập, nghiên cứu để nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê nin và những kinh nghiệm quý báu của các thế hệ ông cha ta trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước cũng như kinh nghiệm của các nước.

Hai là, từ thực tiễn của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, con người Việt Nam, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc

vận dụng lý luận và tổng kết thực tiễn rút ra những bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam.

Bà là, truyền bá lý luận Mác - Lênin để đồng bào, đồng chí hiểu Đảng, hiểu cách mạng, hiểu đường lối, chủ trương của Đảng rồi đứng lên đánh đuổi đế quốc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, ai cũng đủ cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành...

Trên cả ba mặt đó, Người luôn luôn căn dặn Đảng phải chú ý chống bệnh chủ quan, giáo điều, máy móc và thổi phồng những đặc thù, coi thường lý luận, rơi vào chủ nghĩa xét lại.

Hồ Chí Minh quan niệm lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội trong lịch sử. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, theo Người, đó "là sự tổng kết những kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay ở tất cả các nước,... khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột... khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản"¹.

Hồ Chí Minh quan niệm lý luận là những vấn đề rất thực tế, từ "thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với

1. Sđd, t.8, tr.497.

thực tế. Đó là lý luận chân chính"¹.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của lý luận, đặc biệt là lý luận Mác - Lênin; đồng thời Người cũng rất coi trọng công tác lý luận của Đảng nhằm nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của tổ tiên trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhằm tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng nước ta rút ra những bài học có ý nghĩa, có giá trị lý luận.

Vai trò của lý luận theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập trung ở những luận điểm cơ bản sau đây:

Một là, lý luận đóng vai trò định hướng cho hành động.

Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của quá trình phát triển của xã hội loài người, tổng kết những thành công và cả những thất bại của cách mạng qua các giai đoạn, các thời kỳ lịch sử. Từ những bài học kinh nghiệm thực tiễn lặp đi lặp lại đó, con người rút ra những quy luật vận động của sự vật, hiện tượng.

Khi đặt vấn đề Đảng lãnh đạo thế nào và lãnh đạo bằng cái gì, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, lý luận rất quan trọng: "Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi"². Rằng, nguyên nhân của bệnh chủ quan, bảo thủ là do "Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông"³.

Vì kém lý luận nên không biết xem xét đánh giá đúng sự vật, hiện tượng; không biết nhanh chóng xử trí, giải

1, 2, 3. Sđd, t.5, tr.233, 234.

quyết đúng những mâu thuẫn; không nhận rõ được điều kiện, hoàn cảnh khách quan, chủ quan; "ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại"¹.

Hai là, lý luận đóng vai trò dự đoán tương lai.

Sự vật luôn luôn vận động, phát triển không ngừng. Những hiện tượng của hôm nay đều có nguồn gốc nảy sinh từ quá khứ. Cái hiện tại có thể sẽ là bước đi tiếp theo nào đó nảy sinh trong tương lai. Lý luận giúp con người từ hiện tại có khả năng phán đoán được tương lai. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế"²; rằng, trong thực tế, có những cán bộ có nhiều kinh nghiệm, điều đó rất quý, nhưng nếu họ "biết thêm lý luận thì công việc lợi hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi". Người nói: "Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ"³.

Lý luận giúp con người định hướng đúng cho hành động hiện tại, phán đoán đúng những bước đi và sự phát triển của tương lai. "Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông"⁴. Người viết rằng, dù đọc được ngàn vạn cuốn sách lý luận, nhưng nếu không biết đem ra thực hành thì như thế "không phải đã là biết lý luận", "khác nào một cái hòm

1, 2, 3, 4. Sđd, t.5, tr.234, 238.

dựng sách", "xem nhiều sách để mà loè, để mà ra ta đây, thế không phải là biết lý luận". Người khẳng định: "Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem *loè* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích.

Vì vậy, chúng ta phải *gắn học*, đồng thời học thì phải *hành*¹.

Ba là, lý luận giúp con người tạo lập niềm tin, kiên định lập trường, tư tưởng.

Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, làm theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là nhiệm vụ, là trách nhiệm của mỗi đảng viên. Lý luận Mác - Lênin giúp chúng ta hiểu các quy luật vận động của xã hội loài người, hiểu con đường nên đi và cần đi để xây dựng một xã hội Việt Nam ấm no, hạnh phúc.

Trong *Bài nói chuyện ở lớp huấn luyện đảng viên mới* (5-1966) ở Hà Nội, Hồ Chí Minh đã nêu rõ, muốn xứng đáng với danh hiệu đảng viên, phải không ngừng rèn luyện tư tưởng vô sản và giữ vững lập trường, phải cố gắng học để nâng cao trình độ hiểu biết của mình. Người nói rằng, Người "đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm"; để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh; "Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. Muốn xây dựng chi bộ "bốn tốt" thì phải bồi dưỡng lập trường vô sản cho đảng viên. Muốn có lập trường vô sản vững chắc,

1. *Sđd*, t.5, tr.235.

thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng"¹.

Cách mạng là một quá trình đấu tranh để giải quyết các mâu thuẫn. Suốt quá trình đó, mâu thuẫn này được giải quyết thì đồng thời mâu thuẫn khác lại xuất hiện. Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng triệu quần chúng nhân dân lao động. Công việc cách mạng là vô cùng phức tạp, khó khăn, vì vậy "Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin"².

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ sự quan tâm sâu sắc đến lý luận và công tác lý luận; đặc biệt, Người hết sức coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Hầu như trong các bài viết và câu nói của Người đều gắn với thực tế Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng, sự "thông nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin"; "Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi"; Đảng cần mở trường để giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ lý luận cho đội ngũ cán bộ,

1. Sđd, t.12, tr.92.

2. Sđd, t.9, tr.292.

đảng viên; việc học tập lý luận đó không phải nhằm biến họ thành những người lý luận suông mà nhằm làm cho công tác của họ ngày càng tốt hơn, lập trường tư tưởng vô sản của họ ngày càng vững vàng hơn; học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là "học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin"; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin "để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta"¹.

Theo Hồ Chí Minh, để việc nghiên cứu học tập lý luận đạt kết quả tốt thì phải có thái độ học tập đúng. Đó là phải khiêm tốn, thật thà, đào sâu suy nghĩ, cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, "kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập"; phải tự nguyện, tự giác "xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ" mà người cán bộ, đảng viên phải hoàn thành cho được; phải tích cực, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng "không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập"².

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện tấm gương mẫu mực trong hoạt động lý luận. Người đặc biệt nêu cao vai trò của lý luận. Người luôn nhắc nhở rằng, lý luận không phải là cái gì cao siêu, xa rời và thoát ly thực tiễn; lý luận không phải là thứ để trang sức, để "loè" thiên hạ; lý luận luôn luôn là kim chỉ nam cho hành động. Xuất phát từ quan niệm đầy đủ

1, 2. Sđd, t.8, tr.497, 499.

và đúng đắn vai trò của lý luận, Người đã rất coi trọng công tác lý luận và hoạt động kiên cường trên mặt trận lý luận.

Khi viết báo, viết sách, tham gia các diễn đàn, hội nghị... ở đâu và lúc nào Người cũng tận dụng mọi thời cơ để tuyên truyền, giáo dục lý luận, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động. Người luôn luôn viết và nói một cách giản dị, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của đông đảo quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm giải quyết hàng loạt nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp. Để vượt qua mọi trở ngại, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ thực tiễn đó và tránh được những sai lầm, vấp váp, tăng cường và giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình, Đảng cần có sự chỉ dẫn của lý luận khoa học, cách mạng.

Lý luận cách mạng giúp Đảng định hướng đúng mọi hoạt động; dự đoán được các bước phát triển của cách mạng, của xã hội trong tương lai; tạo lập niềm tin, kiên định lập trường tư tưởng vô sản. Trình độ lý luận cao là cơ sở đầu tiên tạo lập cho Đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi biến động ở trong nước và trên thế giới; để ra được đường lối, chủ trương đúng đắn, tránh được các khuynh hướng mây móc, giáo điều, chủ quan nóng vội;

không hoang mang, dáo d矇 trước những diễn biến phức tạp.

Vì vậy, mọi đảng viên phải ra sức học tập lý luận Mác - Lênin, "cố gắng nắm vững những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam"¹.

Theo Người, học lý luận là "nhằm mục đích để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận", không phải để có "cái vốn" để sau này "đưa ra măc cả với Đảng", học lý luận Mác - Lênin, đó là "học tập tinh thần", "học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng đúng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng"².

Năm 1960, khi tổng kết những hoạt động của Đảng ta, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng trong 30 năm ấy, Đảng ta đã luôn luôn đứng vững trên lập trường vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân; để ra được đường lối, chủ trương đúng đắn; không ngừng đấu tranh chống những khuynh hướng cải lương, manh động, "tả", hữu khuynh; lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Sở dĩ cách mạng đạt được những thành tựu to lớn đó là vì Đảng ta trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng. Người kết

1. *Sđd*, t.10, tr.21.

2. *Sđd*, t.8, tr.497.

luận: "Chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Đảng ta vượt qua những trận thử thách ấy"¹.

Xuất phát từ sự nhận thức đánh giá cao vai trò của lý luận cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở Đảng không lúc nào được sao nhãng công tác lý luận, Đảng phải quan tâm giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải ra sức tuyên truyền đường lối, chính sách cho dân hiểu, dân làm, dân đi theo Đảng. Đảng phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung cho kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong hoạt động lý luận, Người luôn nhắc nhở phải giữ vững nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tiễn, phải kiên quyết khắc phục chủ nghĩa giáo điều, đề phòng xét lại.

3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng

Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động là nhằm từng bước trang bị, nâng cao nhân sinh quan và thế giới quan vô sản, tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, củng cố và tăng thêm niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, vào tiền đồ, tương lai của dân tộc, vào thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Tất nhiên, yêu cầu đối với từng đối tượng không như nhau.

1. Sđd. t.10, tr.17.

Cùng với việc triển khai công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng cũng cần phải coi trọng lãnh đạo công tác tư tưởng đối với các tầng lớp nhân dân, nhằm xây dựng ý thức xã hội, bảo đảm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng trở thành cơ sở cho suy nghĩ và hành động của mọi công dân; nhằm góp phần bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh, đạt hiệu quả cao.

Nói cách khác, làm công tác chính trị, tư tưởng đối với nhân dân là nhằm động viên nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Cơ sở xuất phát của tư tưởng này là do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong lịch sử và cách mạng là sự nghiệp sáng tạo của bản thân quần chúng nhân dân lao động.

Theo Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng đối với quần chúng nhân dân phải được tiến hành thường xuyên, không ngừng tác động theo hướng khơi dậy những tiềm năng to lớn của dân tộc, nêu cao ý thức tự lực, tự cường theo tinh thần "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", mở rộng khối đoàn kết toàn dân, theo phương châm "thêm bạn, bớt thù" tập trung lực lượng tiến công vào đối tượng đấu tranh chủ yếu, trực tiếp của cách mạng trong từng thời kỳ, ở từng thời điểm lịch sử cụ thể.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động bao gồm

những nội dung chủ yếu sau đây:

- Giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa;
- Giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin;
- Giáo dục đường lối, chính sách;
- Giáo dục nhiệm vụ của người đảng viên;
- Giáo dục đạo đức cách mạng;
- Giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu lao động, lòng nhân ái của dân tộc ta...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: chủ nghĩa cộng sản là mục đích cuối cùng của đảng công sản, người cộng sản vào Đảng là để đấu tranh cho lý tưởng cao đẹp đó của Đảng. Vì vậy, "đấu tranh cho chủ nghĩa cộng sản là lẽ sống của người đảng viên"¹.

Giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có một niềm tin vững chắc vào lý tưởng, vào sự nghiệp của Đảng là điều Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm. Tuy nhiên, Người không nói lý tưởng một cách trừu tượng. Người đã cụ thể hóa lý tưởng cộng sản chủ nghĩa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và Người nhắc nhở những người cộng sản Việt Nam: "không được phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là: suốt đời làm cách mạng phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi hoàn toàn trên Tổ quốc ta và trên thế giới"².

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò đặc biệt to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người ví như "cái cẩm

1. 2. Sđd, t.12, tr.93.

nang thần kỳ", là "mặt trời soi sáng" cho cách mạng Việt Nam. Vì vậy, Người coi việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là một nội dung quan trọng của đạo đức cách mạng.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chủ trương của Đảng; đồng thời, Người yêu cầu Đảng phải tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng. Đây là một vấn đề đặc biệt quan trọng được Người quan tâm nhằm làm cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng thực sự là những chiến sĩ tiên phong, mẫu mực nêu gương sáng cho quần chúng nhân dân lao động noi theo. Theo Người, thẩm nhuần đạo đức cách mạng là nguồn gốc dẫn đến những thành công của người cán bộ. "Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn; người cộng sản phải biết "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá"¹.

Đạo đức cách mạng theo quan niệm của Hồ Chí Minh là "Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

1. Sđd, t.9, tr.284.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ¹.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức như trên cũng chính là những nội dung chủ yếu và cụ thể của đạo đức cách mạng. Người luôn luôn đòi hỏi người đảng viên phải nêu gương đạo đức cho quần chúng noi theo. Trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người dặn dò rằng: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày dà thật trung thành của nhân dân"².

Theo Người, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức là con đường và cách thức tác động, chuyển tải những nội dung để nâng cao trình độ tư duy, định hướng cho quá trình nhận thức nhằm giải quyết những mâu thuẫn về tư tưởng, phát triển tiềm năng sáng

1. *Sđd*, t.9, tr.285.

2. *Sđd*, t.12, tr.510.

tạo của con người trên lĩnh vực tinh thần. Vì vậy, đây là một vấn đề rất phong phú, không dễ dàng; đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ, tinh linh hoạt, sáng tạo của tổ chức đảng và sự nỗ lực cao của mỗi cán bộ, đảng viên. Người quan tâm cả hai hình thức giáo dục:

Một là, giáo dục thông qua chế độ sinh hoạt nội bộ Đảng, sinh hoạt của các tổ chức quần chúng.

Hai là, thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng qua các trường, lớp ngắn hạn hoặc dài hạn.

Người chỉ rõ, muôn tư tưởng của Đảng trong sạch thì trước hết tư tưởng của cán bộ, đảng viên phải trong sạch; muốn giáo dục, cải tạo người thì trước hết phải tự giáo dục, tự cải tạo mình. Vì vậy, Người rất quan tâm tới việc bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để công tác giáo dục đạt kết quả tốt, các tổ chức đảng phải chủ động, có chương trình, kế hoạch cụ thể, giữ vững nguyên tắc; đồng thời mỗi cá nhân cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần tu dưỡng, rèn luyện, tự học. Theo Người, tự phê bình cũng là những hình thức giáo dục và tự giáo dục. Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ qua các trường, lớp huấn luyện, qua sinh hoạt nội bộ Đảng, sinh hoạt cơ quan, đơn vị mà còn cần phải quan tâm tới hình thức phương pháp giáo dục bằng nêu gương. Một người phải biết học nhiều người. Người nói: Trong xã hội những gương người tốt làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân

dân và cán bộ, đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục.

Theo Người, trong phương pháp giáo dục, phải chú ý tuân theo "nguyên tắc tự nguyện, tự giác, giải thích, bàn bạc, chứ không gò bó"¹. Nội dung giáo dục "cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều", "Đừng bôi bác, nếu ở trên bôi bác thì càng xuống dưới càng sai lệch"².

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải xuất phát từ nhu cầu, "nhằm đúng nhu cầu", đúng đối tượng, "phải gắn liền lý luận với công tác thực tế".

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ lập trường và phương pháp cách mạng chủ đạo của mình, Hồ Chí Minh đã hình thành và xác định rõ ranh giới quan điểm "ta - bạn - thù". Lập trường này không chỉ chi phối đường lối cách mạng Việt Nam, chiến lược đoàn kết dân tộc mà còn chi phối các hoạt động tư tưởng theo ba hướng cơ bản:

Một là: công tác tư tưởng trong nội bộ bao gồm Đảng và các tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam. Hồ Chí Minh coi đây là hướng tác động cơ bản nhất quyết định sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Do vậy, đây là hướng mà Người đã dành nhiều thời gian và công sức trong cuộc đời

1. *Sđd*, t.8, tr.216.

2. *Sđd*, t 6, tr.48.

hoạt động của mình. Ở hướng này, Người đã kết hợp chặt chẽ hai quá trình công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng và lãnh đạo tư tưởng các tầng lớp nhân dân lao động, trong đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng trong nội bộ Đảng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng.

Cùng với việc triển khai công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc lãnh đạo công tác tư tưởng đối với các tầng lớp nhân dân lao động nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Đây vừa là phương thức lãnh đạo vừa là mục tiêu chiến lược của cách mạng. Cơ sở xuất phát của tư tưởng này là sự xác định đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng trong lịch sử, vai trò quan trọng đặc biệt của khối liên minh công nông trong cách mạng Việt Nam.

Về nội dung công tác tư tưởng với nhân dân lao động, Người coi trọng giáo dục truyền thống dân tộc, yêu nước thương nòi; cần cù, dũng cảm, quật cường qua hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước... và nâng cao nhận thức nhiệm vụ cách mạng cho nhân dân.

Về hình thức, phương pháp công tác tư tưởng với quần chúng nhân dân, theo Người phải sử dụng nhiều hình thức, phương pháp với nội dung cụ thể, thiết thực. Các bài nói, bài viết của Người thường ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu. Người rất quan tâm tới hình thức nêu gương "người tốt, việc tốt", "người thật việc thật", kiên trì giáo dục thuyết phục, không gò ép, áp đặt. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên

phải là tấm gương sáng để quần chúng noi theo.

Hai là, công tác tư tưởng trên lĩnh vực đối ngoại. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng phải tích cực tăng cường các hoạt động tuyên truyền; một mặt, tố cáo vạch trần bộ mặt kẻ thù; mặt khác, bày tỏ lập trường quan điểm của nhân dân ta nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

IV. NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng là nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức, bao gồm các vấn đề xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ; hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng; tổ chức cơ sở Đảng và công tác kiểm tra thi hành kỷ luật trong Đảng.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng viên và xây dựng đội ngũ đảng viên.*

Vấn đề đảng viên là một trong những nội dung cơ bản của xây dựng Đảng. Đảng cộng sản chỉ có thể thực hiện được vai trò người lãnh tụ, người thầy và người tổ chức giải cấp công nhân nếu Đảng tập hợp được trong hàng ngũ của mình những chiến sĩ ưu tú của giải cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động khác. Do vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề đảng viên và việc xây dựng đội ngũ đảng viên. Khi nói về

vị trí, vai trò của người đảng viên, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng là gồm các đảng viên mà tổ chức nên. Mọi công việc Đảng đều do đảng viên làm. Mọi nghị quyết Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thâu đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện"¹ và "đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động"². Người cho rằng, trong mọi công việc đảng viên phải giữ vai trò tiên phong gương mẫu, thực hiện khẩu hiệu: "đảng viên đi trước làng nước theo sau". Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh yêu cầu: mỗi cán bộ, đảng viên "phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày dặn thật trung thành của nhân dân"³.

Vị trí, vai trò của đảng viên rất quan trọng trong mọi công việc của Đảng, vì vậy Hồ Chí Minh nêu rõ những đối tượng có thể kết nạp vào Đảng.

Trong *Điều lệ văn tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam* (1930), Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phán đấu trong một bộ phận Đảng

1. *Sđd*, t.7, tr.235-236.

2. *Sđd*, t.9, tr.288.

3. *Sđd*, t.12, tr.498.

thời được vào Đảng¹. Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng* tháng 2-1951, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Về thành phần, Đảng Lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng"². Khi nói chuyện với cán bộ Tỉnh uỷ Thanh Hoá cuối tháng 12-1968, Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ kết nạp những người vào Đảng để phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Còn đối với những người có tư tưởng vào Đảng để làm quan, thì phải đóng cửa lại, không cho họ vào.

Vậy, bằng cách nào để kết nạp vào Đảng những người trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, Hồ Chí Minh cho rằng, cần phải làm rõ tiêu chuẩn đảng viên. Tiêu chuẩn là những tiêu chí và chuẩn mực để xem xét và kết nạp đảng viên trong từng giai đoạn cách mạng. Do đó tiêu chuẩn đảng viên được bổ sung, phát triển gắn liền với từng giai đoạn cách mạng. Khi cách mạng Việt Nam đồng thời phải làm hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chí Minh nói về tiêu chuẩn của người đảng viên như sau:

· "Khi kết nạp mỗi một đảng viên mới, cần phải dựa vào sáu tiêu chuẩn của người đảng viên.

Sáu tiêu chuẩn ấy là:

1. *Sđd*, t.3, tr.5.

2. *Sđd*, t.6, tr.174.

1. Suốt đời kiên quyết phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.
2. Rèn luyện tư tưởng vô sản, sửa chữa tư tưởng sai lầm. Kiên quyết đứng hẳn trên lập trường giai cấp công nhân, không đứng chân trong chân ngoài.
3. Đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, trước hết. Biết đem lợi ích riêng của cá nhân phục tùng lợi ích chung của cách mạng.
4. Tuyệt đối chấp hành nghị quyết và kỷ luật của Đảng.
5. Liên hệ chặt chẽ với quần chúng.
6. Luôn luôn cố gắng học tập; thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình đồng chí mình.

Đó là mấy tiêu chuẩn rất cần thiết để xứng đáng là người đảng viên¹. Trong tiêu chuẩn đảng viên, Hồ Chí Minh đã nói nghĩa vụ của đảng viên là: "Cố gắng học tập chủ nghĩa Mác - Lenin", "giữ gìn kỷ luật của Đảng", "ra sức phục vụ nhân dân". Hồ Chí Minh không chỉ nói rõ nghĩa vụ hay là nhiệm vụ của đảng viên mà Người còn quan tâm đến quyền lợi của đảng viên. Theo Người, "Mọi đảng viên có những quyền lợi như sau:

1) Có quyền tự do và thiết thực thảo luận cách thi hành chính sách của Đảng, trên các báo chí và trong các cuộc hội nghị của Đảng.

Để thi hành triệt để chính sách và công tác của Đảng, mọi đảng viên có quyền tự do phát biểu ý kiến của mình

1. Sđd, t.9, tr.571.

(trên báo chí và trong hội nghị của Đảng), dù ý kiến ấy không đồng ý với ý kiến của đại đa số, không ai được ngăn cấm.

2) Có quyền tuyển cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng.

3) Có quyền đưa ra những đề nghị, những thanh minh, những lời kêu nài trước các cơ quan của Đảng, từ chi bộ đến Trung ương, không ai được ngăn trở.

4) Trong các cuộc hội nghị của Đảng có quyền phê bình đảng viên và cán bộ, phê bình công tác của các cơ quan Đảng¹.

Hồ Chí Minh còn cho rằng: **quyền phê bình của đảng viên** có thể nâng cao tính hăng hái và tinh thần phụ trách của các đảng viên; có thể bảo đảm sự đấu tranh của đảng viên chống những gì có hại đến Đảng; quyền phê bình là một vũ khí chống quan liêu, mệnh lệnh; nó cải thiện sự quan hệ giữa cán bộ và đảng viên; nó giúp cải thiện các công việc của Đảng. Vì vậy mọi người phải tôn trọng quyền phê bình của đảng viên.

Như vậy, **Hồ Chí Minh** đã chỉ rõ: vị trí, vai trò của đảng viên; điều kiện để kết nạp vào Đảng; tiêu chuẩn đảng viên; nghĩa vụ (nhiệm vụ) và quyền lợi của đảng viên.

Để có một đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng phải không ngừng tiến hành công tác đảng viên của mình. Đó là một trong những nội

1. Sđd, t.7, tr.239.

dung chủ yếu, quan trọng của công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, bởi vì chất lượng đảng viên quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Do vậy, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng, quan tâm việc xem xét, lựa chọn người vào Đảng, vì đây là một vấn đề có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đội ngũ đảng viên. Hồ Chí Minh cho rằng, vào Đảng để phụng sự Đảng, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, do đó Đảng phải lựa chọn những người đã kinh qua thử thách và đủ điều kiện vào Đảng, đó là "những người con ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp khác"¹.

Quá trình tồn tại và phát triển của Đảng gắn liền với những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân. Do đó, việc giáo dục, rèn luyện không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ đảng viên là một nhiệm vụ đặt ra tất yếu, thường xuyên đối với mỗi đảng viên và tổ chức đảng để không ngừng "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân hoàn toàn trái ngược với đạo đức, tư cách người cộng sản, bởi vì "Chủ nghĩa cá nhân để ra trăm thứ bệnh nguy hiểm, quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lăng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa

1. Sđd, t.8, tr.417.

vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân"¹. Hồ Chí Minh còn cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Do vậy, người cán bộ, đảng viên phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở các cấp uỷ phải quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục đảng viên và phải coi công tác giáo dục đảng viên "là một điều quan trọng trong chương trình công tác của cấp uỷ".

Người thường nhắc nhở mọi người phải thực hiện lời dạy của Lênin: Học, học nữa, học mãi! Phải cố gắng học, học nhiều; không chịu học thì không tiến bộ được, không chịu học "thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình"². Hồ Chí Minh còn căn dặn các cấp uỷ phải nêu gương, giữ nghiêm kỷ luật. Người nói: "Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hoá ra ngoài... Phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới"³.

Cùng với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong *Di chúc*: "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng"⁴.

1, 2. *Sđd*, t.9, tr.292, 554.

3. *Sđd*, t.5, tr.250.

4. *Sđd*, t.12, tr.497 - 498.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.

Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta cũng như trong công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới vấn đề cán bộ. Người đã giải quyết vấn đề cán bộ một cách căn bản và toàn diện. Từ quan điểm về cán bộ, đến phương hướng nội dung, phương pháp, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ. Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ không những trước mắt mà cả lâu dài, cả ở trung ương và ở địa phương, cơ sở. Tất cả các vấn đề đó đều được Người chỉ ra một cách rõ ràng, cụ thể.

Không chỉ dừng lại ở những bài nói, bài viết, những chỉ thị về công tác cán bộ mà Người còn trực tiếp mở các lớp đào tạo, huấn luyện cán bộ; tham gia giảng dạy và chỉ dẫn công việc, hướng dẫn, dạy bảo cán bộ trong công tác thực tế.

Hồ Chí Minh ví cán bộ như dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, toàn bộ bộ máy cũng bị té liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng và Chính phủ, thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được.

Hồ Chí Minh xác định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc"¹. "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"². "Vấn đề cán bộ là một vấn đề rất trọng yếu, rất cần kíp"³.

1, 2, 3. Sđd, t.5, tr.269, 273, 274.

Về tiêu chuẩn cán bộ, Hồ Chí Minh xác định tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng của từng loại cán bộ. Tiêu chuẩn đó xuất phát từ yêu cầu của cách mạng, đòi hỏi của thực tiễn chứ không phải từ ý muốn chủ quan.

Trong tiêu chuẩn chung của cán bộ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh hai mặt đức và tài. Hai mặt đó là một thể thống nhất, quan hệ biện chứng, không thể thiếu mặt nào, trong đó đức là gốc. Người cán bộ có tài mà thiếu đức thường gây ra những tác hại không nhỏ. Ngược lại, chỉ có đức mà thiếu tài thì cũng chẳng khác nào ông bụt ngồi ở trong chùa.

Nội dung đức, tài ở các thời kỳ cách mạng khác nhau được Hồ Chí Minh cụ thể hoá, bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình nhiệm vụ từng thời kỳ. Đặc biệt là khi có chính quyền, nội dung cụ thể của đức, tài được Hồ Chí Minh nêu ra những yêu cầu và tiêu chuẩn khác với lúc chưa có chính quyền.

Trong bài *Người cán bộ cách mạng* viết ngày 3-3-1955, Hồ Chí Minh phê phán một số cán bộ tưởng rằng cách mạng là cốt để làm cho họ có địa vị, được hưởng thụ. Do đó mà họ mắc những sai lầm: kiêu ngạo, hưởng lạc, lãng phí của công, tự tư tự lợi, không biết tiết kiệm "đồng tiền, bát gạo" - mồ hôi nước mắt của nhân dân. Trong nhiều bài viết, bài nói, Hồ Chí Minh còn nói rõ nội dung của đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân. Người cho đó là điều chủ chốt nhất. Người nhấn mạnh phải đặt lợi ích của

Đảng, của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, vì Đảng, vì dân đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ mọi mặt; quan hệ mật thiết với quần chúng, có tinh thần tập thể, đoàn kết, thương yêu đồng bào, đồng chí; có tính tổ chức kỷ luật; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng. Về năng lực của cán bộ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh những hiểu biết mới, những năng lực mới: "Ngày nay Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn".

- Về đào tạo, huấn luyện cán bộ.

Từ quan niệm "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", Hồ Chí Minh xác định "huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng". Đào tạo bao gồm "nuôi dạy", huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Đó là công việc mà Đảng phải bỏ nhiều công sức, tiến hành "chu đáo, công phu". "Đảng phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu". Hồ Chí Minh cho rằng: "huấn luyện học tập không phải là một việc đơn giản, muốn làm được thì phải hiểu cho rõ"¹. Trước hết, phải xác định đúng mục đích huấn luyện, học tập. Tức là huấn luyện, học tập để làm gì? Điều này phải được quán triệt ở cả chủ thể huấn luyện và đối tượng huấn luyện.

1. Sđd, t.6, tr.45.

Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ đi học là để "làm việc, làm người, làm cán bộ". Trước hết, học để làm người rồi mới làm cán bộ chứ không phải trước hết để làm cán bộ. Tuy ba mục đích ấy là thống nhất, quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng trong thực tế dễ bị đảo lộn thứ tự, nhận thức và hành động sai mục đích, nhất là đối với người học. Do đó, đối với người học, Hồ Chí Minh nhấn mạnh "học để sửa chữa tư tưởng", "học để tu dưỡng đạo đức cách mạng", "học để tin tưởng", "học để hành", v.v.. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thế Đảng mới thành công". "Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan dễ bảo, "dập đi, hờ đứng" không dám phụ trách, như thế là một việc thối bại của Đảng. Đào tạo "thế là phí công, phí của, vô ích". Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán cách đào tạo hình thức, chạy theo số lượng mà không thiết thực, chu đáo, chất lượng kém.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra những vấn đề cụ thể, thiết thực, đến nay vẫn còn nguyên giá trị, như:

- "Huấn luyện ai?". Trước hết là huấn luyện cán bộ, vì "cán bộ là tiền vốn của Đoàn thể". "Có vốn mới làm ra lãi. Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn"¹.

- "Ai huấn luyện?". Không phải ai cũng huấn luyện

1. Sđd, t.6, tr.46.

được. Phải lựa chọn rất cẩn thận nhân viên phụ trách việc huấn luyện. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Tuỳ đối tượng huấn luyện và nội dung huấn luyện mà chọn người huấn luyện tương ứng. "Người huấn luyện của Đoàn thể phải làm kiểu mẫu về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức, lối làm việc"¹. Người huấn luyện phải học thêm mãi. "Người nào tự cho mình là đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất".

- "*Huấn luyện gì*", Hồ Chí Minh để cập đến bốn nội dung.

Trước hết là huấn luyện lý luận. Người nêu hai cách huấn luyện lý luận: lý luận suông, vô ích và lý luận thiết thực, có ích. Tránh cách huấn luyện thứ nhất và làm theo cách huấn luyện thứ hai. Lý luận mà không thực hành cũng vô ích. Vì vậy học phải đi đôi với hành.

Ngoài dạy lý luận còn phải dạy công tác; phải dạy văn hoá, nâng cao trình độ cán bộ, để làm cơ sở giúp họ tiến bộ về lý luận và công tác. Với những cán bộ còn kém văn hoá thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Người chỉ rõ: "Những cán bộ học trong những lớp này, phải theo trình độ văn hoá cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp"². Cuối cùng là huấn luyện chuyên môn. "Mỗi người phải biết một nghề để sinh hoạt", "riêng về cán bộ, ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào

1. *Sđd*, t.6, tr.46.

2. *Sđd*, t.5, tr.271.

thì phải biết chuyên môn về ngành ấy"¹. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

- "Huấn luyện thế nào?". Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "*Cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều...* Việc cốt yếu là phải làm cho người học hiểu thấu vấn đề"².

Phải lấy người ở cấp dưới lên huấn luyện rồi trở lại cấp dưới để họ huấn luyện cho cấp dưới nữa. Muốn vậy phải huấn luyện chu đáo. "Đừng bôi bác, nếu ở trên bôi bác thì càng xuống dưới càng sai lệch"³. Quá trình huấn luyện phải gắn lý luận với công tác thực tế, phải nhằm đúng nhu cầu. Hồ Chí Minh nhắc nhở huấn luyện phải chú trọng việc cải tạo tư tưởng: "Phải huấn và luyện. Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giữa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc"⁴. Huấn luyện cán bộ, một mặt chú trọng trang bị kiến thức, nâng cao khả năng, mặt khác phải "tẩy rửa khuyết điểm cho họ".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học". Người học phải biết tự động, tự giác học tập, xác định đúng mục đích, động cơ học tập. Học tập lý luận "theo nguyên tắc: kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng nhau"⁵. Cách học tập là: "Lấy tự học làm cốt". Trong mục "học ở đâu", Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn".

1, 2, 3, 4. *Sđd*, t.6, tr.47, 48, 49.

5. *Sđd*, t.5, tr.272.

Về lựa chọn cán bộ.

Lựa chọn cán bộ là vấn đề rất hệ trọng. Làm sao chọn được những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín thật sự. Cân loại bỏ những người có động cơ không đúng. Phân biệt và loại bỏ những cán bộ coi địa vị lãnh đạo, quản lý là chỗ mưu cầu danh lợi. Những người này thường hay chạy chọt, luôn lọt bằng mọi cách đạt cho được địa vị, mặc dù tư cách của họ không xứng với chức danh đó. Có người tỏ ra hăng hái, sốt sắng, tích cực chưa hẳn đã có động cơ đúng và tốt. Người có đức, có tài thường không phô trương ồn ào. Chọn cán bộ cần xem xét họ ở trạng thái động chứ không phải chỉ ở trạng thái tĩnh. Đánh giá họ qua cả những tình huống gay cấn, khi gặp khó khăn, phức tạp chứ không chỉ lúc thuận lợi.

Năm 1947, Hồ Chí Minh đưa ra chuẩn mực để chọn cán bộ, gồm bốn điểm sau:

- a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.
- b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng.
- c) Những người có thể phụ trách các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng cần phải: khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ

khó khăn.

d) **Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.**

Hồ Chí Minh cho đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ. Người lưu ý tránh tình trạng dùng người văn hay, nói khéo nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Trong khi đó, những người viết không hay, nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng thì bị dìm xuống.

Về chính sách cán bộ.

Hồ Chí Minh chỉ ra mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ. Đó là chính sách đoàn kết mọi lực lượng cán bộ, phát huy mọi tiềm năng cán bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có, làm sao phải đối đãi đúng với mọi người... Người nhắc nhở những việc lớn:

a) **Hiểu biết cán bộ**

Muốn nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu phải có quan điểm, phương pháp đánh giá cán bộ đúng.

Hồ Chí Minh chỉ ra những chứng bệnh thường mắc phải khi đánh giá cán bộ:

Thứ nhất, tự cao tự đại,

Thứ hai, ưa người ta nịnh mình,

Thứ ba, do lòng yêu ghét của mình mà đối với người,

Thứ tư, đem một cái khuôn khổ nhất định chật hẹp mà lấp vào tất cả mọi người khác nhau.

Nếu phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông. Do đó, muốn biết rõ cán bộ đối xử

dúng đắn với mọi người, trước hết phải sửa chữa những khuyết điểm của mình.

Danh giá cán bộ có quan điểm biện chứng, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển. Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Xem xét cán bộ, không chỉ đánh giá bề ngoài mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn bộ lịch sử, toàn cả công việc của họ. Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tâng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt.

b) Khéo dùng cán bộ

Hồ Chí Minh cho rằng, không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, phải khéo dùng người, sửa chữa khuyết điểm giúp họ, phát huy ưu điểm của họ. Người phê phán tình trạng không biết tùy tài mà dùng người, như: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử cả hai người đều lúng túng. Trong trường hợp này, nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công.

Hồ Chí Minh cũng phê phán những người khi dùng cán bộ thì mắc phải những chứng bệnh sau đây:

"1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bäu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính hợp với mình mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bối lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo¹.

Theo Người, cách dùng cán bộ đúng, nghĩa là:

- Phải có độ lượng thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư...

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ nhân dân, đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc, phải khiến cho cán bộ có gan nói, có gan đề ra ý kiến. Khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc. Không nên tự tôn, tự đại mà phải

1. Sđd, tr.279.

nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới.

c) *Cắt nhắc cán bộ*

Hồ Chí Minh nhắc nhở, cắt nhắc cán bộ là một công tác cần kíp nhưng phải làm đúng. Nếu cắt nhắc không cẩn thận, không khỏi đem những người bô lô, bô la, chỉ nói mà không làm vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại. Cắt nhắc cán bộ phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế công việc nhất định chạy.

Cắt nhắc cán bộ không nên làm như "giā gao". Nghĩa là trước khi cắt nhắc không xem xét kỹ. Khi cắt nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá lại cắt nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cắt nhắc, mà sau khi đã cắt nhắc phải giúp đỡ họ...

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra "chỉnh" một lần, thế là "đập" cán bộ. Cán bộ bị "đập" mất cả lòng tin, người hăng hái cũng hoá thành nản chí, từ nản chí di đến vô dụng. Vì vậy, hãy thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay.

d) *Thương yêu cán bộ*

Yêu thương cán bộ không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc, mà là giúp đỡ cán bộ học tập, công tác tiến bộ ngày càng nhiều, quan tâm giúp đỡ cán bộ giải quyết những khó khăn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

d) Phê bình cán bộ

Hồ Chí Minh nhắc nhở: người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có khuyết điểm. Chúng ta không sợ có sai lầm khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và, càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Để cán bộ sửa chữa khuyết điểm phải phê bình cho đúng. Cần phải phân tích rõ ràng cái cớ sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng. Cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: "Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ.

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về khái niệm tập trung dân chủ không tách rời quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Người về Đảng và xây dựng Đảng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc* viết năm 1947, Người cho rằng: "Còn ở trong Đảng, khi khai hội các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử các đồng chí nợ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung"¹. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* viết năm 1953 ký tên ĐX, khi đề cập vấn đề tổ chức, Hồ Chí Minh cho rằng:

1. Sđd, t.5, tr.288.

Đảng phải giữ vững chế độ dân chủ tập trung của Đảng.
Người cho rằng: *Tập trung trên nền tảng dân chủ*¹.

Hồ Chí Minh giải thích điều này như sau:

Cơ quan lãnh đạo của Đảng có uy tín và quyền lực chân chính. Những phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng, mọi đảng viên nhất định phải chấp hành. Kỷ luật của Đảng, mọi đảng viên phải tuân theo. Thế là *tập trung*. Nhưng tập trung ấy không phải là cá nhân chuyên chính; nó là xây dựng trên nền tảng *dân chủ*. Nghĩa là:

1. Các cơ quan lãnh đạo đều do quần chúng đảng viên bầu cử lên.
2. Phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng đều do quần chúng đảng viên tập trung kinh nghiệm và ý kiến lại mà thành. Rồi lại do các cuộc hội nghị của Đảng thảo luận giải quyết, chứ không ai được tự ý độc đoán.
3. Quyền lực của cơ quan lãnh đạo là do quần chúng đảng viên giao phó cho, chứ không phải tự ai tranh giành được. Vì vậy, người lãnh đạo phải gần gũi và học hỏi quần chúng đảng viên, nghe ngóng ý kiến của họ. Nếu lên mặt với quần chúng, lạm dụng quyền lực - thế là sai lầm.
4. Trật tự của Đảng là: cá nhân phải phục tùng tổ chức; số ít phải phục tùng số nhiều; cấp dưới phải phục tùng cấp trên; các địa phương phải phục tùng Trung ương.

1. Xem: Sđd, t.7, tr.240-241.

- *Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung*¹.

Ở trong Đảng, mọi đảng viên có quyền nêu ý kiến, đặt đề nghị, tham gia giải quyết vấn đề. Nhưng quyết không được trái sự lãnh đạo tập trung của Đảng, trái nghị quyết và trái kỷ luật của Đảng. Quyết chống: không xét thời gian, địa điểm, điều kiện mà nói lung tung; tự do hành động; dân chủ quá tròn.

1. Chỉ có cơ quan lãnh đạo có quyền khai các cuộc hội nghị.

2. Tất cả các nghị quyết của Đảng phải do cơ quan lãnh đạo chuẩn bị kỹ càng, rồi giao cho các cấp thảo luận. Không được làm qua loa, sơ sài.

3. Khi bầu cử các cơ quan lãnh đạo trong Đảng, phải xem xét rất kỹ lưỡng để lập danh sách những đảng viên ứng cử.

4. Toàn thể đảng viên phải theo đúng Đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất của Đảng. Toàn thể đảng viên phải theo sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương².

Qua nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ, chúng ta thấy tư tưởng thống nhất, xuyên suốt của Hồ Chí Minh về nguyên tắc này là sự thống nhất biện chứng giữa hai mặt tập trung và dân chủ trong một chính thể thống nhất của nguyên tắc: "Tập trung trên cơ sở dân chủ" và "dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung". Đó là bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều đó cũng có nghĩa là, trong tập

1, 2. Xem: *Sđd*, t.7, tr.241.

trung đã chứa đựng yếu tố dân chủ, cũng như trong dân chủ đã chứa đựng yếu tố tập trung. Do đó, tập trung chân chính không thể tồn tại nếu như không có dân chủ chân chính. Ngược lại, dân chủ chân chính không thể tồn tại nếu như không có tập trung chân chính.

Từ đó, có thể khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ như sau: Đây là nguyên tắc chỉ đạo toàn bộ công tác tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, là nguyên tắc cơ bản nhất có ý nghĩa sống còn của Đảng. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là: tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung cao mà hạn chế dân chủ là trượt sang tập trung quan liêu. Mở rộng dân chủ nhưng hạn chế tập trung là trượt sang dân chủ vô tổ chức kỷ luật, mất kỷ cương.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng.*

Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một cấu trúc khoa học. Người đề cập đến tất cả những yếu tố tạo nên sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy; bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức bộ máy trong một chỉnh thể thống nhất; bảo đảm cho cả hệ thống hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp, hiệu quả. Dưới đây, có thể khái quát những nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Người về hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng.

Một là, cấu trúc hệ thống (hay là tính hệ thống của cấu

trúc). Đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, được hình thành từ những năm 20 của thế kỷ XX.

Trong xây dựng tổ chức, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng cấu trúc hệ thống của chính thể, không có tổ chức đứng riêng rẽ, mà nó phải (và nhất thiết phải) liên hệ chặt chẽ với nhau trong một hệ thống. Tư tưởng đó, lần đầu tiên được Hồ Chí Minh giải thích trong *Đường cách mệnh* (1927): "Cái gì là hệ thống của công hội?" - Người giảng giải: "Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyển tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước, ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên¹.

Như vậy, hệ thống tổ chức, theo Hồ Chí Minh là sự đan kết giữa hai mạng ngang và dọc, tạo nên sự cố kết về tổ chức, thành khôi thống nhất bền vững. Với tư tưởng trên, sau này Hồ Chí Minh đã vận dụng vào xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, được thể hiện tập trung trong *Điều lệ văn tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam soạn thảo* đầu năm 1930 và trong cuốn *Thường thức chính trị* viết năm 1953.

1. Sđd, t.2, tr.304.

Cấu trúc hệ thống của tổ chức còn thể hiện ở sự bố trí, sắp xếp cân đối, hợp lý giữa các bộ phận và sự liên hệ chặt chẽ giữa các bộ phận ấy trong một chỉnh thể. Người viết: "Trong Đảng và Nhà nước ta có sự phân công chặt chẽ như các bộ phận trong chiếc đồng hồ: cái kim, dây cót khác nhau nhưng hợp tác chặt chẽ với nhau. Thiếu một bộ phận nào cũng không được"¹; cũng như "Trong một công xưởng, có nhiều loại máy móc hình dạng khác nhau và công dụng khác nhau. Những máy móc khác nhau ấy phải bố trí và kết hợp thật ăn khớp với nhau, thì sản xuất mới tốt"².

Xây dựng tổ chức bộ máy theo quan điểm cấu trúc hệ thống, Hồ Chí Minh không chỉ chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng. Người còn đặc biệt quan tâm xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước; xây dựng công hội, nông hội, hội phụ nữ, hội thanh niên... Tất cả các tổ chức đó đều quan hệ chặt chẽ, thông nhất trong mặt trận, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục tiêu: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với quan điểm trên, Hồ Chí Minh coi Đảng là tổ chức thành viên trong hệ thống tổ chức của cả nước; hệ thống tổ chức đảng đan kết với các hệ thống tổ chức khác, hòa vào trong cái hệ thống ấy, tạo nên mạng lưới tổ chức rộng khắp trong cả nước. Nhờ vậy Đảng đã tập hợp, giác ngộ, lãnh đạo, đoàn kết được toàn dân, phát huy được sức

1. *Sđd*, t.9, tr.555-556.

2. *Sđd*, t.10, tr.352.

mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn, chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo.

Hai là, trong xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm việc xác định đúng và rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức bộ máy trong hệ thống và nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi thành viên.

Người khẳng định, tổ chức phải gọn gàng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ. Người giải thích: Cũng như các bộ phận trong chiếc thuyền, bộ phận nào cũng quan trọng cả. Nhưng mỗi bộ phận có chức năng, nhiệm vụ riêng mà không thể thay thế: như chèo thì luôn luôn vùng vẫy, lái thì ngâm mình dưới nước tận sau thuyền... buồm thì thảm thơi. Nếu ba bộ phận ấy đòi đổi chỗ cho nhau: lái làm buồm, buồm làm chèo, chèo làm lái. Như thế sẽ đi đến đâu? Sẽ không thành thuyền nữa.

Đó là một chân lý không thể đảo ngược. Tư tưởng trên của Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức được thể hiện rất rõ ở mục "43 - Hệ thống tổ chức của Đảng" trong *Thường thức chính trị*. Người xác định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan lãnh đạo trong hệ thống tổ chức đảng như sau:

"Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là *Toàn quốc đại biểu đại hội*.

Đại hội có quyền:

1- Nghe, thảo luận và phê chuẩn các báo cáo của Trung ương.

2- Quyết định và sửa đổi Đảng cương, Đảng chương.

3- Quyết định chính sách và phương châm chính của Đảng.

4- Bầu cử Trung ương.

Trong khoảng từ Đại hội này đến Đại hội khác, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Trung ương.

Trung ương không thể ngày ngày khai hội. Để lãnh đạo mọi công tác, Trung ương cử ra *Bộ Chính trị* và *Ban Bí thư*.

Để chỉ đạo những địa phương xa, Trung ương có thể đặt những *Cục Trung ương*.

Khi cần, Trung ương có thể họp *Toàn quốc đại biểu hội nghị*. Hội nghị có quyền:

1- Quyết định chính sách trước mắt của Đảng.

2- Cử thêm một số Ủy viên Trung ương mới, hoặc cất chức Ủy viên nào không làm nhiệm vụ.

Những nghị quyết của Hội nghị phải có Trung ương phê chuẩn mới được thi hành.

Các cấp xã, huyện, tỉnh, khu cũng có đại hội của cấp mình; do đại hội cử ra chi ủy, huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy.

...

Trung ương và các cấp có thể lập ra những ban: Quản lý việc Đảng, Tuyên truyền giáo dục, Dân vận, Kinh tế, Quân sự... Ban của cấp nào, do ủy viên hội cấp ấy lãnh đạo¹.

1. Sđd, t.7, tr.241-242.

Như vậy, mỗi cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng được thành lập đều nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tiễn của Đảng và đều được phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn một cách rõ ràng. Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng vận hành nhịp nhàng, ăn khớp, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo và "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược".

Ba là, phải xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế vận hành của tổ chức. Cơ chế vận hành là nhân tố giữ vai trò quyết định bảo đảm cho tổ chức làm tròn và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thiếu cơ chế vận hành khoa học thì nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức sẽ không có hiệu lực trên thực tế, mà chỉ có trên danh nghĩa. Vì vậy, trong suốt quá trình xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy, cần phải thường xuyên chăm lo xây dựng và hoàn thiện cơ chế vận hành của tổ chức.

Về chế độ, nguyên tắc và lề lối làm việc của tổ chức, Người đòi hỏi hoạt động của các tổ chức "từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung", "Từ Trung ương đến chi bộ xã đều phải làm đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, chống các tệ sùng bái cá nhân và quan liêu mệnh lệnh; đều phải thật thà tự phê bình và phê bình thẳng thắn; đều phải thật sự dân chủ". Người nhấn mạnh rằng: "Để lãnh đạo tốt, các cấp uỷ phải thật đoàn kết, thật dân chủ, phải thực hành chế độ "tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách và phê bình, tự phê bình để không ngừng tiến

bộ"¹; "các huyện uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ cần phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên"²; "các bộ, các ban, các ngành ở trung ương cần phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết công việc tại chỗ, phải chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều"³. Người nhấn mạnh: "Thì giờ là vàng bạc". "Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khoẻ mà không kết quả thiết thực"⁴.

Bốn là, xây dựng tổ chức, bộ máy theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải tinh gọn, trong sạch. Bởi vì: "Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiêu mâu"⁵. Tổ chức như bộ máy đồng hồ phải chạy đều. Muôn chạy đều phải sạch sẽ. Đảng muôn trong sạch, mạnh mẽ thì mỗi bộ phận, mỗi đảng viên phải trong sạch, mạnh mẽ.

Người yêu cầu các cơ quan phải thực hành tiết kiệm. Tiết kiệm từng chiếc phong bì. "Chúng ta phải kiên quyết chống nạn lãng phí ở các cơ quan và trong sự sinh hoạt của chúng ta. Chống cách tiêu dùng bừa bãi tiền của của nhân dân và vốn liếng của Chính phủ"⁶. Các cơ quan phải thực hiện "giản chính" để tiết kiệm sức người. Đồng thời phải nâng cao năng suất công tác, nên phải "tinh can", phải chọn cán bộ, dùng cán bộ cho đúng. "Giản chính và tinh can" phải đi đôi với nhau.

1, 4. *Sđd*, t.10, tr.600, 314.

2, 3. *Sđd*, t.12, tr.79, 20.

5, 6. *Sđd*, t.6, tr.480, 500.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng được bắt nguồn từ luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin: Đảng phải gắn bó với quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng; ở đâu có quần chúng, ở đó cần có sự lãnh đạo của Đảng. Mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, không trừ một ai đều sinh sống, lao động sản xuất, công tác, học tập ở một đơn vị cơ sở nhất định trong hệ thống tổ chức xã hội. Vì vậy, Đảng phải thành lập được tổ chức của mình tại các đơn vị cơ sở. Người viết: "Ở mỗi xưởng máy, hầm mỏ, xí nghiệp, cơ quan, trường học, đường phố, nông thôn, đại đội - có 3 đảng viên trở lên thì lập một chi bộ.

Mỗi chi bộ có thể chia làm mấy tiểu tổ...

Nơi nào đảng viên quá đông (ở nông thôn quá 50, ở nhà máy, cơ quan, v.v., quá 100 đảng viên) thì có thể lập *Tổng chi bộ*, dưới *Tổng chi bộ*, lập mấy *Phân chi bộ*¹.

Như vậy, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, tổ chức cơ sở đảng là một tổ chức của Đảng được lập tại các đơn vị cơ sở, gắn liền với một đơn vị cơ sở, là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, tổ chức cơ sở đảng có vị trí, vai trò như sau:

Trước hết, xét trong hệ thống tổ chức của Đảng thì, tổ chức cơ sở đảng là "nền tảng", "gốc rễ" của Đảng. Người

1. Sđd, t.7, tr.242.

viết: "Chi bộ là gốc rễ của Đảng"¹. Rằng "chi bộ là nền tảng của Đảng, của cách mạng ở xã..."². Một cây không thể thiếu gốc rễ, một ngôi nhà không thể thiếu nền móng, nền móng. Điều đó đủ nói lên vị trí, vai trò rất quan trọng của chi bộ với tư cách là tổ chức cơ sở đảng.

Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng trên mọi mặt của đời sống xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định: các tổ chức cơ sở của Đảng là những "hạt nhân lãnh đạo", là "đồn luỵ" của Đảng ở cơ sở. "Mỗi chi bộ ta phải là hạt nhân vững chắc, lãnh đạo đồng bào thi đua yêu nước, cần kiệm xây dựng nước nhà"³. Rằng, "mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở"⁴. Đồng thời nhấn mạnh: "Chi bộ là đồn luỵ của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng"⁵.

Trong mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, vai trò của tổ chức cơ sở đảng là những "sợi dây chuyền" nối liền Đảng với dân. Người viết: "Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng"⁶.

Từ việc xem xét vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các mối quan hệ trên, Hồ Chí Minh đã khái quát: "Đảng mạnh là do các chi bộ mạnh"⁷; rằng "các chi bộ

1, 2. *Sđd*, t.7, tr.242, 467.

3, 7. *Sđd*, t.10, tr.205, 270.

4. *Sđd*, t.11, tr.83.

5, 6. *Sđd*, t.7, tr.242, 243.

mạnh túc là Đảng mạnh"¹. Nhận định đó của Người vừa phản ánh sự tác động biện chứng giữa các cơ sở Đảng với toàn Đảng, vừa là một kết luận được rút ra từ thực tiễn gần 40 năm Người chăm lo xây dựng, phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng.

Trong xây dựng tổ chức, phát huy sức mạnh của tổ chức, điều quan trọng là phải xác định đúng, rõ chức năng, nhiệm vụ của nó. Tư tưởng đó được Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ khi Người xác định chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở đảng. Người không chỉ xác định chức năng nhiệm vụ chung cho tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng, mà trên cơ sở đó còn chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho từng loại hình cơ sở đảng.

Trong cuốn sách *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh đã chỉ ra năm nhiệm vụ chung cho tất cả các loại hình cơ sở đảng, thể hiện tập trung ở ba nội dung chủ yếu sau:

Một là, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức lãnh đạo quần chúng "thực hiện khẩu hiệu và chính sách của Đảng".

Hai là, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, kịp thời báo cáo lên trên; luôn luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của quần chúng; đồng thời giáo dục, tổ chức nhân dân "để giải quyết các vấn đề cho nhân dân".

Ba là, tiến hành các hoạt động xây dựng nội bộ Đảng.

1. Sđd, t.7, tr.243.

Coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, bao gồm cả phát triển đảng viên mới, quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên và sàng lọc đảng viên. Giữ gìn kỷ luật
• Đảng.

Song thực tế cho thấy, tổ chức cơ sở đảng là "hạt nhân lãnh đạo" ở đơn vị cơ sở, nhưng tính chất, nhiệm vụ của các đơn vị cơ sở không giống nhau. Vì vậy, trên cơ sở nhiệm vụ chung, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể của từng loại hình cơ sở đảng, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng đơn vị cơ sở.

Với các tổ chức cơ sở đảng nông thôn, Người chỉ rõ: "Chi bộ trong xã phải thiết thực lãnh đạo, giúp đỡ tổ đổi công. Tổ đổi công tốt hay xấu, chi bộ phải phụ trách một phần lớn"¹; "Chi bộ nào tốt là hợp tác xã đó tốt, bởi vì chi bộ lãnh đạo hợp tác xã"².

Với các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp, Người nhấn mạnh: "công nhân bây giờ làm chủ, không phải đi làm thuê như trước", vì vậy các tổ chức cơ sở đảng ở đó "phải khéo tổ chức công nhân tham gia quản lý nhà máy", phải lãnh đạo "bảo đảm kế hoạch cả về sản lượng và chất lượng. Phải làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ"³.

Với các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, Người yêu cầu các tổ chức cơ sở đảng ở đó phải "tẩy trừ bệnh quan

1. *Sđd*, t.7, tr.541.

2. *Sđd*, t.10, tr.441.

3. *Sđd*, t.9, tr.379.

liệu, hình thức, tham ô, lãng phí, a dua, dối trá trái luật lệ của Chính phủ, trái kỷ luật lao động", phải "xét kỹ ngân sách cơ quan, nâng cao năng suất công tác, giữ gìn bí mật của nước nhà"¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng là cơ sở phương pháp luận để Đảng ta xác định chức năng nhiệm vụ các cơ sở đảng của các đơn vị cơ sở mới xuất hiện như các doanh nghiệp tư nhân, các đơn vị liên doanh, liên kết với nước ngoài.

Nhằm phát huy vai trò của các cơ sở đảng trong thực tiễn, Hồ Chí Minh đã có nhiều chỉ dẫn quan trọng về phương thức hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

Với tư cách là hạt nhân lãnh đạo chính trị tại cơ sở, phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng là phải bằng cách thuyết phục giáo dục, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên và mở rộng dân chủ, phát huy dân chủ tại cơ sở để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Người chỉ rõ: "chi bộ là một tổ chức lãnh đạo chính trị, chứ không phải là một tổ chức hành chính". Vì vậy, "chi bộ phải dùng cách chính trị, giáo dục, đề nghị, giải thích, khai hội bàn bạc với quần chúng"... "Tuyệt đối không được lạm quyền, mệnh lệnh", "phải thật sự mở rộng dân chủ... phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình"...; và mỗi đảng viên phải xung phong gương mẫu trong mọi công việc.

1. Sđd, t.7, tr.268.

"Đảng mạnh là do chi bộ mạnh", "chi bộ tốt mọi việc sẽ tốt". Với nhận thức ấy, Hồ Chí Minh luôn coi trọng củng cố cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cơ sở đảng. "Đối với Đảng ta, xây dựng chi bộ tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng"¹. Người nhấn mạnh: đó "là một việc quan trọng bậc nhất"².

Hồ Chí Minh là người khởi xướng cuộc vận động "xây dựng chi bộ bốn tốt và đảng bộ bốn tốt". Một chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt theo Người phải là những chi bộ có "đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì cung cống tốt và phát triển tốt"³.

Để có nhiều chi bộ "bốn tốt", Người yêu cầu "mỗi huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy nên trực tiếp giúp một chi bộ kém trở thành "bốn tốt". Giúp chứ không bao biện. Rồi làm cách vết dầu loang đến chi bộ khác". Người nhấn mạnh, "từ nay các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu, đi sát chi bộ, cần giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên".

Tu tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

1, 3. *Sđd*, t.12, tr.77.

2. *Sđd*, t.7, tr.570.

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền, công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng chiếm một vị trí quan trọng.

Lãnh đạo tất yếu phải kiểm tra. Đó là quan điểm sâu sắc, nhất quán ở Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trong *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947), Người viết: "Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng...
2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng...
3. Phải tổ chức sự kiểm soát"¹.

Người còn khẳng định: "Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi.

Song từ nguồn gốc đi đến thắng lợi thực sự, còn phải tổ chức, phải đấu tranh.

Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích"².

Kiểm tra là một nội dung, một khâu không tách rời trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo đúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó công tác kiểm tra là một yếu tố quan trọng. Có kiểm tra Đảng mới nắm và hiểu rõ tình hình thì khi đề ra chính sách mới đúng. Ngược lại, không kiểm tra sẽ không nắm được tình hình và không có cơ sở để xác định chính sách đúng đắn, thiết

1, 2. *Sđd*. t.5, tr.285, 520.

thực. Vì vậy, kiểm tra là yêu cầu tất yếu của quá trình lãnh đạo. Bất kỳ nhiệm vụ gì, Đảng phải định phương châm, chính sách, phải có kế hoạch, có tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

Đảng phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác. Đó cũng là quan điểm sâu sắc, bền vững và nhất quán ở Hồ Chí Minh. Đảng ta gồm những người ưu tú, tiên tiến, tự nguyện, có cùng một mục đích. Nhưng Đảng cũng ở trong xã hội mà ra, vì vậy khó tránh khỏi những tập tục, những thói hư, tật xấu của xã hội bên ngoài có nguy cơ lây lan vào trong Đảng. Do vậy, trong quá trình giáo dục, rèn luyện Đảng ta, Người luôn luôn đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn "giữ vững kỷ luật của Đảng, phải pipec tùng sự lãnh đạo và chấp hành những nghị quyết của Đảng". Có kỷ luật thống nhất mới có sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động và Đảng mới có sức mạnh. Người viết: "mỗi đảng viên phải tuyệt đối tuân theo kỷ luật của Đảng. Có như vậy mới thành một Đảng đoàn kết chặt chẽ, ý chí thống nhất, hành động nhất trí"¹. Người nhấn mạnh: Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì như một người. Đó là nhờ có kỷ luật, kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

Như vậy, việc thi hành kỷ luật, giữ nghiêm kỷ luật Đảng cũng là một tất yếu khách quan đối với Đảng Cộng

1. Sđd, t.7, tr.236.

sản. "Thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo" theo Người, đó là "*việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng*"¹.

Hồ Chí Minh đã nêu rõ mục đích, ý nghĩa và nội dung của công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng là: giúp cho các cấp uỷ đảng nắm được thực chất tình hình lãnh đạo; thấy rõ mặt tốt, chưa tốt và những lêch lạc trong chấp hành chỉ thị, nghị quyết; hiểu được mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ và từng cán bộ, đảng viên. Người cho rằng, nên tổ chức kiểm tra chu đáo, đó là "ngọn đèn pha" giúp các cấp uỷ đảng thấy rõ và thấy hết những ưu điểm, khuyết điểm của từng tổ chức, từng con người trong mọi công việc. Người khẳng định: "Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười gấp trăm"². Kiểm tra không chỉ nhằm nắm và phát huy ưu điểm, ngăn ngừa khuyết điểm, thiết thực giúp đỡ sửa chữa, mà còn khơi dậy tính tích cực và sức mạnh của nhân dân, củng cố uy tín của Đảng trước nhân dân; kiểm tra còn là biện pháp bảo vệ cán bộ. Người nhắc nhở: "Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu dấu cán bộ"³.

Ý nghĩa bao trùm của kiểm tra là góp phần củng cố Đảng về tư tưởng, tổ chức, "vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ

1. Sđd, t.7, tr.335.

2. 3. Sđd, t.5, tr.521, 276.

đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố đảng về tư tưởng, về tổ chức"¹;

Mục đích và nội dung kiểm tra, kiểm soát được Hồ Chí Minh khái quát như sau:

1. Có kiểm soát... mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu.
2. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan.
3. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết.

Như vậy, nội dung kiểm tra, theo Hồ Chí Minh, không chỉ kiểm tra việc, kiểm tra người mà còn kiểm tra các tổ chức, cơ quan, kiểm tra các mệnh lệnh, nghị quyết, nhằm mục đích khẳng định ưu điểm và chỉ rõ khuyết điểm.

Thi hành kỷ luật trong Đảng là việc tiếp nối sau công tác kiểm tra; nó xuất phát từ kết quả của công tác kiểm tra. Song công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đều nhằm ngăn ngừa và giáo dục là chính, đều nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất của Đảng về ý chí và hành động.

Để giữ kỷ luật nghiêm minh, theo Hồ Chí Minh "phải chú ý hai điểm: thưởng, phạt. "Thưởng người có công, phạt người có tội". Cả hai (thưởng, phạt) đều cần thiết như nhau. Nếu không thưởng thì không có khuyến khích; nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật. Dương nhiên,

1. Sđd, t.11, tr.300.

để sửa chữa sai lầm, cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hoá, dạy bảo. Song, theo Hồ Chí Minh, "không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt". Vì rằng, "lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cộ ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng xử phạt, cũng không đúng"¹.

Như vậy, mọi sự vi phạm đều phải được xem xét, nếu đến mức phải thi hành kỷ luật thì xử lý thích đáng theo nguyên tắc: mọi người bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, không có ngoại lệ, phải kiên quyết chống thói nể nang, bao che. Thường, phạt phải công minh, chớ vì ưa thì thường, ghét thì phạt.

Kiểm tra muốn đạt hiệu quả cao, theo Hồ Chí Minh, phải "khéo" kiểm tra. Tức là phải có hình thức, biện pháp khoa học linh hoạt:

- Phải đến tận nơi xem tận chỗ. Không nên ngồi trong phòng chờ người ta báo cáo. Người nhắc các cấp uỷ đảng, các cán bộ lãnh đạo những người phụ trách bộ, ban, ngành... phải thiết thực kiểm tra, giúp đỡ cấp dưới, cơ sở.

- Kiểm tra phải có hệ thống, phải dùng cách thật thà tự phê bình, phê bình, mới tỏ rõ khuyết điểm và tìm cách sửa chữa.

- Phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức phương pháp kiểm tra. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn

1. Sđd, t.5, tr.284.

mạnh sự kết hợp kiểm tra từ dưới lên và từ trên xuống, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra trực tiếp.

- Phải tổ chức kiểm tra chu đáo. Muôn vậy phải cung cố kiện toàn uỷ ban kiểm tra, và đặc biệt chú trọng lựa chọn những người thực sự có uy tín làm công tác kiểm tra. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải đích thân kiểm tra. Người viết: "muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín"¹.

- Phải dựa hẳn vào quần chúng, "hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra", "lập ban kiểm tra là đúng, nhưng ban kiểm tra phải dựa vào quần chúng mà tiến hành công tác"².

V. NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN CẦM QUYỀN ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và đoàn thể quần chúng thực chất là quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nói đến "Đảng cầm quyền" trước hết là đề cập đến vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước, bởi vì trong hệ thống chính trị, Nhà nước thể hiện quyền lực xã hội một cách tập trung nhất. Một trong 10 mục tiêu

1. *Sđd*, t.5, tr.287.

2. *Sđd*, t.12, tr.567.

đấu tranh mà Đảng vạch ra trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng tháng 2-1930 là "thành lập Chính phủ công nông binh", Chính phủ đó phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như vậy, ở nước ta, "đảng cầm quyền" là chính quyền nhà nước mới do Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh lập nên.

Tư tưởng về đảng cầm quyền xuyên suốt quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh: Đảng có vai trò lãnh đạo Nhà nước và Nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng. Người khẳng định, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không phải chỉ đem lại lợi ích cho riêng Đảng, cho các đảng viên mà với mục tiêu phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Mục tiêu, lý tưởng của Đảng và mục tiêu cách mạng của dân tộc hòa quyện vào nhau. Khi có chính quyền Đảng phải nắm chắc chính quyền, lãnh đạo tổ chức, chăm lo xây dựng chính quyền ngày càng trưởng thành, vững mạnh.

Sau khi giành được chính quyền năm 1945, Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ, đồng thời tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Nội dung sự lãnh đạo của Đảng, do hoàn cảnh khách quan chi phối, ở một số lĩnh vực còn đơn sơ, chưa toàn diện, phong phú như ngày nay. Phương thức lãnh đạo của Đảng khi đó là vận động và tổ chức trong điều kiện có bộ máy chính quyền.

Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo nhân dân là tất yếu khách quan. Không chỉ lãnh đạo chính quyền mà Đảng còn "phải lãnh đạo tất cả những tổ chức khác của nhân dân lao động"¹. Song, Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh đạo? Hồ Chí Minh đã khái quát phương thức lãnh đạo gồm ba nội dung chủ yếu: truyền bá lý luận Mác - Lênin; đề ra khẩu hiệu, mục đích, kế hoạch đấu tranh; "kinh qua đảng viên và các tổ chức của Đảng, Đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng"².

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn xây dựng, bảo vệ chính quyền non trẻ và kháng chiến kiến quốc là bước phát triển quan trọng nhất. Người đã dày công tìm kiếm phương thức lãnh đạo cho phù hợp với điều kiện đảng cầm quyền, đã có sự kết hợp "Đảng và Chính phủ", "Đoàn thể và Chính phủ trong việc lãnh đạo và quản lý". Tư tưởng trên được thể hiện trong nhiều bài viết quan trọng, trong đó nổi bật nhất là tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947). Trong tác phẩm này, khi đưa ra tiêu chí một Đảng cách mạng chân chính, có 12 điều thì 8 điều liên quan đến phương thức lãnh đạo. Trong sáu chương, thì Người dành riêng một chương bàn về "cách lãnh đạo". Hồ Chí Minh đã chỉ ra các căn bệnh của đảng cầm quyền, nhất là các bệnh về phương thức lãnh đạo, nổi bật là "bệnh lạm quyền", quản lý đất nước theo cách chế độ cũ

1, 2. Sđd, t.7, tr.229, 232-233.

thường làm - tức là *cai trị, đè đầu cưỡi cổ nhân dân*. Đồng thời, Người nghiêm khắc phê bình những cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền nhiệm phải các căn bệnh đó. Nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và Chính phủ phải triệt để sửa đổi lối làm việc, tích cực chữa chạy bệnh tật theo những "phác đồ" cụ thể đối với từng "bệnh". Đặc biệt "trong công tác, trong tranh đấu, trong huấn luyện, các đảng viên, các cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình. *Luôn luôn dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi*"¹.

Đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ 1954 - 1969 là: đất nước chuyển sang giai đoạn mới - tạm thời chia làm hai miền; Đảng cùng một lúc lãnh đạo hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở hai miền: miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, vì vậy phương thức lãnh đạo của Đảng ở hai miền cũng có sự khác nhau. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng lãnh đạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá... đã được hoàn thiện với nội dung phong phú.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhiều lĩnh vực với nội dung, phạm vi, quy mô rộng lớn, có những

1. *Sđd*, t.5, tr.265.

lĩnh vực mới như: phát triển khoa học - kỹ thuật, mở rộng quan hệ đối ngoại,... đòi hỏi phải có một phương thức lãnh đạo thích hợp. Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng lãnh đạo xây dựng miền Bắc, nhưng không chỉ riêng cho miền Bắc mà còn để chỉ viễn cho miền Nam. Đồng thời, Đảng vẫn tiếp tục lãnh đạo cách mạng miền Nam. Ở thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng hết sức phong phú, toàn diện và có bước phát triển mới, trong đó, Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa ở miền Bắc là nét mới cần phải nghiên cứu.

Ngay từ Đại hội lần thứ II của Đảng, trong Báo cáo chính trị, tổng kết một thời kỳ lịch sử, Hồ Chí Minh đã kết luận: "dù là bí mật Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân"¹. Một thời gian sau, trong cuốn *Thường thức chính trị*, Người lại tiếp tục khẳng định: Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng và nhân dân vẫn cần có Đảng lãnh đạo, vì:

- Dù nhân dân đã nắm chính quyền, nhưng đấu tranh giai cấp trong nước và mưu mô đế quốc xâm lược vẫn còn.
- Vì phải xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội cho nên Đảng vẫn phải tổ chức, lãnh đạo, giáo dục quần chúng để đưa nhân dân lao động tiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng

1. Sđd, t.6, tr.161.

lợi, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng lại có sự bổ sung và phát triển. Tại phiên bế mạc Hội nghị lần thứ 7 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tháng 3-1955, Người đã kết luận: "Hội nghị đã nêu rõ được phương pháp thiết thực để kiện toàn sự lãnh đạo, như:

Lãnh đạo phải sát thực tế hơn.

Lãnh đạo phải tập thể và dân chủ, phải thống nhất và tập trung.

Phải nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng và nâng cao trình độ tổ chức cho thích hợp với nhiệm vụ và công tác mới. Phải cải thiện sự lãnh đạo tổ chức.

Phải luôn luôn thực hiện tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên"¹.

Hồ Chí Minh quan niệm: lãnh đạo đúng có nghĩa là phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, phải tổ chức sự thi hành cho đúng, phải kiểm soát, "chọn người thay và thay người".

Đảng "lãnh đạo", Nhà nước "quản lý".

Việc phân định ranh giới giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với phương thức quản lý của Nhà nước không đơn giản. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: Đảng và Nhà nước đều phục vụ nhân dân, mục đích hoạt động đều đưa lợi ích cho nhân dân. Cán bộ đảng hay cán bộ nhà nước đều là dây tơ của nhân dân. Như vậy, Đảng và Chính phủ

1. Sđd, t.7, tr.491.

chỉ có một đối tượng phục vụ đó là nhân dân. Dù giai đoạn nào thì Đảng và Nhà nước cũng có một cái chung căn bản đó là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Trong phương thức hoạt động, Đảng và Nhà nước cũng có nhiều điểm chung, Đảng lấy ý kiến dân, Chính phủ cũng lấy ý kiến dân... Tuy nhiên, có những điều thì Đảng không trực tiếp làm như ban hành các văn bản pháp luật..., mà chỉ Nhà nước làm, Đảng chỉ lãnh đạo phương hướng chính trị, bố trí cán bộ, kiểm tra...

Trước đây, Lenin cho rằng, Đảng lãnh đạo Nhà nước là một vấn đề có tính nguyên tắc nhưng phải chống lấn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước, chống sự can thiệp vụn vặt vào công việc của các Xôviết, dành cho Đảng sự lãnh đạo chung. Đảng không bận bịu với những công việc manh mún. Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng đó. Những vấn đề lớn do Đại hội Đảng, Trung ương và Bộ Chính trị, bàn bạc quyết định... Khi thực hành thì đảng viên nhân danh cán bộ nhà nước thể hiện quyết định của Đảng. Hồ Chí Minh là lãnh tụ, là đảng viên của Đảng nhưng khi đứng ra giải quyết thì với tư cách Chủ tịch nước. Người là Chủ tịch Đảng đồng thời là Chủ tịch nước. Tư tưởng của Người là Đảng không bao biện làm thay các công việc của Nhà nước. Khi thực thi pháp luật, kế hoạch của Nhà nước, đảng viên với tư cách là công dân lúc đó trở thành những tấm gương hành động, gương mẫu chấp hành các quyết định của Nhà nước, chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng hệ thống pháp luật và các lĩnh vực khác đều phải định hướng, tổ chức hướng dẫn nhân dân góp ý kiến, các đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước với tư cách là đại biểu các tổ chức dân cử thuyết phục, đấu tranh bảo vệ quan điểm của Đảng và biểu quyết theo quan điểm của Đảng.

Sau khi định hướng chính trị cho các hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng phải tổ chức xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, bảo đảm cho Nhà nước giữ vững bản chất giai cấp công nhân, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải lãnh đạo và tổ chức để đội ngũ đảng viên được nhân dân tín nhiệm bầu vào cơ quan quyền lực chiếm một tỷ lệ cần thiết quyết định. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý vấn đề giáo dục cán bộ, công chức về lý tưởng, đạo đức cách mạng luôn luôn vì lợi ích đất nước, lợi ích nhân dân; luôn gắn bó và phục vụ nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cuối cùng được thể hiện ở các đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước từ cơ sở. Do vậy, trách nhiệm các đảng viên đó là phải biến quyết định, ý chí của Đảng thành quyết định, ý chí của Nhà nước.

PHẦN THƯ HAI

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN CẨM QUYỀN

Đây là một vấn đề càng đi vào nghiên cứu càng thấy nảy sinh những khó khăn, phức tạp. Một mặt, rất khó tách bạch vấn đề nào là vấn đề riêng của Hồ Chí Minh; mặt khác, như một số người quan niệm: vận dụng sáng tạo là bao hàm bổ sung, phát triển, không cần nhấn mạnh, xổ sung phát triển nữa.

Mác, Ăngghen và Lênin thường xuyên lưu ý các Đảng Cộng sản phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển học thuyết của các ông. Linh hồn sống của học thuyết Mác là phân tích cụ thể tình hình cụ thể. Lênin khẳng định: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học nà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng, những người xã hội chủ

nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chung chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga”¹.

Như vậy, học thuyết Mác - Lênin là học thuyết mở, nó luôn luôn cần được nạp thêm năng lượng mới từ thực tiễn cách mạng. Chính nhờ quá trình đó mà học thuyết Mác - Lênin ngày càng phát triển và sống mãi.

Là một người trung thành và kiên trì đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta”². Trong một báo cáo viết năm 1924, Hồ Chí Minh cho rằng: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. Hồ Chí Minh còn nhắc lại nhiệm vụ “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”³.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t.4, tr.232.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.292.

3. *Sđd*, t.1, tr.465.

Như vậy, có sự nhất quán giữa các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học và Hồ Chí Minh về sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển học thuyết đó cho phù hợp với thực tiễn cách mạng của mỗi nước.

Việc phân biệt ranh giới giữa vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng chỉ là tương đối.

- "Sáng tạo", theo *Từ điển tiếng Việt* xuất bản năm 1992 có hai nghĩa: Một là, tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần. Hai là, tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không gò bó, phụ thuộc vào cái đã có.

- "Bổ sung" có nghĩa là: "thêm vào cho đủ".

- "Phát triển" có nghĩa là: "biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp".

Ba động từ trên có nghĩa rất gần nhau, liên quan mật thiết với nhau. Có thể nói, "sáng tạo" là đã làm rõ được bản chất của vấn đề. Tuy nhiên, từ "bổ sung" và "phát triển" có những nội dung và ý nghĩa khác không hoàn toàn đồng nhất với "sáng tạo".

Trong cuốn sách này, chúng tôi quan niệm sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh bao gồm:

- Cơ sở và tiền đề của sự sáng tạo là nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học; nắm phương pháp luận, nắm nội dung, nguyên lý cơ bản của học thuyết. Nắm vững còn có nghĩa là nắm hệ

thông nguyên lý lý luận chứ không phải cắt xén. Do đó, quá trình nghiên cứu năm vững chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh chính là cơ sở và tiền đề cho quá trình sáng tạo.

- Trên cơ sở năm vững, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin mà sáng tạo. Việc vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta, tạo ra những giá trị mới về vật chất và tinh thần là sáng tạo.

Quá trình vận dụng phân biệt được đúng, sai; cái nào là nguyên tắc, cái nào là sách lược, cái nào còn phù hợp, cái nào phải bổ sung, phát triển mới, đáp ứng được tình hình. Trên cơ sở đó tìm ra cái mới, cách giải quyết mới. Đó là sáng tạo. Như vậy, sáng tạo khác về bản chất với bảo thủ, giáo điều và xét lại.

Quá trình vận dụng sáng tạo tuy đã có khía cạnh bổ sung, phát triển nhưng nói đúng hơn mới chỉ là cơ sở, tiền đề cho việc bổ sung, phát triển.

- Quá trình bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là quá trình áp dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tế, tiếp thu tinh hoa, trí tuệ của dân tộc và thời đại để tổng kết, tìm ra những vấn đề mới, phát hiện ra những quy luật mới.

Chỉ những kinh nghiệm thực tiễn được nâng lên thành lý luận, trở thành một bộ phận không thể tách rời chủ nghĩa Mác - Lênin mới được thừa nhận là bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trên ý nghĩa nào quá trình vận dụng sáng tạo của

Hồ Chí Minh cũng là quá trình bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin. Song, việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin của Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng là cấp độ cao nhất do quá trình vận dụng, sáng tạo và bổ sung... đưa lại. Bổ sung, phát triển là sáng tạo, nhưng sáng tạo chưa hẳn đã là bổ sung, phát triển. Quá trình này đòi hỏi đảng Cộng sản hoặc cá nhân nào đó có tầm tư duy sắc bén, có biệt tài về tổng kết thực tiễn mới thực hiện được.

Hồ Chí Minh chính là một người như thế. Vì vậy, những người nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đều nhất trí rằng: Hồ Chí Minh không những là người vận dụng sáng tạo, mà còn luôn luôn bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin trong thời đại mới. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

- Phân biệt ranh giới giữa sáng tạo với bổ sung, phát triển chỉ là tương đối và phân biệt cái gì là riêng của Hồ Chí Minh so với chủ nghĩa Mác - Lê nin và với quan điểm, đường lối của Đảng ta cũng chỉ là tương đối. Bởi vì, trong bản chất, trong cội nguồn của những luận điểm tư tưởng Hồ Chí Minh đã có chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đó là cơ sở và tiền đề rất căn bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ở đây chúng tôi đi sâu làm rõ Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền. Mốc thời gian chủ yếu từ năm 1945 đến năm 1969. Trong thời gian

dó, Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng, đồng thời là nguyên thủ quốc gia trong 24 năm.

Khi nghiên cứu học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, người ta thường nghiên cứu "đảng độc lập" do Mác, Ăngghen sáng lập và "đảng kiểu mới" do Lênin sáng tạo. Học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản được thể hiện ở "đảng độc lập" và bổ sung, phát triển ở "đảng kiểu mới".

Theo Mác và Ăngghen, "đảng độc lập" không phải là đảng cô độc, đơn độc, đảng độc lập có nghĩa là độc lập về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không lệ thuộc vào các đảng tiểu tư sản và không là cái đuôi của giai cấp tư sản. "Đảng độc lập" phải gắn bó mật thiết với giai cấp vô sản và quần chúng lao động. "Đảng độc lập" quan hệ hợp tác với các đảng khác vì lợi ích chung của toàn bộ phong trào vô sản.

Mác và Ăngghen đã dùng quan điểm duy vật lịch sử, xuất phát từ cơ sở kinh tế, xã hội để phân tích, rút ra những kết luận về vai trò, bản chất và tính tất yếu ra đời của Đảng Cộng sản.

Quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của hai ông đồng thời cũng là quá trình chuẩn bị, đấu tranh cho sự ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản. Do hoàn cảnh và điều kiện lúc đó, hai ông sớm đề ra nguyên lý xây dựng đảng độc lập của giai cấp vô sản. Bản thân hai ông đã tích cực xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Điều này đã được Ăngghen khẳng định. Việc thành lập tổ chức Hội liên hiệp công nhân quốc tế là một thành quả tuyệt đỉnh của toàn bộ sự nghiệp của Mác.

Mác và Ăngghen chưa có điều kiện để đề xuất lý luận về đảng cầm quyền. Qua Công xã Pari (1871), Mác và Ăngghen có đề cập đến một số khía cạnh về đảng cầm quyền, nhưng về cơ bản hai ông chưa nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền.

Trong điều kiện lịch sử mới, Lênin đã phát triển sáng tạo tư tưởng của Mác về Đảng Cộng sản, nghiên cứu tỉ mỉ và áp dụng trong thực tế những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới, khác về bản chất với các đảng kiểu cũ của Quốc tế II do bọn cơ hội thao túng. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), năm 1923, Lênin đã đề xuất một loạt những quan điểm và nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản trong điều kiện có chính quyền. Song, mới có sáu năm, chưa đủ thời gian để Lênin nhìn nhận rõ sự vật, hiện tượng mới, để phát hiện đầy đủ những quy luật của đảng cầm quyền. Ngay chính những chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Nga do Lênin lãnh đạo lúc đó cũng thay đổi luôn, chưa đủ thời gian để kiểm nghiệm, tổng kết thực tiễn và khẳng định một cách chắc chắn.

Trong bài *Thà ít mà tốt*, Lênin đọc cho thư ký ghi lại lúc cuối đời đã đánh giá, sau 5 năm cải tiến bộ máy nhà nước: "đó chỉ là một hoạt động phí công,... vô hiệu, thậm chí còn vô ích, còn có hại là khác".

Như vậy, trong tất cả các vấn đề đòi hỏi những người cộng sản phải vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin thì vấn đề đảng cầm quyền là một vấn đề mới mẻ cấp thiết và là vấn đề khó khăn, phức tạp,

thường dễ sai lầm, lệch lạc nhất.

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta trên tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt về vấn đề đảng cầm quyền được Hồ Chí Minh đề cập toàn diện, cơ bản, hệ thống và cụ thể. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng đảng cầm quyền được đề cập cả ở phương diện lý luận, quan điểm, nguyên tắc, trong chỉ đạo thực tiễn xây dựng Đảng và ở tấm gương hành động của Người. Dưới đây là một số vấn đề chủ yếu nhất:

I. VỀ VAI TRÒ, BẢN CHẤT VÀ QUY LUẬT HÌNH THÀNH ĐẢNG CỘNG SẢN

- *Phát hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự sáng tạo đầu tiên về Đảng của Hồ Chí Minh.*

Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân. Ở những nước công nghiệp phát triển, công nhân chiếm số đông trong dân cư thì việc có Đảng Cộng sản là dễ hiểu. Nhưng ở những nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, nơi nông dân chiếm đại đa số trong dân cư thì đó là vấn đề khó được chấp nhận. Ngay ở nước Nga - một nước có nền nông nghiệp phát triển vào cỡ trung bình - mà nhận thức về vấn đề này cũng không đơn giản. Vì thế, để thành lập Đảng bônsêvich, Lênin đã phải đấu tranh chống phái "Dân tuý" để bảo vệ học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Theo phái "Dân tuý"

thì lực lượng chính của cách mạng Nga là giai cấp nông dân chứ không phải là giai cấp công nhân. Năm 1894, Lenin viết tác phẩm *Những người "bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao* và năm 1899, ông viết tiếp tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*. Trong hai tác phẩm này, Lenin đã làm rõ những luận cứ khoa học để phê phán sai lầm của phái "Dân tuý", đặt cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Dể bảo vệ học thuyết Mác - Lenin, Hồ Chí Minh lúc đó mang tên Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài báo đề cập đến vai trò giai cấp công nhân: "Phong trào công nhân Trung Quốc", phong trào công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp. Trong thời kỳ lịch sử mà giai cấp tư sản dân tộc vẫn có vai trò nhất định qua thắng lợi của cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ. Nguyễn Ái Quốc đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giai cấp công nhân. Dù giai cấp tư sản dân tộc có vai trò nhất định trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng luận điểm trên của Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ nguyên giá trị.

Tại Đại hội Quốc tế nông dân (1923), Nguyễn Ái Quốc đã lập luận một cách khoa học, dứt khoát rằng nông dân là lực lượng cách mạng to lớn nhưng chỉ với lực lượng của riêng mình, nông dân không bao giờ trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ.

Những kết luận của Hồ Chí Minh về vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam là kết quả của một quá trình

quan sát thực tế, nghiên cứu ở nhiều nước từ năm 1911 khi Người ra đi tìm đường cứu nước. Khi được tin 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn bắc công năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "Khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình... Đây là lần đầu tiên một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa..."¹ và Người coi đó mới chỉ là "do bản năng tự vệ" của những công nhân "không được giáo dục và tổ chức" nhưng đã là "dấu hiệu... của thời đại".

Ở nước ta sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp bằng chính sách khai thác thuộc địa đã làm xuất hiện một lực lượng xã hội mới - giai cấp công nhân - nhưng còn quá nhỏ bé. Đến năm 1930, số lượng công nhân Việt Nam mới chỉ có 22 vạn người, chiếm tỷ lệ nhỏ trong dân cư (1,2%). Đây cũng là một trong nhiều nguyên nhân làm cho nhiều nhà yêu nước đương thời không nhận thấy vai trò lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Cụ Phan Bội Châu (1864-1940) đã bôn ba hải ngoại 20 năm để tìm đường "cứu vớt giông nòi" nhưng đã không nhận thức được vai trò lịch sử của giai cấp công nhân. Cụ Phan Chu Trinh (1782-1926) đã từng ở Pháp 15 năm (1911-1925), sống giữa phong trào công nhân nhưng vẫn không nhận thức được vai trò của giai cấp công nhân nên vẫn hy vọng dựa vào tư sản Pháp để đánh đổ nền quân chủ phong kiến Việt Nam, cuối cùng rồi rơi vào chủ nghĩa cải lương.

1. Sđd, t.2, tr.114.

Phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới là công lao của Mác và Ăngghen. Qua những cuộc tranh luận lý luận về vấn đề này, trong phong trào cách mạng và phong trào công nhân, từ sau khi Mác và Ăngghen mất, và xem xét vấn đề đó vào những điều kiện cụ thể của Việt Nam vào những năm 20 của thế kỷ XX mới thấy đầy đủ giá trị lý luận và thực tiễn mà Hồ Chí Minh đã cống hiến cho cách mạng Việt Nam. Sau này đánh giá về giai cấp công nhân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận tiên phong và kinh nghiệm của phong trào cộng sản quốc tế, giai cấp công nhân ta tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và tin cậy nhất của công nhân Việt Nam. Thừa nhận hay không thừa nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất để phân biệt người mácxit - léninnít chân chính với những kẻ cơ hội chủ nghĩa. Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, đặc biệt là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch đã đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng tập trung vào việc đánh phá hệ thống tư tưởng của giai cấp công nhân nhằm xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và từ đó thủ tiêu vai trò lãnh đạo của các Đảng Cộng sản. Một trong những vấn đề lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin mà chúng tập trung bác bỏ, xuyên tạc là học thuyết Mác về sứ mệnh lịch

sử của giai cấp công nhân.

Về mặt lý luận, Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và sớm sáng lập đảng tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phát hiện được quy luật hình thành Đảng Cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu như Việt Nam là sự sáng tạo, bổ sung, phát triển lớn của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lênin về sự ra đời của Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Đó là nguyên lý chung của học thuyết Mác - Lênin về đảng vô sản. Nhưng tình hình Việt Nam hoàn toàn khác với nước Nga và các nước châu Âu. Làm thế nào để thành lập được đảng vì sản ở một nước mà nông dân chiếm số đông như Việt Nam là vấn đề mới và khó. Lênin chỉ rõ: sự ra đời của các đảng vô sản có quy luật chung, nhưng đặc điểm của mỗi nước đòi hỏi phải có những con đường riêng biệt. Trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian.

Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển tư tưởng đó của Lênin như thế nào để tìm ra con đường riêng biệt của

Việt Nam? Người đã nhận thức được những điều kiện lịch sử mới, đặc điểm mới của phong trào yêu nước của Việt Nam. Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, giai cấp tư sản đã phản bội lại lợi ích của dân tộc. Giai cấp công nhân - giai cấp tiên phong trở thành người đại biểu quyền lợi của cả giai cấp và của cả dân tộc. Phong trào dân tộc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga. Những điều kiện lịch sử mới đó đã hướng những người yêu nước Việt Nam theo chủ nghĩa xã hội, gắn liền mục tiêu độc lập dân tộc với mục tiêu chủ nghĩa xã hội, để tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành những người cộng sản. Trước sự chuyển biến quan trọng đó của phong trào yêu nước, Hồ Chí Minh không chờ cho giai cấp công nhân Việt Nam phát triển đến một số lượng và tỷ lệ nhất định mới hình thành Đảng Cộng sản. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chỉ rõ: nhược điểm của giai cấp công nhân về số lượng được bổ sung bằng các tầng lớp vô sản và dân nghèo, tiểu tư sản trí thức yêu nước khi họ tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin và tự nguyện chiến đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân và dân tộc. Những người không phải xuất thân từ giai cấp vô sản nhưng khi đã tiếp thu được thế giới quan Mác - Lênin, được rèn luyện trong phong trào cách mạng đều trở thành những người cộng sản ưu tú.

Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam không thể có phong trào thuần tuý vô sản. Trung thành

và vận dụng sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và cả phong trào yêu nước để đưa phong trào yêu nước theo hướng xã hội chủ nghĩa. Phong trào yêu nước theo hướng mới đó ngay từ đầu đã có sự chuyển biến về chất, gắn liền hai mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh thực hiện việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cứu nước của mình bằng nhiều hình thức: sách báo, truyền đơn, các cuộc tiếp xúc... Người cũng sử dụng nhiều hình thức tổ chức quá độ như: "Hội liên hiệp thuộc địa" ở Pháp, "Thế giới bị áp bức dân tộc liên hiệp hội" ở Trung Quốc, "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" để từng bước tập hợp, giáo dục thanh niên yêu nước hướng họ đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga.

Trong điều kiện của Việt Nam những năm 1925-1930, việc tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên như một tổ chức tiền thân của Đảng, là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh về tổ chức. Đây là tổ chức thu hút những người yêu nước ưu tú trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Hội có vai trò quyết định trong việc đưa những người yêu nước Việt Nam đi từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp và trở thành đảng viên cộng sản. Hội được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở và trên thực tế Hội đã làm nhiệm vụ chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta ra đời ngày 3-2-1930 là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Tổng kết kinh nghiệm 30 năm xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh viết: "Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930"¹.

Hồ Chí Minh đã giáo dục, rèn luyện, xây dựng Đảng ta thành một đảng Mác - Lênin vững mạnh, giữ vững và tiếp tục phát triển sự nghiệp do Người để lại.

II. VỀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy "cái cần thiết cho chúng ta, con đường giải phóng chúng ta" trong tác phẩm của Lenin: *Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*.

Đường lối, nhiệm vụ chính trị của những người yêu nước ở các thuộc địa là giáo dục, giác ngộ, vận động, tổ chức quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân. *Đặt cách mạng giải phóng dân tộc của các thuộc địa vào phạm trù của cách mạng vô sản*. Đó là một trong những phát hiện mới, sáng tạo trong quan điểm, đường lối chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

1. *Sđd*, t.10, tr.8.

Trong việc xác định đường lối, nhiệm vụ chính trị, Hồ Chí Minh luôn luôn đặt ra những nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu cuối cùng cần đi tới.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành đảng cầm quyền. Mục tiêu độc lập dân tộc đã thực hiện được cơ bản song kẻ thù đã trở lại xâm lược, do đó chưa thực hiện được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta phải tiến hành 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975) mới hoàn thành triệt để mục tiêu độc lập dân tộc. Trong hoàn cảnh lịch sử như vậy, đường lối, nhiệm vụ chính trị do Hồ Chí Minh và Đảng ta đề ra là tiếp tục hoàn thành mục tiêu giải phóng dân tộc, từng bước thực hiện mục tiêu dân chủ, tạo tiền đề và điều kiện để tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đường lối và nhiệm vụ chính trị đó tiếp tục con đường giải phóng mà lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã mở ra và được vận dụng phù hợp với đặc điểm lịch sử và thực tiễn của đất nước.

Năm 1946, một nhà báo nước ngoài hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thưa Chủ tịch, chúng tôi nghe nói Chủ tịch có xu hướng cộng sản, nhưng có phải Chủ tịch cho rằng đất nước Việt Nam chưa thể cộng sản hoá được trước một thời hạn là 50 năm không?". Hồ Chí Minh trả lời: "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác... Còn khi nào chủ nghĩa Các Mác thực hiện thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát

triển hết khả năng của mình, ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ"¹. Câu trả lời trên đây của Hồ Chí Minh vẫn thể hiện kiên định con đường chủ nghĩa cộng sản đồng thời nhận thức rõ điều kiện cụ thể của đất nước để đề ra đường lối, nhiệm vụ chính trị cũng như bước đi thích hợp tạo dựng những điều kiện cần có để tiến tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Phấn đấu để đất nước có nền kỹ nghệ phát triển là sự phát triển của công nghiệp và khoa học công nghệ; có nền nông nghiệp phát triển. "Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn". Và con người phát triển hết khả năng của mình, khả năng trí tuệ, khả năng lao động sản xuất, làm kinh tế vì dân giàu nước mạnh, "đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, Hồ Chí Minh đã đề cập sâu sắc vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Người nêu ra 12 điều cần thiết để bảo đảm "tư cách của Đảng chân chính cách mạng". Trong 12 điều đó đã nêu rõ việc xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng muôn đúng đắn và mang lại kết quả cần phải chú trọng những điểm gì.

Sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), đường lối của Đảng là tiếp tục sự nghiệp đấu tranh để hoàn thành cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

1. Sđd, t.4, tr.272.

đồng thời đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Ngày nay miền Bắc nước ta đang khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa tiến dần lên chủ nghĩa xã hội"¹. Trước đó, Người cũng đã xác định "chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần"²... "Tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác tổ chức và giáo dục"³. Hồ Chí Minh xác định tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mục tiêu nhất quán trong đường lối chính trị, đồng thời cũng là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ. Đó là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc và không thể không trải qua nhiều chặng đường và cần phải qua những bước đi trung gian quá độ khác nhau. Mọi sự ấn định thời gian đều có thể phạm sai lầm chủ quan, nóng vội, duy ý chí. Chính V.I.Lênin, trong bài *Bàn về thuế lương thực* viết năm 1921 đã cho rằng, những giả định về thời gian nêu ra năm 1918 là sai lầm.

Ngay ở thời điểm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã đề cập việc xây dựng và phát triển 5 loại kinh tế khác nhau ở nước ta (thành phần kinh tế):

"A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B- Các hợp tác xã (nó là nửa xã hội chủ nghĩa, và sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội).

1, 2, 3. Sđd, t.8, tr.338, 226, 228.

C- Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

D- Tư bản của tư nhân.

E- Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên, kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản¹. Với sự tồn tại của các thành phần kinh tế, chính sách của Đảng và Chính phủ là công tư đều lợi; chủ thợ đều lợi; công nông giúp nhau; lưu thông trong ngoài. Hồ Chí Minh lưu ý: Công tức là kinh tế quốc doanh là nền tảng và lãnh đạo nền kinh tế, tư là kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ, đó là lực lượng kinh tế cần thiết. Về quan hệ chủ thợ, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức.

Chủ và thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên². Đường lối, chính sách Hồ Chí Minh đề ra trên đây chính là sự vận dụng "lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ, nhất là luận điểm V.I.Lênin về sự tồn tại đan xen các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ.

1, 2. Sđd, t.7, tr.247-248, 221.

Sự vận dụng đó hoàn toàn sát hợp với tình hình đất nước và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ta. Nội dung đường lối, nhiệm vụ chính trị đó và nhất là phương pháp nhận thức và vận dụng lý luận của Hồ Chí Minh đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử nước ta". Phải tiến hành quá trình biến đổi đó trong "những điều kiện đặc biệt nước ta". Đó là một xã hội vừa thoát khỏi ách thực dân, phong kiến hết sức lạc hậu. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muôn bất mò mẫm, đõ sai phạm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là cán bộ cốt cán của Đảng".

Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội hết sức rõ ràng, cụ thể, "chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"¹; "chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ"²; "*chủ nghĩa xã hội* nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"³. Người nhấn mạnh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải cải tạo xã hội cũ thành một xã hội mới, một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh cùng với toàn Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến chống ngoại xâm, nhưng vẫn không quên mục đích của Chính phủ phấn đấu "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước"⁴.

Mục tiêu rõ ràng và cụ thể trong đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định như vậy, song việc thực hiện là cả một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ và đòi hỏi phải có những hình thức tổ chức và phương pháp thích hợp.

1,2,3. *Sđd*, t.10, tr.17, 97, 317-318.

4. *Sđd*, t.5, tr.66.

Trong quá trình cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam ở những thời điểm có tính bước ngoặt như thành lập Đảng (1930), Cách mạng Tháng Tám thành công (1945), đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954), trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin sát hợp với đặc điểm, hoàn cảnh đất nước. Nội dung đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng và Hồ Chí Minh không chỉ trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển sáng tạo phù hợp với đặc điểm một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, đấu tranh giải phóng dân tộc và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng chính là ở chỗ, nhiệm vụ chính trị cụ thể phải được đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Chính vì vậy nó có khả năng hiện thực hoá cao và tránh được những sai lầm chủ quan. Điều cần nhấn mạnh ở đây chính là phương pháp khoa học của Hồ Chí Minh trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị là luôn luôn kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh đất nước, coi trọng phân tích đặc điểm hoàn cảnh thực tiễn, không bao giờ lấy tình cảm, ý chí chủ quan làm điểm xuất phát cho việc hoạch định đường lối, nhiệm vụ chính trị. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh việc nắm vững bản chất cách mạng và khoa học, linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập phương

pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp khoa học và sáng tạo.

III. VỀ TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Cũng như các lĩnh vực khác, trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề rất quan trọng. Đó là hai cấp độ khác nhau của cùng một quá trình được triển khai trong thực tiễn. Việc phân định, làm sáng tỏ hai cấp độ đó không đơn giản chỉ làm rõ vai trò, công lao của Hồ Chí Minh mà còn có ý nghĩa lý luận - thực tiễn to lớn trong việc mở ra phương hướng không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới.

Xét về bản chất, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết nhằm giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động thoát khỏi ách áp bức bóc lột một cách khoa học, chắc chắn nhất. Nó được hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, rút ra những vấn đề có tính quy luật, những chân lý phổ biến để chỉ đạo hoạt động cách mạng. Vì vậy, giá trị căn bản của học thuyết là ở chỗ nó đóng vai trò như "kim chỉ nam", như "cẩm nang thần kỳ" cho các hoạt động cách mạng mà tuyệt nhiên không phải là những tín điều bất di bất dịch. Nhận thức được đặc điểm trên, Hồ Chí Minh cho rằng, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin chính là học tập "cái tinh thần xử trí mọi việc", "những chân lý phổ biến" của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách

sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Từ thực tiễn chỉ đạo cách mạng Nga, Lênin cho rằng, công tác tư tưởng là một công tác cách mạng đòi hỏi tính năng động, sáng tạo rất cao, trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc, tính đảng, tính khoa học và tính gắn bó với cuộc sống. Vì vậy, tìm hiểu Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên lĩnh vực tư tưởng chính là xem xét sự quán triệt vận dụng các nguyên tắc đó của Người vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

I. Nguyên tắc tính đảng trong công tác tư tưởng

Đây là nguyên tắc quan trọng hàng đầu của Đảng, nó bảo đảm cho các hoạt động tư tưởng của Đảng được giữ vững trên lập trường giai cấp công nhân. Nguyên tắc này vừa giữ vai trò chủ đạo định hướng các quan hệ công tác tư tưởng vừa là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá bản chất của Đảng. Kinh nghiệm thực tế cho thấy sai lầm, lệch lạc của nhiều đảng bắt đầu từ những vấn đề này. Đối với Đảng ta, một đảng ra đời, hoạt động trong một nước nông nghiệp lạc hậu, thường xuyên phải đương đầu với nhiều thế lực thù địch thì việc giữ vững tính đảng trong công tác tư tưởng là nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã giải quyết vấn đề đó một cách sáng tạo bằng cách tăng cường tính đảng trong hàng loạt những nhân tố có quan hệ trực tiếp đến hoạt động tư tưởng. Chẳng hạn, về nội dung công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh luôn chú trọng tăng cường giáo dục lý luận chủ

nghĩa Mác – Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát triển hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Về hình thức, phương pháp, Người coi trọng mở rộng dân chủ, tăng tính giáo dục thuyết phục, thể hiện bản chất đặc thù hoạt động tư tưởng của đảng cộng sản... Người luôn nhắc nhở phòng ngừa, phê phán những biểu hiện quan liêu, áp đặt tư tưởng, vi phạm quyền làm chủ của đảng viên và nhân dân. Về quá trình triển khai thực hiện, trong Đảng phải thể hiện rõ sự có tổ chức, có lãnh đạo trên lĩnh vực công tác tư tưởng; đặc biệt do nhận thức được vai trò then chốt của đội ngũ cán bộ nên Hồ Chí Minh rất chú trọng giữ vững tính đảng thông qua hàng loạt những hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người đòi hỏi họ phải thường xuyên học tập nâng cao giác ngộ chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng; phải thực hành dân chủ rộng rãi thường xuyên và nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, giữ vững kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Trong các hoạt động tư tưởng, người cán bộ phải đề cao ý thức trách nhiệm, "chống thói ba hoa" làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước... Do tính chất phức tạp, quyết liệt của lĩnh vực hoạt động, Hồ Chí Minh đòi hỏi người cán bộ trên lĩnh vực tư tưởng phải là người chiến sĩ có bản lĩnh, có tính chiến đấu cao "phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù"¹ rõ rệt.

1. Sđd, t.7, tr.117.

2. Nguyên tắc tinh khoa học trong công tác tư tưởng

Lênin nêu lên nguyên tắc này vì hai lý:

Một là, chủ nghĩa xã hội khoa học là nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản, mọi hoạt động của đảng phải trên cơ sở khoa học, phản ánh đúng bản chất của đảng.

Hai là, do tính đa dạng, phức tạp của công tác tư tưởng đòi hỏi nền công tác tư tưởng phải tiến hành khoa học mới có chất lượng, hiệu quả... Đối với Đảng ta, do trình độ nhận thức và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế mang đậm dấu ấn của người sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, phân tán... vì vậy việc thực hiện nguyên tắc này là một yêu cầu rất cấp bách song cũng đặt ra rất nhiều khó khăn. Trong thực tiễn hoạt động cách mạng để đảm bảo tính khoa học trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh chú trọng những vấn đề sau:

- Những vấn đề có liên quan chí phôi, tác động ảnh hưởng lớn đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, đời sống tư tưởng, tinh thần bao giờ cũng tồn tại, vận động theo những quy luật đặc thù, do đó phải đặt những hoạt động tư tưởng trong các mối quan hệ biện chứng với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể mới có thể có chủ trương, phương hướng tác động trên lĩnh vực tư tưởng sát hợp. Theo hướng đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh một số vấn đề

chủ yếu sau đây:

+ Việt Nam có nền văn hiến lâu đời, dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước thương nòi, đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm.

+ Việt Nam từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là đặc điểm lớn nhất chủ đạo chi phối các hoạt động cách mạng, trong đó có công tác tư tưởng.

Trong quá trình phát triển, cách mạng Việt Nam luôn phải đương đầu với những đế quốc lớn mạnh, với những thủ đoạn chiến tranh tàn bạo, xảo quyệt, v.v..

Ngoài những vấn đề trên, Hồ Chí Minh còn thường lưu ý các tình huống, các thời điểm cần quan tâm lãnh đạo tư tưởng: thời điểm chuyển giai đoạn - từ hòa bình sang chiến tranh và ngược lại; thời điểm trước và sau những bước ngoặt; những lúc cách mạng thắng lợi hoặc thất bại tạm thời, v.v..

Bằng những chỉ dẫn trên, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị cho đội ngũ cán bộ những tri thức mới, tinh thần mới, tâm thế mới để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng một cách chủ động, tự tin.

- *Quan tâm chăm lo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng.*

Sở dĩ Hồ Chí Minh quan tâm đến vấn đề này vì hai lý: Một là, trình độ năng lực cán bộ quyết định đến chất lượng hoạt động của công tác tư tưởng; hai là về thực trạng, phần đông đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực

này chưa được đào tạo, sự hiểu biết chuyên môn còn hạn chế. Người đã nhiều lần gặp gỡ trao đổi về kinh nghiệm hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật với những cán bộ thuộc những binh chủng trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật. Với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng công tác cho đội ngũ cán bộ này, những chủ đề Người quan tâm nhiều nhất là: cách viết, cách nói, cách diễn đạt, cách sáng tác, phê bình... trên các lĩnh vực. Đặc biệt, chính bản thân Người là mẫu mực tuyệt vời về phong cách, phương pháp viết, nói nên đã có tác dụng lớn góp phần vào sự nghiệp lãnh đạo tư tưởng của Đảng:

- Quan tâm đến vấn đề lợi ích, có nghệ thuật xử lý đúng đắn, góp phần tạo động lực to lớn trên lĩnh vực tư tưởng.

C. Mác đã từng cho rằng nguồn gốc tư tưởng con người bắt nguồn từ chính lợi ích của bản thân họ, rằng tách tư tưởng với lợi ích, tư tưởng tự nó sẽ bị làm nhục. Vận dụng luận điểm trên, Hồ Chí Minh đã xử lý một cách sáng tạo, linh hoạt cả từ những chủ trương chiến lược, chính sách tầm vĩ mô đến những sự việc đơn giản hàng ngày. Những khẩu hiệu nổi tiếng: "Độc lập dân tộc", "Người cày có ruộng", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do!", v.v. là những ví dụ điển hình về sự vận dụng sáng tạo những động lực lợi ích để khơi dậy tiềm năng to lớn trên lĩnh vực tinh thần của dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Những chế độ, chính sách trong thời kỳ do chính

Người ban hành, những chuyến thăm viếng, những đợt uý
lao động viên, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành
tích, những lời khích lệ, những phần thưởng đúng lúc của
Người đã thật sự có tác dụng sâu xa trên lĩnh vực tư
tưởng.

- *Chủ trương giữ vững bản sắc dân tộc trong các hoạt
động tư tưởng.*

Nguyên tắc tính khoa học trong công tác tư tưởng
không bài trừ, thủ tiêu vấn đề bản sắc dân tộc; ngược lại
bảo đảm tính khoa học đúng nghĩa của nó là phải tìm cách
bảo tồn, phát huy những yếu tố, bản sắc dân tộc. Nhận
thức đúng đắn vấn đề đó, Hồ Chí Minh chủ trương giữ
vững bản sắc dân tộc trong hoạt động tư tưởng bằng các
biện pháp cụ thể:

+ Bảo vệ, giữ gìn tiếng nói, chữ viết của dân tộc - công
cụ giao tiếp, giao lưu tư tưởng, tình cảm của người Việt
Nam.

+ Thông qua những loại hình văn hóa nghệ thuật (văn
học, thơ ca, hò vè; hội họa...) qua những tập quán dân tộc
(lễ hội, v.v.) thậm chí qua các nghi thức tín ngưỡng, tôn
giáo để tiến hành các hoạt động tư tưởng.

+ Luôn kết hợp được các yếu tố truyền thống và hiện
đại, dân tộc và thời đại, giữa "lý và tình".

- *Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư
tưởng, vẫn đề then chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ tư
tưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.*

Cán bộ vốn là "gốc" của công việc, Hồ Chí Minh cho

rằng công việc thành công hay thất bại phụ thuộc vào cán bộ tốt hay kém. Trong lĩnh vực công tác tư tưởng cũng vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, để bảo đảm tính khoa học, chất lượng của công tác tư tưởng xét đến cùng phải xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài những tiêu chuẩn chung của đội ngũ cán bộ, cần phải nhấn mạnh, người cán bộ công tác tư tưởng phải có trình độ chính trị vững vàng, tính trung thực, đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có trình độ chuyên môn ngang tầm cần thiết, v.v..

3. Nguyên tắc công tác tư tưởng phải gắn bó với cuộc sống

Trên thực tế, mỗi đảng hoạt động trong những nước với những hoàn cảnh đặc biệt rất khác nhau nên xuất hiện các nhu cầu trên lĩnh vực công tác tư tưởng cũng khác nhau. Hơn nữa, nếu xa rời hiện thực cuộc sống, công tác tư tưởng dễ rơi vào sai lầm hoặc là giáo điều, hoặc chủ quan duy ý chí. Đối với Việt Nam, một nước ở khu vực châu Á, có nhiều đặc điểm khác với các nước khác (nhất là với các châu Âu) nên việc nhận thức và quán triệt nguyên tắc này là tất yếu khách quan, là điều kiện bảo đảm cho cách mạng thắng lợi.

Dể bảo đảm nguyên tắc này trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh chú trọng những vấn đề sau:

+ Thường xuyên lưu ý những đặc điểm, hoàn cảnh đặc thù của cách mạng Việt Nam đối với cán bộ, đảng viên.

Đặc biệt Người coi trọng việc phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo của cán bộ, đảng viên.

+ Yêu cầu cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập nắm vững bản chất, tinh thần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng trong thực tiễn cho đúng.

+ Luôn yêu cầu công tác tư tưởng phải biết xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy thực tiễn cùng tiến lên.

+ Cán bộ làm công tác tư tưởng phải tăng cường thâm nhập cuộc sống, tìm hiểu, nắm vững tâm tư nguyện vọng nhân dân để có phương hướng lãnh đạo sát hợp.

+ Cán bộ, đảng viên phải gắn bó với cơ sở, với quần chúng, thực hiện thống nhất lời nói đi đôi với việc làm.

+ Phải làm tốt công tác tổng kết kinh nghiệm, phát hiện và nhân rộng những nhân tố mới, đưa thực tiễn phát triển đi lên.

+ Khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm của các nước để vận dụng sáng tạo vào điều kiện của nước mình, v.v..

Đồng thời với quá trình vận dụng sáng tạo các nguyên tắc về công tác tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh còn cho rằng *công tác tư tưởng của đảng cộng sản phải có tính văn hoá*.

Tiến hành công tác tư tưởng phải trên lập trường nhân đạo cộng sản, có lòng tin ở con người, khơi dậy giá trị đạo đức tốt đẹp; tính nhân văn của con người. Trong các hoạt động tư tưởng phải thể hiện tính văn hoá cao; giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc và tiếp thu văn minh nhân loại, v.v..

- Ngoài ra, Người còn bổ sung nhiều kinh nghiệm quý giá trong việc tiến hành công tác tư tưởng của đảng cộng sản trong một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội bở qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là:

Kinh nghiệm xây dựng tư tưởng của một đảng cộng sản trong sạch, vững mạnh trong một nước nông nghiệp lạc hậu.

Kinh nghiệm định hướng tư tưởng chính trị trong một nước thuộc địa nửa phong kiến di lên chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm triển khai công tác tư tưởng theo hai quá trình (trong nội bộ Đảng và với xã hội), theo ba tuyến (ta - bạn - thù) trong đấu tranh cách mạng.

Kinh nghiệm tiến hành công tác tư tưởng với giai cấp nông dân.

Kinh nghiệm đấu tranh khắc phục những tàn dư tư tưởng phong kiến trong một nước nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội bở qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Kinh nghiệm lãnh đạo tư tưởng trong một nước nhỏ tiến hành đấu tranh, chống những đế quốc lớn trong thời đại ngày nay, v.v..

Bên cạnh việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh còn phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên lĩnh vực tư tưởng, ở hai vấn đề sau:

Một là, khi bàn về điều kiện xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn xã hội chủ nghĩa, phải có: người xã hội chủ nghĩa. Muốn có

người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa"¹.

Hai là, khi bàn về đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"². Bằng phương thức "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", Người nhấn mạnh: "... *Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*"³.

Hai vấn đề trên gắn bó hữu cơ với nhau, khẳng định sự thành bại của cách mạng do chính bản thân con người quyết định. Đó là những kết luận hết sức chính xác của Hồ Chí Minh, là kết quả của quá trình nghiên cứu, chiêm nghiệm mà Người đã nhận định từ rất sớm: "Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dẽ cũng tại mình, mình quyết chí thì làm được"⁴.

IV. VỀ TỔ CHỨC

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lenin trong xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức, nổi bật ở các nội dung sau:

1, 2, 3. Sđd, t.9, tr.296, 292, 291.

4. Sđd, t.2, tr.267.

1. Về xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng

Những quan điểm, nội dung, cách làm trong xây dựng, phát huy sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng mà Hồ Chí Minh thể hiện là sự trung thành và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin về xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện và hoàn cảnh nước ta. Trong đó nổi lên những nội dung chính sau đây:

Một là, Hồ Chí Minh sáng tạo ra những hình thức tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng.

Với nhãn quan chính trị sâu rộng, Hồ Chí Minh đã nhạy bén đưa ra những quyết định sáng suốt về hình thức tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng. Việc "Đảng tuyên bố tự giải tán - nhưng sự thật là Đảng rút vào hoạt động bí mật" là một ví dụ. Hoặc ở thời kỳ đầu Đảng mới thành lập, ngoài 4 cấp như hiện nay (Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở) còn lập các xứ ủy. Đến thời kỳ chống Pháp còn có các khu ủy. Khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, điều kiện cho phép lại bỏ xứ cấp ủy và khu ủy, chỉ giữ lại khu tự trị (Việt Bắc, Tây Bắc). Hay việc lập Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp lãnh đạo Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam... Chính nhờ có sự linh hoạt, sáng tạo về hình thức tổ chức và phương thức hoạt động như vậy mới bảo đảm cho hoạt động của Đảng được

thông suốt, mau lẹ, kịp thời, thông nhất từ Trung ương đến cơ sở. Những hình thức tổ chức Đảng do Hồ Chí Minh sáng lập, đó là sự sáng tạo trong vận dụng.

Hai là, về lề lối làm việc và cơ chế vận hành của tổ chức bộ máy. Sau hai năm giành được chính quyền (10-1947), Hồ Chí Minh đã viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc* nhằm giáo dục, rèn luyện cho cán bộ, đảng viên biết giữ vững những nguyên tắc tổ chức của Đảng kiểu mới trong sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của các tổ chức đảng, bảo đảm cho bộ máy của Đảng vừa phát huy được dân chủ, vừa giữ vững kỷ luật kỷ cương; làm cho các tổ chức của Đảng luôn bám sát cơ sở, bám sát thực tiễn, sát quần chúng và kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

2. Về nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc tập trung dân chủ đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập rất sớm. Về phương diện lý luận, Mác - Ăngghen chưa dùng khái niệm nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng về phương diện thực tiễn thì hai ông đã chỉ đạo xây dựng "Liên đoàn những người cộng sản" và "Hội liên hiệp công nhân quốc tế" theo tinh thần của nguyên tắc đó. Một số nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ như vấn đề bầu cử, dân chủ, bình đẳng; quyền thảo luận, thông qua cương lĩnh, điều lệ; cấp dưới phục tùng cấp trên; thiểu số phục tùng đa số; mọi thành viên đều có trách nhiệm thực hiện kỷ luật bắt buộc

như nhau, v.v. đã được Mác - Ăngghen đề cập.

Sau khi Mác - Ăngghen qua đời, Lênin là người kế tục xuất sắc sự nghiệp của Mác - Ăngghen, đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen về tập trung dân chủ. Khái niệm "tập trung dân chủ" đã được Lênin sử dụng từ năm 1905, sau đó được đưa vào Điều lệ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Đại hội IV - 1906) và được các đảng trong Quốc tế III thừa nhận và khẳng định: "các đảng gia nhập Quốc tế Cộng sản phải được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ".

Hồ Chí Minh luôn luôn trung thành với tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ và sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng đó trong tổ chức sinh hoạt và hoạt động của Đảng cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình độ dân trí của Việt Nam. Lênin cho rằng: Cần phải hiểu chế độ tập trung dân chủ, một mặt thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ. Hồ Chí Minh đã diễn đạt rất cô đọng nguyên tắc này là: "Tập trung trên nền tảng dân chủ" và "dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung".

Sự sáng tạo, bổ sung, phát triển nguyên tắc tập trung dân chủ của Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất ở việc thực hành nguyên tắc này "Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội uỷ viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên

phải tuân theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt"¹. Hồ Chí Minh còn cho rằng: "Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng *dân chủ* (thật thà tự phê bình và phê bình), thực hành lãnh đạo *tập trung*, nâng cao tính tổ chức và kỷ luật"².

Trước đây, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập đến cách thức lãnh đạo của Đảng, đó là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, song do điều kiện hoàn cảnh cụ thể lúc đó chưa được các ông đề cập kỹ. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo tư tưởng trên của các nhà kinh điển, đồng thời bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Người lý giải: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề.

Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi

1. *Sđd*, t.2, tr.306.

2. *Sđd*, t.7, tr.241.

sai lầm.

Ý nghĩa của tập thể lãnh đạo rất giản đơn, chân lý của nó rất rõ rệt. Tục ngữ có câu: "Khôn bầy hơn khôn độc" là nghĩa đó.

Vì sao cần phải cá nhân phụ trách?

Việc gì đã được đồng người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh ra cái tệ người này uỷ cho người kia, người kia uỷ cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong. Tục ngữ có câu: "Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như thế.

Vì lẽ đó, cho nên lãnh đạo cần phải tập thể, mà phụ trách cần phải cá nhân.

Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Nhưng không phải vấn đề gì nhỏ nhặt, vụn vặt, một người vẫn có thể giải quyết được, cũng đưa ra bàn - mới là tập thể lãnh đạo. Nếu làm như vậy, là hiểu tập thể lãnh đạo một cách quá máy móc. Kết quả là cứ khai hội mà hết ngày giờ.

Những việc bình thường, một người có thể giải quyết đúng thì người phụ trách cứ cần thận giải quyết đi. Những việc quan trọng, mới cần tập thể quyết định.

Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*.

Cá nhân phụ trách là *tập trung*.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là *dân chủ tập trung*. Làm việc mà không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung¹.

Ở mọi lúc, mọi nơi, kể cả trong tình huống phức tạp, hiểm nghèo nhất, Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng tập thể, không bao giờ có biểu hiện lấn át tập thể. Ở Người tính quyết đoán, trách nhiệm cá nhân rất cao nhưng không thấy gợn lên một chút nào sự độc đoán cá nhân hoặc quyết định sai nguyên tắc. Tin vào tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tin vào đồng chí, đồng bào đó là một biểu hiện đặc sắc trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Dân chủ phải đi đôi với tập trung, đi liền với kỷ luật; cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng Trung ương. Người nhấn mạnh: Trong Đảng phải triệt để chống tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ hình thức, phân tán cục bộ, hẹp hòi, bè phái, tự do vô kỷ luật. Hồ Chí Minh cho rằng, dân chủ đi liền với kỷ luật, vì nếu chỉ phát huy dân chủ mà không tăng cường kỷ luật thì dân chủ sẽ trở thành vô chính phủ. Kỷ luật đảng nghiêm minh sẽ tạo nên sức mạnh của

1. Sđd, t.5, tr.504-505.

Đảng, tạo sự thống nhất ý chí và hành động. Kỷ luật đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Và để đạt đến trình độ nghiêm túc và tự giác trên phải mở rộng dân chủ, phải sử dụng biện pháp dân chủ.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trong công việc cũng như trong sinh hoạt hàng ngày, Hồ Chí Minh luôn luôn là tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện chế độ dân chủ tập trung. Mọi nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, của tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt, Người đều chấp hành nghiêm túc, vô điều kiện. Với cương vị là Người đứng đầu của Đảng và Nhà nước ta, Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao, tôn trọng, phát huy trí tuệ của tập thể. Ở Người chưa thấy có và không bao giờ có biểu hiện tư tưởng gia trưởng, độc đoán cá nhân.

Ở Người luôn thể hiện trọn vẹn, nhất quán tư cách của một người cộng sản: "Quyết đoán. Dũng cảm, Phục tùng đoàn thể"; sáng tạo trong thực hiện nguyên tắc: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến"... Uy tín, vai trò cá nhân, trách nhiệm phụ trách trước Đảng, tâm nhìn xa trông rộng của Người được thể hiện nổi bật ở mọi thời điểm của cách mạng nước ta.

3. Về tổ chức cơ sở đảng

Xây dựng thành công hệ thống tổ chức cơ sở đảng xứng đáng với vai trò "hạt nhân lãnh đạo" ở cơ sở trong điều kiện cách mạng Việt Nam là thành quả sáng tạo của Hồ Chí Minh cả về lý luận và thực tiễn. Trong đó, những sáng

tạo có giá trị tiêu biểu phải kể đến là:

Thứ nhất, quan niệm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất linh hoạt, sáng tạo, phản ánh sát thực vai trò của nó trong các mối quan hệ nhất định. Trong "Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản" xác định chi bộ là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của Liên đoàn. Nhưng Mác, Ăngghen chưa chỉ rõ vai trò quan trọng của nó. Sau này, Lenin đã khẳng định các cơ sở của đảng - ở mọi loại hình - đều có vai trò là "điểm tựa", là "hạt nhân và người lãnh đạo". Hồ Chí Minh xem xét vị trí, vai trò quan trọng của tổ chức cơ sở đảng tùy thuộc ở từng mối quan hệ. Chẳng hạn: trong hệ thống tổ chức của Đảng nó giữ vai trò là "nền móng", "nền tảng", là "gốc rễ" của Đảng. Trong mối quan hệ với nhân dân, nó có vai trò là "sợi dây chuyền" nối liền Đảng với dân. Với sự hoạt động lãnh đạo của Đảng thì các tổ chức cơ sở đảng giữ vai trò là: "hạt nhân lãnh đạo", là "đòn luỹ" chiến đấu ở cơ sở và là động lực ở mỗi cơ quan, là "cái gốc trong lãnh đạo".

Quan niệm sáng tạo trên của Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

Thứ hai, Hồ Chí Minh không chỉ xác định nhiệm vụ chung cho các loại hình cơ sở đảng, mà trên cơ sở nhiệm vụ chung Người đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở đảng cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở: nông thôn, đường phố, doanh

nghiệp, cơ quan.

Thứ ba, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo về nội dung, hình thức, cách tiến hành cung cố, kiện toàn, phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

+ Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng và không ngừng hoàn thiện phương thức hoạt động, lề lối làm việc cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở. Chẳng hạn, với chi bộ ở cơ quan, Người yêu cầu: "Phải thật sự mở rộng dân chủ trong cơ quan. Phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình...", "*mỗi một đảng viên phải xung phong làm gương mẫu* trong mọi việc"¹.

+ Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chỉnh đốn chi bộ". Coi đó là một công việc thiết thực và thường xuyên". Vì vậy, Người thường xuyên chỉ đạo tổ chức những đợt chỉnh huấn, sinh hoạt tự phê bình, phê bình... để qua đó nâng cao chất lượng chi bộ. Vấn đề "thanh đảng" có thể phù hợp với một số đảng. Song ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương "chỉnh đốn" Đảng là cách làm phù hợp.

+ Hồ Chí Minh cho rằng: "Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt", do đó, Người đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ trong các cơ sở.

+ Là người khởi xướng mở cuộc vận động "xây dựng chi bộ, đảng bộ "bốn tốt" và chính Người lãnh đạo tổ chức, duy

1. *Sđd*, t.7, tr.268-269.

tri, đầy mạnh phong trào này.

4. Vấn đề cán bộ, đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Chủ nghĩa Mác - Lênin thường nói trách nhiệm của Đảng với tư cách là người thầy, người lãnh tụ của quần chúng. Đảng lãnh đạo quần chúng "xoá bỏ áp bức bóc lột". Nhưng trong điều kiện của Đảng ta và thực tế nhiều đảng cầm quyền trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: *mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân*. Bác nhấn mạnh: *làm đày tớ nhân dân chứ không phải là "quan" nhân dân*"¹. Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo không chỉ là dẫn đường chỉ lối, theo nghĩa thông thường như chúng ta vẫn hiểu, mà khái niệm đó còn bao hàm cả mục đích đấu tranh của Đảng. Người nói: "Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và phải làm cho tốt"².

Quan điểm hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp quán xuyến trong mọi hoạt động, trong suốt cuộc đời của Người. Với Hồ Chí Minh, nghĩa vụ vẻ vang của người cộng sản là "làm người con trung thành của Đảng, người đày tớ tận tuy của nhân dân" chứ không phải để có quyền cao, chức trọng. Lòng kính trọng, yêu quý quần chúng phải trở thành tình cảm thúc đẩy mọi suy nghĩ, mọi hành động của những người cộng sản. Người

1,2. *Sđd*, t.12, tr.222.

dạy: "Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta"¹. Trong *Di chúc*, một lần nữa Người lại nhấn mạnh rằng, mỗi người cộng sản phải thực sự xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Làm người đầy tớ của dân, theo Người, là phải hết lòng hết sức phục vụ dân, phải gần dân, nghe dân, học dân; phải biết biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của dân; phải luôn luôn quan tâm đến đời sống, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của dân; phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không tham ô, lãng phí của dân; phải chống quan liêu mệnh lệnh; phải có tinh thần trách nhiệm cao và gương mẫu trước quần chúng. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu đối với họ càng lớn.

Hồ Chí Minh thường nhắc chúng ta phải luôn luôn quan tâm đến lợi ích, đến đời sống hằng ngày của nhân dân lao động kể cả những việc nhỏ như tương cà, mắm muối. Dân không đủ muối Đảng phải lo, dân không có đủ gạo ăn no, dân không có vải đù mặc ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Trước khi đi xa, trong *Di chúc*, Người căn dặn: "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân"².

1. *Sđd*, t.4, tr.56-57.

2. *Sđd*, t.12, tr.511.

5. Về chống bệnh quan liêu, tham ô, lâng phí

Tiếp thu những quan điểm của Mác, Ăngghen, Lê nin về chống quan liêu, Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng trung thành mà Người còn sáng tạo, bổ sung, phát triển làm phong phú thêm, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan liêu biểu hiện khá rõ ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

· *Quan liêu cùng với tham ô, lâng phí là "giặc nội xâm", "là tội ác"*

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: bệnh quan liêu hết sức nguy hiểm, những người và những cơ quan lãnh đạo nào mắc phải bệnh này thì "có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững". Nguy hiểm hơn, bệnh quan liêu đã ẩn ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lâng phí; có nạn tham ô, lâng phí là vì có bệnh quan liêu; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lâng phí, tham ô. Bệnh quan liêu tiếp tay cho những cán bộ kém, những người xấu thoả sức đục khoét ngân khố, tài sản quốc gia. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân. Thực chất bệnh quan liêu không phải đơn thuần là sai lầm về tác phong, phương pháp công tác mà chính là một căn bệnh nguy hiểm, có quan hệ trước hết và chủ yếu đến lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng; có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong

của Đảng và Nhà nước. Quan liêu đi liền với mệnh lệnh, cửa quyền, coi thường quần chúng, làm khó cho người... Nó làm "biến dạng" các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, làm cho những tổ chức đó vốn là cơ quan lãnh đạo, đại diện quyền lực và là dây tơ của dân trở thành những tổ chức xa dân, đứng trên nhân dân, thoát ly thực tế, dẫn đến việc ra quyết định, chính sách, chủ trương công tác không sát, thậm chí sai lầm, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ Đảng, Nhà nước và quần chúng. Quan liêu là đi ngược lại dân chủ.

Từ những tác hại to lớn do bệnh quan liêu, tệ tham ô, lăng phí gây ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: tham ô, lăng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ, là "giặc ở trong lòng", là "giặc nội xâm" và là tội ác.

- Những biểu hiện của bệnh quan liêu

Theo Hồ Chí Minh thì những cán bộ và cơ quan mắc bệnh quan liêu thường không đi sâu đi sát phong trào, không nắm được tình hình cụ thể của ngành hoặc địa phương mình, không gần gũi với quần chúng và học hỏi kinh nghiệm của quần chúng, thích ngồi bàn giấy "chỉ tay nằm ngón". Cái gì cũng dùng mệnh lệnh ép dân làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra "cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo". Họ ngại đi xuống cơ sở để hiểu đúng thực tế, kiểm tra việc thi hành chính sách, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thì chung chung, đại khái; không tự giác (thậm chí sợ)

tự phê bình và phê bình; không giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; ngoại tiếp xúc, đối thoại với quần chúng và cấp dưới.

Những biểu hiện của bệnh quan liêu rất nhiều, nhưng bộc lộ rõ nét là xa rời quần chúng và xa rời thực tế. Chính vì xa rời quần chúng và xa rời thực tế mà những kẻ quan liêu có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, không nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của quần chúng, không hiểu được tình hình thực tế, dẫn đến lãnh đạo không sát, chỉ đạo vu vơ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương...

- Nguyên nhân của bệnh quan liêu

Không dừng lại ở xác định, miêu tả đúng những triệu chứng của bệnh quan liêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi sâu tìm hiểu nguyên nhân phát sinh căn bệnh nguy hiểm này. Người cho rằng, bệnh quan liêu do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra. Về khách quan, bệnh quan liêu có từ xã hội cũ và từ chế độ xã hội cũ lây truyền sang chế độ xã hội mới. Còn về nguyên nhân chủ quan thì đó chính là những vấn đề thuộc về bản thân đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước. Người cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước nào cái tâm không trong sáng, động cơ vào Đảng không rõ ràng, giác ngộ về Đảng thấp, quan điểm quần chúng lệch lạc... thì rất dễ mắc bệnh quan liêu. Do đó, những người được gọi là đảng viên thì phải nhận rõ, phải biết rõ Đảng ta phải làm gì, vào Đảng để làm gì? Vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng... chứ không phải là

"quam" nhân dân. Cần phải phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên tưởng mình ở trong cơ quan của Chính phủ là thần thánh rồi, coi khinh nhân dân, cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng". Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng, mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại tuyên truyền giáo dục quần chúng, thích lối làm việc hành chính, mệnh lệnh "ngồi một nơi chỉ tay năm ngón". Tất cả những nhận thức tư tưởng và hành động lệch lạc kể trên đều xa lạ với bản chất của người cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước xã hội chủ nghĩa, và đều có thể tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho bệnh quan liêu sinh sôi, phát triển.

- Các biện pháp đấu tranh chống bệnh quan liêu

Đấu tranh chống bệnh quan liêu, từng bước khắc phục và loại bỏ nó ra khỏi bộ máy của Đảng, cơ quan nhà nước và xã hội là đòi hỏi tất yếu khách quan. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chúng ta muốn xây dựng một xã hội mới, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính thì phải tẩy cho sạch hết những thói xấu của xã hội cũ. "Những người mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc phải thải đi" và phải "tẩy sạch nó". Cuộc đấu tranh đó "cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị", là "việc rất cần thiết và phải làm thường xuyên".

Đấu tranh chống quan liêu, lãng phí, tham ô - kẻ thù

không mang gươm, mang súng, nằm ngay trong từng cơ quan, từng người - là hết sức khó khăn, phức tạp. Hồ Chí Minh coi đây là một cuộc cách mạng nội bộ, một cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức và phản đạo đức. Muốn giành được thắng lợi thì phải có tư tưởng chỉ đạo hành động đúng đắn, quyết tâm cao và phải có biện pháp đồng bộ, thiết thực, quy trình tiến hành hợp lý, chặt chẽ.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan liêu chúng ta thấy thiên tài của Người không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra tác hại nguy hiểm, những triệu chứng và nguồn gốc phát sinh của nó mà còn đưa ra được một "phác đồ" điều trị (biện pháp đấu tranh) đúng đắn, đạt hiệu quả cao nhất. Những biện pháp đó là:

Thứ nhất: Làm tốt công tác tư tưởng.

Trong công tác tư tưởng phải chú ý làm tốt các bước: **Một là**, phải "danh thông tư tưởng". Bởi vì, nhận thức tư tưởng của mỗi cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên và quần chúng có thông suốt thì mới có thể tiến hành đấu tranh chống quan liêu thắng lợi. Để làm tốt bước mở đầu này, theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, v.v. phải tổ chức khai hội dù mặt mọi người để giải thích rõ ràng và "nói đi, nói lại" cho mọi người đều hiểu: quan liêu, tham ô, lăng phí có hại cho dân, cho nước như thế nào; vì sao phải chống nó? **Hai là**, khi mọi người đã hiểu đại thể, muốn hiểu cụ thể và sâu sắc hơn phải tăng cường việc nghiên

cứu. Để thực hiện tốt bước này, các tiểu tổ vừa nghiên cứu, vừa thật thà tự phê bình và phê bình. Nên nhầm vào mấy điểm chính và thiết thực như có quan liêu, xa cách quần chúng không? Có tham ô không? Có ăn bớt của công cho đơn vị riêng của mình không? Có lười biếng, có kém trách nhiệm không?... Trong khi tự phê bình và phê bình, phải thật thà, trung thực, đấu tranh có lý, có tình. *Ba là*, tổ chức kiểm thảo chung trong toàn cơ quan, đơn vị để giải quyết các vấn đề, giải thích các thắc mắc, sửa chữa những khuyết điểm, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu ý thêm: cán bộ cao cấp, chủ chốt phải thật thà tự kiểm điểm để làm gương; thật thà báo cáo tình hình của đơn vị, cơ quan mình. Trong đấu tranh chống tham ô, lãng phí, phải lấy giáo dục là chính, trừng phạt là phụ.

Thứ hai: Dựa hòn vào quần chúng, phát động quần chúng tích cực tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham ô, lãng phí.

Hồ Chí Minh cho rằng: chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng. Người luận giải: cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng cái mới. Nhưng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Cho nên, cũng như mọi công việc khác, việc chống quan liêu, tham ô, lãng phí phải dựa hòn vào quần chúng, phát động, động viên, tổ chức quần chúng tham gia thì mới chắc chắn thành công. "Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng". Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý

này: dân rất tốt. Tai mắt nhân dân rất tinh tường, mọi hành vi của những kẻ quan liêu, tham nhũng, lăng phí đều không sao thoát khỏi "lưới trời nhân dân".

Thứ ba: Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra và xử lý kỷ luật.

Hồ Chí Minh coi đây là một biện pháp rất quan trọng để đấu tranh chống bệnh tham ô, lăng phí, quan liêu đạt kết quả tốt. Người chỉ rõ: khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách là do cách tổ chức công việc, lựa chọn cán bộ và do kiểm tra. Nếu ba điều ấy làm sơ sài, thì chính sách đúng mực cũng vô ích. Kiểm tra giúp cho các cấp uỷ, chính quyền nắm chắc được tình hình chấp hành nghị quyết, chính sách, biết ai làm đúng, ai làm sai; ai ra sức làm, ai làm qua loa, chiêu lệ. Hồ Chí Minh còn khẳng định: nếu tổ chức kiểm tra được chu đáo thì cũng như có ngọn đèn pha; bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ chúng ta đều thấy rõ.

Thứ tư: Thường xuyên chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Hồ Chí Minh coi đây cũng là một biện pháp rất quan trọng để chống quan liêu, tham ô, lăng phí có kết quả, vì "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Có cán bộ, đảng viên tốt "việc gì cũng xong". Ngay từ khi cách mạng Việt Nam còn trứng nước, Người đã quan tâm mở các lớp huấn luyện cán bộ. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên tốt là người hội tụ đủ cả hai yếu tố đức và tài, phải:

hồng thắm, chuyên sâu. Đạo đức là cái gốc của người cán bộ, đảng viên, "cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân". Với người cán bộ, đảng viên phải có đạo đức làm nền, mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang. Nội dung đạo đức cách mạng được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn gọn ở 10 chữ: Trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính. Trung với nước, với Đảng và hiếu với dân là cái gốc của người cán bộ, đảng viên, là chuẩn mực và giá trị cao nhất của đạo đức cách mạng. Nhân là yêu con người, yêu nhân dân, yêu Tổ quốc, quê hương, gia đình... Đã có nhân thì phải có nghĩa, trước hết là nghĩa lớn đối với dân tộc. Trí là sự sáng suốt trong suy nghĩ và hành động. Dũng là có tinh thần quyết đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Cần là phải tận tâm làm việc và tôn trọng kỷ luật. Kiệm là phải biết tiết kiệm tiền của, thời gian, không "hao phí mồ hôi nước mắt của nhân dân", v.v..

Đội ngũ cán bộ, đảng viên của một đảng cộng sản cầm quyền nắm giữ hầu hết các cương vị chủ chốt, các lĩnh vực quan trọng trong bộ máy nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội... Nếu từng người biết tự giác tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao khả năng "miễn dịch" trước mọi cám dỗ là đã góp phần thiết thực vào cuộc đấu tranh chống "giặc nội xâm". Song, như vậy chưa đủ, người cán bộ, đảng viên còn phải đi tiên phong, biết lối cuốn, tổ chức quần chúng,

lời nói đi đôi với việc làm. Có như vậy mới tạo được niềm tin tưởng bền vững của quần chúng đối với Đảng. Như Hồ Chí Minh đã viết: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến".

Từ thực tiễn cuộc đấu tranh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin rất chú trọng tới *cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Đảng*. Các ông chỉ ra rằng, Đảng phải đoạn tuyệt với chủ nghĩa cơ hội, phải đuổi những phần tử cơ hội ra khỏi Đảng và như vậy Đảng sẽ mạnh lên. Đồng thời, các ông cũng chỉ ra rằng, chủ nghĩa cơ hội có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân. Nhưng chưa ai coi chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội như Hồ Chí Minh đã khẳng định. Người còn khẳng định chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, gây ra các thứ bệnh rất nguy hiểm... Người còn chỉ ra một cách cụ thể các bệnh do chủ nghĩa cá nhân sinh ra mà đảng viên chúng ta cần tránh là:

- Tham lam, tự tư tự lợi, xa hoa...
- Lười biếng, việc dễ tranh lấy cho mình, việc khó thì dùn cho người khác, gấp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh.
- Tự kiêu, lèn mặt, ham địa vị, ưa người ta tâng bốc mình, khoe khoang, vênh vao, cho ai cũng không bằng mình, việc gì cũng muốn làm thay người khác.
- Hiếu danh, không ham công việc thiết thực, chỉ biết lèn mà không biết xuống.

- Thiếu kỷ luật.
- Hẹp hòi, sợ người ta hơn mình.
- Địa phương chủ nghĩa.
- Có đầu óc lãnh tụ.

- Có bệnh "hữu danh vô thực", kéo bè kéo cánh, cận thị, không trông xa thấy rộng, bệnh lười biếng, bệnh ti nạnh, bệnh xu nịnh, a dua. Người khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"¹. Vậy tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân bằng cách nào? Hồ Chí Minh cho rằng, một trong các biện pháp của Đảng là: "Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ"². Đối với mỗi cán bộ, đảng viên thì một trong những biện pháp quan trọng là phải "nâng cao đạo đức cách mạng" thì mới quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Người đảng viên, người cán bộ tốt muôn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng

1. Sđd, t.9, tr.292.

2. Sđd, t.12, tr.439.

mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Minh đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm, Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm”¹.

Có thể nói, việc khẳng định chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội, những biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa cá nhân và chỉ ra những biện pháp cho Đảng cũng như mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng để chữa trị nó, đó là sự vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề cán bộ, đảng viên của Hồ Chí Minh.

Mác, Ăngghen cho rằng, phong trào vô sản nhất thiết phải trải qua các bước phát triển khác nhau, trong mỗi bước phát triển đó đều có một số người dừng lại, họ không thể di xa hơn nữa. Do đó, hai ông chỉ ra: một trong những nhiệm vụ hàng đầu của đảng vô sản là phải loại trừ những con người đó.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của Mác và Ăngghen, Lenin đã không ngừng đấu tranh và đưa ra khỏi đảng (thanh đảng) những phần tử cơ hội, những đảng viên thoái hoá, biến chất đi ngược lại mục đích của đảng, lợi ích của giai cấp để bảo đảm sự trong sạch trong đội ngũ đảng viên, nhất là khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Đảng Bônsêvich Nga trở thành đảng cầm quyền. Có thể nhận thấy Lenin đặc biệt chú ý vấn đề thanh đảng trong

1. Sđd, t.5, tr.251.

điều kiện đảng trở thành đảng cầm quyền.

Quán triệt tư tưởng của các nhà kinh điển, từ thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa bao giờ dùng từ thanh đảng mà luôn dùng từ chính đảng. Người cho rằng: Đảng phải thật mạnh, thật trong sạch để thiết thực lãnh đạo những nhiệm vụ của cách mạng. Muốn lãnh đạo vững thì trước hết cán bộ và đảng viên phải có tư tưởng và lập trường vững chắc để lãnh đạo, để xung phong làm gương mẫu. Vì vậy, khi có tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra, Hồ Chí Minh cho rằng: "*Chính Đảng là việc chính mà chúng ta phải làm ngay*".

Chính Đảng phải làm từng bước, phải có trọng tâm:

- Chính huấn cán bộ trước rồi mới chỉnh đốn chi bộ.
- Chính đốn tư tưởng trước rồi mới chỉnh đốn tổ chức.
- **Chỉnh đốn cán bộ cao cấp phải do Trung ương trực tiếp lãnh đạo vì đó là mấu chốt của việc chỉnh đốn toàn Đảng.**
- Chính huấn nhằm vào nâng cao trình độ tư tưởng và chính trị của cán bộ và đảng viên, tẩy bỏ tư tưởng phi vô sản và tiểu tư sản, thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết toàn Đảng để Đảng làm tròn nhiệm vụ **nặng nề và vẻ vang của mình**¹. Trong quá trình chỉnh Đảng phải luôn luôn đưa những phần tử thoái hoá, biến chất ra khỏi Đảng. Nhưng "cần phải xem công tác củng cố và phát triển đảng là một công tác quan trọng và thường xuyên. Và phải nắm vững phương châm phát triển đảng là

1. Sđd, t.6, tr.465.

trọng chất hơn lượng"¹.

Như vậy, việc dùng khái niệm chính Đảng cả về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đặc biệt làm rõ mục đích của chính Đảng và các bước tiến hành, đó là sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng nói chung cũng như việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng phù hợp với thực tế Việt Nam.

V. VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Hồ Chí Minh quan niệm: lãnh đạo đúng có nghĩa là phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, phải tổ chức thi hành cho đúng, phải kiểm soát, chọn người và thay người. Đây là nét độc đáo sáng tạo nổi bật của Hồ Chí Minh.

1. Lãnh đạo là quyết định vấn đề cho đúng

Có đường lối chính trị đúng mới làm cho nhân dân giác ngộ về mục tiêu đấu tranh, hiểu rõ tình hình, tình thế, ý thức rõ được những việc cần làm.

Không có đường lối chính trị đúng đắn, rõ ràng thì phong trào quần chúng không thoát ra khỏi phong trào tự phát. Đường lối chính trị đúng đắn làm cho phong trào cách mạng trở thành hành động tự giác của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: Kinh nghiệm thế giới và trong nước chứng tỏ rằng: những cuộc đấu tranh "tự

1. Sđd, t.11, tr.155.

phát" của nhân dân, thường không có mục đích rõ ràng, kế hoạch đầy đủ, tổ chức chắc chắn. Vì vậy mà lực lượng rời rạc, nơi này lên thì nơi khác xẹp xuống. Kết quả là thất bại.

Với nhiều năm trên cương vị vừa là lãnh tụ của Đảng (từ Đại hội II của Đảng, tháng 2-1951 là Chủ tịch Đảng), và là người lãnh đạo cao nhất của Nhà nước trong điều kiện Đảng cầm quyền (1945-1969), Hồ Chí Minh càng đặc biệt chú trọng xây dựng đường lối chính trị nhằm hoàn thành triệt để sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa đất nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa; xây dựng đường lối đối nội, đối ngoại; xây dựng và củng cố nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Hồ Chí Minh lưu ý lời căn dặn của Lenin về một trong những nguy cơ của một đảng cầm quyền là sai lầm về đường lối. "Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều, đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại". Tinh thần đó được Người coi trọng trong suốt quá trình cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng.

Quyết định vấn đề cho đúng trên nhiều lĩnh vực, nhưng trước hết là tìm đường cách mạng, đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng hành động - thực chất là lãnh đạo chính trị. Lãnh đạo hiểu theo nghĩa đơn giản là đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện. Có con đường rồi người lãnh đạo dẫn dắt quần chúng đi theo con đường đó. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Theo Hồ Chí Minh thì Đảng trước hết phải tìm con đường. Trên thực tế Người đã dành nhiều công sức, tâm huyết cho việc "tìm

đường". Ở địa phương, cơ sở, đơn vị, Người cũng yêu cầu phải "tự tìm ra phương hướng chính trị", tìm ra con đường phát triển của từng thời kỳ phù hợp với điều kiện của mình. Phải dự báo được tình hình, tìm ra được phương hướng phát triển.

Để xác định được đường lối, phương hướng đúng, để khắc phục được bệnh chủ quan, cần phải nắm vững lý luận, cốt yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên nhân của bệnh chủ quan là do kém lý luận, khinh lý luận hoặc là lý luận suông. Cần phải có "cái cảm nang thần kỲ" để làm "kim chỉ nam cho hành động". Đồng thời muốn hoạch định được phương hướng, đường lối đúng phải xuất phát từ thực tiễn. Thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam, thực tiễn "nơi đó, lúc đó". Người yêu cầu người lãnh đạo không nghĩ ra một làng kiểu mẫu, một đội kiểu mẫu, một nhà máy kiểu mẫu mà phải từ trong thực tế để xây dựng, phải xuất phát từ thực tiễn để vận dụng lý luận.

Chuẩn mực xác định đường lối, chính sách đúng của Hồ Chí Minh là phù hợp với quy luật khách quan, phù hợp với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn Việt Nam, thực tiễn địa phương, đơn vị ở từng thời kỳ, được thực tiễn kiểm nghiệm.

Cách thức, phương pháp, biện pháp để "quyết định vấn đề cho đúng": khi Đảng đã có lý luận, nắm vững quan điểm thực tiễn, nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc, Đảng còn cần phải có kinh nghiệm để kết hợp với kinh nghiệm của quần chúng. Hồ Chí Minh cho rằng, lãnh

đạo phải biết nghe, biết gom góp, so sánh ý kiến của quần chúng, ý kiến của "những người không quan trọng". Để làm người hướng dân, lãnh đạo nhân dân, theo Người trước hết phải học hỏi dân, phải là học trò của nhân dân. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của Lênin cho rằng, nhân dân có thể giải quyết nhiều vấn đề phức tạp mà một đảng ưu tú cũng chưa giải quyết được. Để làm lãnh tụ, làm thầy quần chúng, Lênin đòi hỏi người cộng sản phải biết khiêm tốn học hỏi quần chúng. Còn Hồ Chí Minh thì viết: "Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi; những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"¹. Tổ chức đảng, đảng viên không phải là "bách khoa toàn thư" nên khi tìm kiếm đường lối, quyết định vấn đề luôn luôn phải hỏi ý kiến của dân. Sau khi giành được chính quyền, chuẩn bị bước vào giai đoạn kiến quốc, Đảng và Chính phủ chưa có kinh nghiệm, Hồ Chí Minh đã viết bài "Nhân tài và kiến quốc", đăng trên báo để nghị nhân dân đưa sáng kiến và kế hoạch xây dựng và phát triển đất nước. Đây là một việc làm độc đáo, mới mẻ.

Hồ Chí Minh đòi hỏi phải thực hiện "liên hợp người lãnh đạo với quần chúng"; lãnh đạo không phải ngồi trong phòng kín để viết khẩu hiệu, chỉ thị suy nghĩ từ đầu óc, ý muốn của mình rồi "buộc vào cổ dân" mà phải nghe ý kiến của quần chúng, so sánh phân tích, sắp đặt thành hệ

1. Sđd, t.5, tr.295.

thông rồi giải thích cho dân chúng. Theo Người, đó là "cách lãnh đạo cực kỳ tốt".

Để xây dựng được đường lối, chủ trương đúng đắn, Hồ Chí Minh còn nêu ra cách lãnh đạo "liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng". Tinh thần cơ bản là người lãnh đạo phải nắm đường lối, phương hướng chung để chỉ đạo cụ thể và cung thông qua chỉ đạo cụ thể mà kiểm tra đường lối, chính sách đúng hay sai. Người cho đó là một cách vừa lãnh đạo vừa học tập; mà "bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận"¹.

Hồ Chí Minh còn nêu ra cách lãnh đạo từ dưới lên mà không phải "từ trên dội xuống". Người cho rằng, không chỉ trên nhìn thấy vấn đề mà ở dưới cũng nhìn rõ vấn đề. Có thể trên nhìn thấy rộng, nhìn thấy dài, nhưng dưới thì nhìn thấy cụ thể, thấy sâu sắc, vì ở dưới trực tiếp, tiếp xúc với mọi hoạt động của cuộc sống. Người nói: "Dân chúng là người chịu sự lãnh đạo của ta". Cho nên, muốn quyết định vấn đề cho đúng không chỉ cần lý luận, kinh nghiệm chung mà phải kết hợp kinh nghiệm của địa phương, của đơn vị, phải chịu "sự kiểm soát của dân chúng". Năm 1960, khi về thăm tỉnh Ninh Bình thấy chỉ tiêu kế hoạch kinh tế không đạt, Người chỉ ra nguyên nhân do từ trên

1. Sđd, t.5, tr.289.

dội xuống, mà không từ dưới đề xuất lên. Bám sát quần chúng, bám sát thực tiễn, học hỏi quần chúng để ra các quyết định lãnh đạo đó là ý thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh và cũng là hoạt động thực tiễn của Người.

Để quyết định vấn đề cho đúng, Hồ Chí Minh còn chỉ ra phải "tìm việc chính, việc gấp thì làm trước". Trong cả nước, một địa phương, một cơ quan, đơn vị lúc này thì vấn đề này nổi lên, lúc khác thì vấn đề khác nổi lên cần phải tìm ra và phải quyết định, khi đã quyết định thì phải thực hành triệt để. Ra quyết định lãnh đạo cần phải chống rập khuôn máy móc, giáo điều, Hồ Chí Minh yêu cầu một trong những nguyên tắc lãnh đạo là: "Chớ khu khu theo sáo cũ", "luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ"¹.

Để quyết định vấn đề cho đúng, Hồ Chí Minh yêu cầu lãnh đạo phải tổng kết thực tiễn, phải "nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc", thực hiện một chủ trương gì dù thành công hay thất bại cũng tổ chức rút kinh nghiệm, phải tìm ra nguyên nhân vì sao thắng lợi, vì sao thất bại, rút ra bài học và Người cho đó là "chìa khoá" cho việc giải quyết các vấn đề sau.

Để quyết định vấn đề cho đúng phải thực hành dân chủ, phải tạo ra trong sinh hoạt nội bộ Đảng một không khí sinh hoạt dân chủ, cởi mở, để cho người cán bộ, đảng viên có sáng kiến và trình bày sáng kiến đóng góp và lãnh

1. Sđd, t.5, tr.297-298.

đạo. Không dễ trong nội bộ u ám uất ức, đảng viên, cán bộ không dám nói, không cả gan có ý kiến. Lãnh đạo muốn nghe được ý kiến "những người không quan trọng" thì phải thực hành dân chủ trong Đảng. Công thức của Hồ Chí Minh nêu ra là: "Dân chủ, sáng kiến, lòng hăng hái". Dân chủ không chỉ là mục đích phấn đấu, là quyền của đảng viên mà còn là cách lãnh đạo, là phương thức để tổ chức đảng ra các quyết định lãnh đạo cho đúng. Đối lập với cách lãnh đạo là "bệnh chủ quan", "bệnh quan liêu" mà rất nhiều lần Hồ Chí Minh phê phán. Người phê phán những người lãnh đạo chỉ ngồi trong phòng viết chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh mà mệnh lệnh thì như "bức tường" ngăn cách quần chúng với Đảng. Người phê phán những cán bộ, đảng viên trở thành những "quan cách mạng" cho mình là tài giỏi hơn ai hết. Tháng 3-1947, trong thư "Gửi các đồng chí Bắc bộ", Người viết: "Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cựu chính trị phạm, là người của Mặt trận, thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình... vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước. Nhưng hẳn rằng ngoài Việt Minh còn biết bao người hay, người giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Vả lại nếu chính trị phạm, nếu người của Mặt trận là giỏi hơn ai hết thì những người không có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đó là vô tài vô dụng cả hay sao"¹.

1. Sđd, t.5, tr.74.

2. "Tổ chức thi hành cho đúng"; "kiểm soát"; "chọn người và thay người"

Hồ Chí Minh cho rằng, chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi, song từ nguồn gốc đến thắng lợi thực sự còn phải tổ chức, phải đấu tranh. Do đó lãnh đạo còn phải "tổ chức thi hành cho đúng". Trong quan niệm của Người, lý luận có "sức mạnh định hướng". Xuất phát từ thực tiễn, bằng phương pháp luận khoa học với những phương thức lãnh đạo đúng, Đảng ta và Hồ Chí Minh xác định được "đường đi", "phương hướng" của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1945-1954 là: kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới, để tiến lên chủ nghĩa xã hội. "Phương hướng đã định, ta nhầm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích"¹. Vấn đề còn lại là tổ chức thực hiện như thế nào? là bằng mọi cách để "ai đi nhầm đường thì chúng ta giúp họ đi vào con đường chính... Thấy người khác đi xiên, đi sai, ta ra sức giúp họ đi theo đường thẳng, đường đúng"².

Trong lãnh đạo thực hiện, có vấn đề kế hoạch. Quan điểm của Hồ Chí Minh là lãnh đạo phải có kế hoạch. Đối với công việc "phải có kế hoạch bước đầu làm thế nào? bước thứ hai làm thế nào? bước thứ ba làm thế nào?". Yêu cầu "kế hoạch phải thiết thực, phải làm được. Chó làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kế hàng triệu nhưng không

1. Sđd, t.5, tr.551.

2. Sđd, t.8, tr.138.

thể thực hiện được"¹. Có những kế hoạch lớn như sau khi thắng lợi, Đảng phải có kế hoạch phát triển kinh tế - văn hoá, kế hoạch phát triển 5 năm, 3 năm, hàng năm, Trung ương họp bàn thông qua; và có những kế hoạch cụ thể để thực hiện từng việc. Kế hoạch không được nhiều việc quá, chỉ tiêu không cao quá và không sao chép lẫn nhau, có như vậy mới thiết thực, không chủ quan.

Có đường lối, có kế hoạch, lãnh đạo cần phải truyền đạt tới mọi đảng viên và biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của quần chúng. "Sau khi có nghị quyết, chúng ta cần phải tổ chức việc phổ biến nghị quyết trong Đảng, rồi phổ biến những điểm cần thiết trong nhân dân".

Việc phổ biến nghị quyết này là một việc rất quan trọng. Trong nội bộ phải đấu tranh tư tưởng, mới đi đến nhất trí được. Chúng ta phải hết sức kiên nhẫn để đạt được sự nhất trí trong Đảng. Nội bộ có nhất trí thì nghị quyết mới thực hiện được.

"Việc phổ biến một số quyết định ở trong các tầng lớp nhân dân cũng sẽ gặp khó khăn. Chúng ta phải kiên quyết thuyết phục để tranh thủ sự đồng tình nhất trí của nhân dân với nghị quyết của Đảng ta"². Theo đó trong Đảng phải phổ biến toàn bộ nghị quyết, còn trong nhân dân thì chỉ đạo của Người là "phổ biến những điểm cần thiết". Về hình thức phổ biến thì tùy điều kiện để vận dụng nhưng

1. Sđd, t.5, tr.65.

2. Sđd, t.8, tr.275.

cũng có thể "khai hội giải thích", "truyền đơn", "khẩu hiệu", "báo", "ca kịch", "đi tuần thị"... Khi phổ biến nghị quyết của Đảng, phải để đảng viên, quần chúng thảo luận, tranh luận, không để tình trạng "chỉ thị của Trung ương, cán bộ chỉ đưa ra giảng như thầy giáo giảng bài, công nhân chỉ ngồi nghe, ít đi sâu thảo luận"¹. Phổ biến nghị quyết của Đảng trong nhân dân phải nâng cao tính thuyết phục, giải thích, tránh gò ép, mệnh lệnh, cưỡng bức. Thuyết phục quần chúng bằng lý lẽ nhưng quan trọng hơn là *nêu gương*. Từ đặc điểm nước ta là một nước mà "một tấm gương sống có giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền" cho nên Người yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên phải gương mẫu, đảng viên phải đi trước để "làng nước theo sau", đảng viên nói thì phải làm. Để ra chính sách, vạch ra kế hoạch, đảng viên phải thi hành trước, phải thi hành đúng. Việc tuyên truyền giải thích phải làm nhiều lần, đơn giản, thiết thực, nghe rồi làm được, "tốt nhất là miệng nói tay làm, làm gương cho người khác bắt chước"².

3. Lãnh đạo và kiểm soát, lãnh đạo phải có kiểm tra, kiểm soát

Trong di sản lý luận của Mác, vấn đề kiểm tra được ông đề cập như là một phương thức hành động mang tính quy luật để thực hiện mục đích. Nhưng vấn đề kiểm tra

1. *Sđd*, t.9, tr.454.

2. *Sđd*, t.5, tr.108.

đảng thì cả Mác và Ăngghen chưa bàn tới.

Khi sáng lập đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và trực tiếp lãnh đạo, xây dựng đảng cầm quyền, Lênin đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra đảng và đặt nó cùng với hệ thống thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước. và chính Lênin là người đầu tiên sáng tạo ra những quan điểm lý luận về kiểm tra đảng và thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước vô sản.

Tư tưởng của Lênin về vấn đề này được thể hiện tập trung ở những nội dung chủ yếu sau:

- + Tính tất yếu phải kiểm tra, thanh tra, kiểm soát..
- + Những nội dung cơ bản của kiểm tra, kiểm soát...
- + Chủ thể và đối tượng của kiểm tra, kiểm soát...
- + Bộ máy và hình thức, phương thức tiến hành kiểm tra.

Là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện, hoàn cảnh không giống với nước Nga, Hồ Chí Minh đã quán triệt, vận dụng tư tưởng của Lênin về công tác kiểm tra đảng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm lý luận về kiểm tra đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những sáng tạo đó của Hồ Chí Minh được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, Hồ Chí Minh có cách tiếp cận, tìm ra những luận cứ mới để khẳng định tính tất yếu phải kiểm tra. Nếu Lênin khẳng định tính tất yếu phải kiểm tra là do những yêu cầu khách quan từ các đối tượng lãnh đạo, như trọng tâm của nhiệm vụ cách mạng chuyển từ "tước đoạt"

sang quản lý, xây dựng; là do nền kinh tế kiệt quệ, do những tiêu cực xã hội, do bộ máy nhà nước yếu kém... thì Hồ Chí Minh cho rằng, kiểm tra là một nội dung, một khâu không thể thiếu trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo phải cụ thể, không quan liêu. Phải dân chủ bàn bạc, phải kiểm tra. Không kiểm tra thì không biết kết quả ra sao, không hiểu sai lệch thế nào để sửa chữa. Theo Người, hoạt động kiểm tra là nhân tố quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo sát đúng, thiết thực, hiệu quả.

Hai là, trung thành với tư tưởng của Lenin: kiểm tra không phải là để "tóm bắt" mà nhằm phát huy ưu điểm, ngăn ngừa, sửa chữa khuyết điểm. Không dừng ở đó, Hồ Chí Minh đã đào sâu hơn, để ra mục đích, ý nghĩa, tác dụng... sâu sắc của kiểm tra là "góp phần vào củng cố Đảng về tư tưởng; về tổ chức, rằng "có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to lớn của nhân dân", tổ chức tốt công tác kiểm tra thì "công việc nhất định sẽ tiến bộ gấp trăm". Người nhấn mạnh: "Có sự kiểm tra đôn đốc của Đảng và nhân dân... Đảng sẽ thành trong sạch, kiêu mâu".

Ba là, Hồ Chí Minh đã sáng tạo, bổ sung tư tưởng của Lenin về nội dung kiểm tra. Theo Lenin, nội dung kiểm tra - nói một cách khái quát là kiểm tra người, kiểm tra việc. Hồ Chí Minh đã bổ sung thêm: kiểm tra các tổ chức và kiểm tra các mệnh lệnh, nghị quyết. Người viết: "kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu" (đó là kiểm tra người); "mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan" (đó là kiểm tra các tổ chức); "mới

biết rõ ưu điểm, khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết" (tức là kiểm tra, làm rõ sự đúng sai của bản thân các quyết định của Đảng).

Bốn là, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo về cách kiểm tra. Lênin chỉ rõ: "Cần phải dùng nhiều hình thức, và biện pháp kiểm tra từ dưới lên trên". Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh là: phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức, biện pháp kiểm tra. Trong đó Người nhấn mạnh: phải kết hợp giữa kiểm tra từ trên xuống và kiểm tra từ dưới lên, phải kết hợp sự kiểm tra của cấp uỷ, của uỷ ban kiểm tra với việc thu hút quần chúng kiểm tra, dựa vào quần chúng mà kiểm tra.

4. Kiểm tra và kỷ luật phải đi liền với nhau

Trong Đảng có kỷ luật thống nhất, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương và Đại hội Đảng. Tư tưởng đó của Mác và Ăngghen được thể hiện rất rõ trong Điều lệ "Liên đoàn những người cộng sản".

Khi sáng lập ra đảng kiểu mới, và trong điều kiện đảng cầm quyền xây dựng xã hội mới trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, Lênin đặc biệt coi trọng kỷ luật Đảng. Người cho rằng, trong thời kỳ chuyên chính vô sản, nếu kẻ nào làm suy yếu - dù chỉ một chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản, là thực tế đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản.

Trung thành với quan điểm Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sáng tạo, bổ sung, phát triển những nội dung mới về vấn đề kỷ luật trong Đảng, phù hợp với điều kiện cách

mạng Việt Nam. Dưới đây là những sáng tạo tiêu biểu.

Một là, Hồ Chí Minh đã có những quan niệm mới về mục đích, ý nghĩa của kỷ luật trong Đảng.

- Hồ Chí Minh cho rằng, kỷ luật là yếu tố tạo nên sự đoàn kết thống nhất của Đảng, tạo nên sức mạnh của Đảng. Người viết: "Nhờ kỷ luật mà Đảng đoàn kết, nhất trí, mạnh mẽ, để lãnh đạo nhân dân đến thắng lợi"¹. Rằng "sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất "kỷ luật sắt của Đảng".

- Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mục đích chính của thi hành kỷ luật trong Đảng là giáo dục, ngăn ngừa. Theo Người, "khuyết điểm thì phải tuỳ nặng nhẹ mà xử trí cho đúng mức để mọi người biết mà tránh"². Người còn nhấn mạnh "giáo dục là chính, trừng phạt là phụ".

Hai là, Hồ Chí Minh nêu lên quan niệm mới về tính chất của kỷ luật Đảng. Theo Lênin, kỷ luật Đảng là "kỷ luật sắt". Hồ Chí Minh cho rằng, tính chất của kỷ luật Đảng là "nghiêm túc và tự giác". Người giải thích: "Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc tự giác", rằng "kỷ luật của Đảng là tự nguyện tự giác; đã tự nguyện tự giác nghĩa là kỷ luật sắt"³.

Ba là, Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật. Dân chủ và kỷ luật quan hệ biện chứng với

1. *Sđd*, t.7, tr.241.

2. *Sđd*, t.6, tr.413.

3. *Sđd*, t.8, tr.417-418.

nhau. Người viết: "Phải hết sức chú ý vấn đề dân chủ và kỷ luật. Kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật"¹. Như vậy, kỷ luật là yêu cầu tất yếu của dân chủ, là yếu tố cấu thành của dân chủ. Đó là quan điểm sáng tạo, một sự phát triển của Hồ Chí Minh về bản chất của kỷ luật.

Bốn là, trong điều kiện Đảng cầm quyền, giữ gìn kỷ luật của Đảng phải gắn liền với kỷ luật của chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Người viết: "đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải gìn giữ kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân"².

Nói về lãnh đạo, Hồ Chí Minh còn chỉ ra: "*Chọn người và thay người* cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo".

Đảng lãnh đạo toàn xã hội vừa trực tiếp vừa thông qua lãnh đạo bộ máy nhà nước và các tổ chức đoàn thể, Đảng lãnh đạo bằng việc vạch ra cương lĩnh, đường lối, phương hướng chính trị, nhưng để đường lối chính trị đến với quần chúng, đi vào cuộc sống phải có đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh, vừa trung thành, vừa có "lề lối làm việc" phù hợp. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải đưa được phương hướng chính trị của Đảng vào quyết định của Nhà nước và đoàn thể, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của dân và chịu sự giám sát, phản hồi của nhân dân để kiểm

1. *Sđd*, t.11, tr.466.

2. *Sđd*, t.7, tr.31.

tra lại quyết định lãnh đạo của mình. Người cán bộ, đảng viên vừa là "dây chuyền bộ máy" vừa là người đem đường lối, chính sách của Đảng, của Chính phủ đến với dân, đem ý kiến của dân phản ánh cho Đảng và Chính phủ.

- *Tin ở dân, dựa vào dân, phát huy sức dân, không ngừng nâng cao trình độ cho dân và hết lòng chăm lo đời sống cho nhân dân*. Đây là đặc trưng nổi bật, bao trùm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng. Theo Người, "không có lực lượng nhân dân thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong, có lực lượng nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy, làm cũng được". Vì vậy, muốn thực hiện thành công những nhiệm vụ của cách mạng, thì mọi hoạt động lãnh đạo của Đảng đều "phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân", "phải thật thà quan tâm đến đời sống của nhân dân, tin và dựa vào lực lượng, sáng kiến của nhân dân". Người khẳng định: "Cán bộ đi đường lối quần chúng, dựa vào dân; trước hết phải tin tưởng vào lực lượng và trí tuệ của nhân dân là vô cùng tận. Tuyên truyền, giáo dục, đoàn kết, tổ chức được trí tuệ và lực lượng đó thì việc gì khó mấy cũng làm được". Hồ Chí Minh luôn vững tin ở dân, dựa chắc vào dân, dùng mọi cách khéo léo để phát huy sức mạnh của nhân dân, và đều nhằm chăm lo đời sống của nhân dân, đều vì lợi ích của nhân dân, phục vụ nhân dân.

Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo nói chung, phong cách lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nói riêng vừa thể hiện động cơ, mục đích hoạt động,

phán dấu của Đảng Cộng sản, vừa là con đường, biện pháp để bảo đảm làm giàu trí tuệ của mình, để tạo dựng nền móng vững chắc của cách mạng và phát huy tiềm lực cách mạng to lớn của nhân dân.

- *Kiên định mục tiêu, giữ vững nguyên tắc nhưng phương pháp để đạt mục tiêu phải hết sức mềm dẻo, linh hoạt.*

"Đi bất biến, ứng vạn biến" là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Đấu tranh cách mạng là quá trình khó khăn phức tạp đòi hỏi người lãnh đạo của Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, khôn khéo, mềm dẻo để giữ vững nguyên tắc, thực hiện cho kỳ được mục tiêu của cách mạng. "Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt"¹. "Cần nhận rõ tình thế để rồi tùy cơ ứng biến mà tiến..."². Lịch sử đã chứng minh, Hồ Chí Minh đã từng đôi mặt với những kẻ thù hung bạo, với những tình thế hết sức hiểm nghèo, nhưng Người luôn chiến thắng.

Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh không chấp nhận những lối làm thủ động, rập khuôn, cứng nhắc. Người phê phán: "Nhiều uỷ ban nhân dân, một khi nhận được mệnh lệnh gì của cấp trên là chỉ biết cắm đầu cắm cổ thi hành đúng như vậy, thi hành một cách máy móc"³. Người căn dặn: "Mọi hành động, các địa phương phải tuân thủ những

1. *Sđd*, t.7, tr.319.

2, 3. *Sđd*, t.4, tr.213, 40.

nguyên tắc và thời hạn do Trung ương quy định, còn cách thức thực hiện, họ có thể tùy cơ ứng biến"¹. Răng: "Tình hình vùng này không giống tình hình vùng khác. Vì vậy, áp dụng chủ trương và chính sách thật sát với tình hình thực tế của mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội"².

Thống nhất giữa tính mục đích, tính nguyên tắc với tính sáng tạo, uyển chuyển, linh hoạt là đặc trưng nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đó là khát vọng cháy bỏng của Hồ Chí Minh, là bản lĩnh, ý chí sắt son của Người. Nhưng trong tình thế nhất định, nếu "già néo" sẽ "đứt dây", vì vậy phải "lát mềm buộc chặt". Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đã tìm ra phương sách giải quyết hài hòa giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái cơ bản và cái không cơ bản. Đó là phong cách lãnh đạo khoa học, có khả năng thích ứng với nhiều tình huống cụ thể khác nhau.

- *Sự thống nhất giữa tính dân chủ, tập thể với tính kỷ luật và đề cao trách nhiệm cá nhân.*

Mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, thống nhất với tăng cường kỷ luật, đề cao trách nhiệm cá nhân vừa là đặc trưng tiêu biểu trong phong cách lãnh đạo, vừa là phẩm chất cao quý trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Thực hiện dân chủ, chăm lo xây dựng và phát huy dân

1. *Sđd*, t.3, tr.455.

2. *Sđd*, t.10, tr.611.

chủ là tư tưởng mục đích lớn lao trong suốt cuộc đời hoạt động lãnh đạo của Người.

Hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh là một quá trình liên tục di dời dân chủ, phát huy ngày càng cao năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, ở đâu và bao giờ Hồ Chí Minh cũng luôn luôn tôn trọng các thành viên trong tập thể lãnh đạo, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo của tập thể, khiêm nhường học hỏi, lắng nghe các đồng sự, cấp dưới và quần chúng. Những hiện tượng kiêu căng, cao đạo, gia trưởng độc đoán, lạm quyền... đều hoàn toàn xa lạ trong nhân cách, phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh.

Người luôn luôn yêu cầu người cán bộ dám "cả gan nói, cả gan chịu trách". Người trọng dụng mọi tài năng có ích cho công việc chung và kịp thời khuyến khích, biểu dương những nhân tố mới, những người tốt, việc tốt. Đồng thời, Người luôn coi trọng tăng cường giữ nghiêm kỷ luật. Người viết: "*Phải nâng cao kỷ luật, giữ vững kỷ luật. Những cán bộ có ưu điểm thì phải khen thưởng; người làm trái kỷ luật thì phải phạt. Nếu không thưởng thì không có khuyến khích, nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật. Thường phạt nghiêm minh là cần thiết*"¹. "Trong một nước phải thường phạt nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công". Chính Người là tấm gương sáng về tính kỷ luật

1. Sđd, t.7, tr.466.

nghiêm minh. Người rất độ lượng khoan dung, nhưng không nương nhẹ bao che những thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên dù người đó ở bất kỳ cương vị nào.

Tôn trọng tập thể, phát huy tập thể, nhưng theo Hồ Chí Minh, không được ỷ lại vào tập thể. Phải luôn luôn đề cao trách nhiệm trước tập thể, trước nhân dân, trước dân tộc trong những tình huống hiểm nghèo, trong những lúc khó khăn, những bước ngoặt của cách mạng.

Đề cao trách nhiệm cá nhân phụ trách và tôn trọng, phát huy trí tuệ và sức mạnh tập thể là hai mặt luôn luôn thống nhất trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Đó là nguồn gốc tạo nên những tầm cao trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với phong cách làm việc dân chủ, tập thể trong lãnh đạo, Hồ Chí Minh đã tạo nên "cái uy", "cái đức" trong Đảng và trong xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương đã tạo nên "cái uy" của người lãnh đạo quản lý.

Đó cũng chính là giá trị sáng tạo của Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo của đảng cộng sản cầm quyền.

- *Luôn luôn bám sát thực tiễn cuộc sống, sâu sát cơ sở, gắn bó mật thiết với nhân dân.*

Liên hệ mật thiết với nhân dân là mối liên hệ bản chất của đảng cộng sản. Nếu xa rời nhân dân, cắt đứt mối quan hệ với nhân dân, theo Lenin là một trong những nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền.

Trung thành với quan điểm đó của chủ nghĩa Mác -

Lênin, Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra nội dung, cách làm phù hợp với điều kiện Việt Nam:

Một là, phải giác ngộ quần chúng, đoàn kết quần chúng, tổ chức quần chúng đấu tranh.

Hai là, phải dựa vào quần chúng, học hỏi quần chúng.

Ba là, hết sức chăm lo đời sống của nhân dân, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Vì lợi ích chân chính của nhân dân là mục tiêu phấn đấu của Đảng, vừa là động lực của cách mạng.

Bốn là, muốn gắn bó mật thiết với dân, hoạt động của Đảng phải sâu sát cơ sở, bám sát thực tiễn cuộc sống của nhân dân để hiểu dân, kịp thời giải đáp những vấn đề nảy sinh tại cơ sở. "Nếu xa quần chúng thì không làm được việc gì"¹.

- Tính cụ thể thiết thực, toàn diện và trọng điểm.

Trong tư duy cũng như trong hoạt động thực tiễn, ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất, hài hòa giữa tính toàn diện, trọng điểm, cụ thể và thiết thực. Nó trở thành một trong những đặc trưng rất ổn định, nổi bật trong phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của Hồ Chí Minh.

"Lãnh đạo phải cụ thể, kịp thời, phải thiết thực, phải có trọng điểm và nắm diễn hình". Người chỉ rõ: "Về lãnh đạo: cán bộ muốn lãnh đạo tốt phải có chỉ đạo riêng. Bắt tay vào chỉ đạo riêng, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung". Với tư tưởng đó, nhiều năm trên cương vị lãnh đạo cao nhất, phải nắm và xử lý vô vàn công việc, nhưng Hồ Chí Minh không bỏ sót

1. Sđd, t.10, tr.179.

một lĩnh vực nào, một dữ kiện nào và, càng những lúc cách mạng gặp khốc khản, phức tạp, cam go, Hồ Chí Minh càng vượt trội lên về bản lĩnh, về tầm nhìn xa, rộng rộn, bao quát, tìm ra những mấu chốt trọng yếu để giải quyết.

Người luôn luôn quan tâm toàn diện mọi khía cạnh, mọi chi tiết của cách mạng, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng Hồ Chí Minh không sa vào sự bế bội của công việc, mà Người luôn luôn biết giải quyết hài hòa giữa toàn diện và trọng điểm, giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái chủ yếu và cái thứ yếu, tạo nên một phong cách lãnh đạo luôn ung dung, thư thái mà luôn luôn đạt hiệu quả cao. Người nghiêm khắc phê phán những lối làm việc "không thiết thực, không từ chối gốc, chối chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại rỗng tuếch...". Hồ Chí Minh luôn luôn yêu cầu: Đảng bộ tỉnh, huyện và xã phải đi sâu, đi sát, lãnh đạo phải toàn diện, thật chặt chẽ và kịp thời.

Tính thiết thực, cụ thể, toàn diện và trọng điểm trong phong cách lãnh đạo là yêu cầu khách quan của cuộc sống, nó luôn luôn vận động trong mối liên hệ đa dạng, nhiều chiều. Hoạt động của con người chỉ có hiệu quả, khi nhận thức đúng và biết giải quyết khoa học những mối liên hệ đó. Theo yêu cầu đó, phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã được thực tiễn kiểm định là một chuẩn mực.

- *Phát huy tự phê bình và phê bình, thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm phát huy ưu điểm, kịp thời sửa chữa khuyết điểm.*

Ở Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình trở thành một **phẩm chất trong nhân cách và là một đặc trưng tiêu biểu** trong phong cách lãnh đạo của Người. Dù ở cương vị lãnh đạo cao nhất, Người vẫn thực hành tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, nêu tấm gương sáng về đức tính trung thực, thẳng thắn, về thái độ và phương pháp phê bình cho cán bộ, đảng viên noi theo.

Nhờ thường xuyên rút kinh nghiệm tự phê bình và phê bình mà trí tuệ và năng lực thực tiễn của Đảng và của cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng. Người chỉ rõ: "gom góp sáng kiến, rút kinh nghiệm, tổng kết kinh nghiệm, trao đổi và phổ biến kinh nghiệm... Sáng kiến và kinh nghiệm là của quý chung của cả dân tộc. Chúng ta phải ra sức làm cho nó dồi dào thêm và lan rộng mãi". "Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nỗi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung"¹.

Phát huy tự phê bình và phê bình gắn liền với sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn giúp cho Đảng có cơ sở để khẳng định sự đúng đắn, chính xác của đường lối, chính sách. Đồng thời giúp cho Đảng phát hiện những sai sót để chấn chỉnh bổ sung, phát triển đường lối ngày một hoàn chỉnh hơn, sát gần chân lý cuộc sống hơn. Đó là điều kiện cực kỳ quan trọng để Đảng lãnh đạo cách mạng đến

1. *Sđd*, t.5, tr.289.

thành công, xứng đáng và làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị của giai cấp và dân tộc.

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, trung thành tiếp thu, vận dụng và bổ sung sáng tạo quan điểm của Mác - Ăngghen - Lenin về vấn đề tự phê bình và phê bình một cách hết sức cụ thể và độc đáo. Điều này được thể hiện đậm nét trong nhiều tác phẩm, tập trung nhất ở *Sửa đổi lối làm việc* (1947), *Đạo đức cách mạng* (1958), *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969).

Từ một quan niệm hết sức giản dị nhưng bao hàm tính triết lý và biện chứng sâu sắc: người đời không phải là thần thánh, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Tổ chức đảng cũng vậy, Đảng không phải trên trời rơi xuống, "Đảng là người, nên có sai lầm", - tức là cũng có lúc khoẻ mạnh, lúc ốm đau, bệnh tật. Đó là lẽ thường tình, không vì thấy ốm đau mà phát sinh tư tưởng lo sợ, bi quan, tuyệt vọng, giấu giếm bệnh tật trong mình.

Do đó, có bệnh tật thì phải mạnh dạn, chủ động, khẩn trương, kiên trì chạy chữa. Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Hồ Chí Minh chỉ ra liều "thần dược", "thang thuốc hay nhất" để chữa trị các chứng bệnh trong cơ thể của tổ chức đảng và mỗi cá nhân đảng viên là tự phê bình và phê bình. Người nói: "Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Đến nỗi bệnh ngày nặng, không chết "cũng la lết quả dưa"¹.

1. *Sđd*, t.5, tr.260.

Đảng cách mạng cần tự phê bình và phê bình như ta cần không khí. "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"¹. Đảng cần phải biết những ưu điểm và khuyết điểm của mình "để dạy dỗ đảng viên, dạy dỗ quần chúng". Sợ phê bình, tức là "quan liêu hoá", tức là tự mãn, tự túc, tức là "mèo khen mèo dài đuôi".

Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên "mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt".

Tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất", nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, tiến bộ không ngừng. Trong Đảng muôn đoàn kết chặt chẽ, "ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình"².

Do đó phải "luôn luôn và khéo dùng cách tự phê bình và phê bình". "Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ khoẻ vô cùng"³, "ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi"¹.

1, 3, 4. *Sđd*, t.5, tr.261, 239, 265.

2. *Sđd*, t.7, tr.492.

Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh tính tất yếu của tự phê bình và phê bình. Ông cho rằng: "Không nghi ngờ gì cả, tự phê bình là một việc tuyệt đối cần thiết cho hết thảy mọi chính đảng sống và đầy sức sống"; đối với người cách mạng thì không nên che giấu sai lầm, "không sợ công khai phơi bày các sai lầm", thậm chí trước cả kẻ thù. "Ai sợ điều đó, người ấy không phải là người cách mạng". Người cách mạng chỉ có thể "học được cách chiến thắng" khi nào không sợ thừa nhận những thất bại và thiếu sót, chỉ khi nào dám nhìn thẳng vào sự thật, dù sự thật đáng buồn nhất. Bởi vì "sai lầm được sửa chữa thì sẽ hết đi. Sai lầm không sửa chữa thì sẽ thành một vết loét thối. Trong những trường hợp như vậy phải dũng cảm đến ngay phòng mổ". Lênin khẳng định: "Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình, và vì sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình".

Qua những luận dẫn so sánh trên, chúng ta thấy Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của Lênin một cách trung thành, nhuần nhuyễn và đầy sáng tạo. Sự sáng tạo của Người nổi bật ở chỗ: *Thứ nhất*, Người diễn đạt quan điểm của Lênin bằng thể loại văn chính luận mộc mạc, dễ hiểu, súc tích; dùng nhiều hình ảnh ví von, so sánh, cùng những câu phương ngôn gần gũi với đời sống thường ngày của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính điều đó càng làm tăng tính hiệu quả của công tác tư tưởng. *Thứ hai*, Người đã xác định rõ: tự phê bình và phê bình là "thú vũ khí sắc bén

nhất", là "thang thuốc hay nhất" để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm và để xây dựng Đảng. Đã là vũ khí sắc bén nhất, thang thuốc hay nhất thì tổ chức đảng nào, cán bộ, đảng viên nào cũng đều nhận thấy phải tự giác, chủ động "thủ" săn trong mình để sẵn sàng đưa ra sử dụng khi cần thiết. Tính chủ động, tích cực ở đây cao hơn hẳn.

Tự phê bình và phê bình là nhu cầu nội tại của tổ chức đảng và đảng viên. Song, sử dụng nó phải đúng mục đích thì mới có tác dụng, hiệu quả cao. Nếu sử dụng không đúng mục đích thì dù đó là vũ khí sắc bén cũng không tiêu diệt được kẻ thù, là "thần dược" cũng không trị được bệnh.

Lênin xác định: mục đích của tự phê bình và phê bình là để sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, "là để đưa ra được những nghị quyết đúng đắn". Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm của Lênin, và chỉ rõ: "Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ"¹. "Phê bình và tự phê bình là để học cái hay, tránh cái dở, chứ không phải để nói xấu nhau"². Tự phê bình và phê bình là để "trị bệnh cứu người"; là để dân chủ trong Đảng tốt hơn, kỷ luật cao hơn, cán bộ, đảng viên gương mẫu hơn; làm cho tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Đối tượng trực tiếp và nội dung của tự phê bình và phê bình là "phê bình việc làm, chứ không phải phê bình

1. Sđd, t.5, tr.232.

2. Sđd, t.11, tr.467.

người¹, tức là gột rửa những thói hư tật xấu, những cái nhơ bẩn lây bám, xâm nhập vào con người chứ không phải cắt bỏ thân thể con người. Nó giống như ta uống thuốc xổ, xổ xong rồi phải bồi bổ cho con người khoẻ mạnh. Tư tưởng nhân văn, đề cao nhân tố con người của Hồ Chí Minh ở đây thật bao la, sâu sắc và chan chứa tình người. Điều đó tránh cho con người ta không rơi vào cái "tôi" vị kỷ, sự hận thù, đố kỵ... giữa con người với nhau.

Mác đã từng phê phán, bác bỏ quan niệm sử dụng phê phán như là một động lực, và Lenin cũng không đồng ý với "một sự phê phán không có nội dung, một sự phê phán để mà phê phán". Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của các nhà kinh điển về đối tượng, nội dung, bản chất của tự phê bình và phê bình thật nhuần nhuyễn. Người bổ sung, làm phong phú hơn nội dung và xác định bản chất của tự phê bình và phê bình là cách mạng khoa học, hướng tới sự hoàn mỹ. Phê bình và tự phê bình không đồng nghĩa với phê phán và trừng trị.

Khái niệm tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh giải nghĩa thật rõ ràng và độc đáo: Tự phê bình là cá nhân (cơ quan hoặc đoàn thể) thật thà nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa, để người khác giúp mình sửa chữa, mà cũng để người khác biết mà tránh những khuyết điểm mình đã phạm.

Phê bình là thấy ai (cá nhân, cơ quan, đoàn thể) có khuyết điểm thì thành khẩn nói cho họ biết, để họ sửa chữa, để họ tiến bộ.

1. Sđd, t.5, tr.232.

Đây chính là sự sáng tạo, bổ sung mới của Người.

Từ quan điểm xuất phát thể hiện tính dân chủ và nhân đạo cao cả, Hồ Chí Minh đã chỉ ra phương pháp, hình thức và những yêu cầu để tiến hành tự phê bình và phê bình đạt hiệu quả cao nhất.

Một là, phê bình phải đi đôi với tự phê bình; tự phê bình và phê bình phải gắn liền với sửa chữa, với biểu dương khen thưởng. Nếu chỉ biết phê bình người khác mà không tự phê bình thì chẳng khác nào "thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa" ¹. Tại buổi lễ bế mạc lớp bổ túc trung cấp (10-1947), Hồ Chí Minh đã nói: "Tự phê bình rồi lại phải phê bình người khác nữa... Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy cớ "nể Cụ" không nói, là tôi mang nhọ māi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng nếu có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa túc là hại người... Thấy cái xấu của người mà không phê bình là một khuyết điểm rất to. Không phê bình, túc là để cho cái xấu của người ta phát triển" ².

Tự phê bình và phê bình phải gắn với sửa chữa, tức là phải chỉ rõ ưu, khuyết điểm và phương hướng để phát huy hoặc khắc phục. Đồng thời, phải gắn với động viên, khen thưởng; xử phạt rõ ràng. Đối với những người có thành tích, phải khen thưởng, đối với những người mắc sai lầm thì phải phê bình, kiểm thảo, giúp cho họ sửa chữa.

1, 2. Sđd, t.5, tr.231, 224.

Hai là, tự phê bình và phê bình phải đạt tới cái đích là làm rõ đúng, sai, "lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ"; bảo đảm tính khách quan, trung thực, thẳng thắn và chân tình. Tự phê bình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ các ưu điểm và khuyết điểm. "Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, "trị bệnh cứu người". Chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm"¹. Khi phê bình "chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đậm thọc"². Để chữa khỏi bệnh, "ta phải tự phê bình ráo riết, và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết phê bình đồng chí mình. Hai việc đó phải đi đôi với nhau. Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau"³. Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng, tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau.

Ba là, khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải bảo đảm tốt tính dân chủ công khai. Công khai phân tích, nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm của mình, đồng chí mình và tổ chức đảng trước hội nghị; phê phán nghiêm khắc tình trạng "ngồi lê đói mách", "việc gì cũng không phê bình trước mặt mà để nói sau lưng", phê bình ở ngoài tổ chức. Kiểu

1. Sđd, t.10, tr.614.

2, 3. Sđd, t.5, tr.232, 239.

phê bình như vậy là biểu hiện của bệnh "cá nhân".

Tự phê bình và phê bình muôn đạt kết quả cao thì phải được tiến hành trong bầu không khí thật sự dân chủ, bình đẳng. Chỉ có dân chủ rộng rãi thì mọi cán bộ, đảng viên, nhân dân mới tích cực, chủ động, nói thẳng, nói thật. Song mở rộng dân chủ trong tự phê bình và phê bình không có nghĩa là muôn nói gì thì nói, muôn phê gì thì phê. Một cuộc tự phê bình và phê bình nghiêm túc là: "Trong lúc thảo luận, mọi người được tự do hoàn toàn phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói giàn, nói vòng quanh"¹. Ở đây, vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt rất quan trọng, như Hồ Chí Minh đã dạy: cán bộ cao cấp phải gương mẫu tự phê bình và phê bình trước.

Bốn là, tự phê bình và phê bình phải được tiến hành thường xuyên, phê bình từ trên xuống và từ dưới lên, nhất là từ dưới lên, có như vậy mới đạt hiệu quả cao. Bởi vì, nếu chỉ phê bình một chiều thì cũng giống người "đi một chân, không thể đi được"².

Khi tiến hành tự phê bình và phê bình, phải bảo đảm đúng nguyên tắc, song cách thức tiến hành phải mềm dẻo, khéo léo. Nếu chỉ dùng phương pháp cứng rắn, mệnh lệnh, ép buộc thì rất khó tiếp thu, chẳng khác gì hiện tượng "bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt bắt người ta ăn, nhét vào miệng người ta thì ai cũng

1. Sđd, t.5, tr.232.

2. Sđd, t.8, tr.387.

chán"¹, huống chi đây lại là "thuốc chữa bệnh" dǎng ngắt.

Năm là, người, tổ chức được phê bình phải có thái độ thành khẩn, "vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét"². Hết sức tránh thái độ "bung mắt bắt chim", "giấu bệnh sợ thuốc", bị phê bình thì im lìm, không công khai dǎng báo, không tìm cách sửa chữa. Hồ Chí Minh gọi đó là "thái độ không thật thà, không đúng đắn", và thái độ đó sẽ dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng, bệnh nặng ngày càng nặng thêm, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

- *Nêu gương.*

Tư tưởng xuyên suốt trong phong cách lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giáo dục, thuyết phục bằng nêu gương.

Nêu gương là phương pháp giáo dục, thuyết phục bằng sự thật, bằng hành động trực quan; là phương pháp tác động gây ấn tượng sâu sắc trong nhận thức, vừa có sức thuyết phục, hướng dẫn hành động cao; đó cũng là con đường không ngừng nâng cao uy tín thực của người lãnh đạo, của cán bộ, đảng viên nói chung.

Qua nghiên cứu nhiều dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh đã đi đến kết luận: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"³. Bởi vậy, hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản

1, 2. *Sđd*, t.5, tr.246, 232.

3. *Sđd*, t.1, tr.263.

ở một nước phương Đông như Việt Nam, át phải thực hành "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Người còn đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, ở mọi nơi; nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo. Nếu cán bộ, đảng viên mắc vào chứng bệnh "nói một đằng làm một nẻo", thì trước con mắt của nhân dân, họ không còn là người chiến sĩ tiên phong nữa, họ tuyên truyền sẽ chẳng ai nghe nữa; và thực chất, họ đã tự tước mất vai trò của người lãnh đạo.

Vì thế, muốn giữ vững và phát huy vai trò người chiến sĩ tiên phong, thì trong mọi việc cán bộ phải làm gương. Người nhấn mạnh: "Nhất là cán bộ cao cấp, phải làm đầu tàu, làm gương mẫu, giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ". "Nhất là đôi với chữ CẨN, chữ KIỆM, chữ HY SINH, chữ CÔNG BẰNG, thì các bạn phải thực hành trước, phải làm gương cho dân chúng theo"¹.

Đồng thời với việc giáo dục, rèn luyện các cán bộ, đảng viên gương mẫu, Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng làng, xã kiểu mẫu. Từ những mô hình, điển hình tiên tiến làm gương mẫu, dấy lên những phong trào thi đua đuổi, vượt các điển hình tiên tiến sôi nổi giữa các ngành, địa phương, đơn vị. Nhờ vậy, phong trào nối tiếp phong trào, tạo nên khí thế cách mạng hào hùng trong sản xuất, chiến đấu, công tác rộng khắp trong cả nước.

1. Sđd, t.4, tr.94.

PHẦN THỨ BA

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ TRỌNG TRONG VIỆC QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN NƯỚC TA HIỆN NAY

I. ĐIỀU KIỆN VÀ HOÀN CẢNH MỚI - MỘT CĂN CỨ ĐỂ QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN CẦM QUYỀN

Đặc điểm tình hình, nhiệm vụ cách mạng nước ta hiện nay rất khác với thời kỳ Chủ tịch Hồ Chí Minh còn sống. Để quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản cầm quyền trong điều kiện hiện nay, cần thấy rõ các đặc điểm sau:

Thứ nhất, Đảng ta trở thành đảng cầm quyền từ cuối năm 1945. Nhưng đảng cầm quyền lúc đó có nhiệm vụ chủ yếu là lãnh đạo chính quyền tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ năm 1954 đến

năm 1975, khi miền Bắc được giải phóng, Đảng cầm quyền lanh đạo nhân dân ta bước vào thời kỳ cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng chiến lược bao trùm, mục tiêu chủ yếu vẫn là để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Như vậy, từ năm 1954 đến năm 1969 (khi Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng cầm quyền và là Chủ tịch nước), việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc lúc đó là để làm cơ sở, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. *Đảng cầm quyền lanh đạo xây dựng đất nước, nhưng quy luật chiến tranh vẫn chi phối là, chủ yếu. Vì vậy, vai trò, phương thức lanh đạo của Đảng lúc đó có những yêu cầu và đặc điểm rất khác hiện nay.*

Thứ hai, trước đây nước ta và cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa chưa chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay.

Bên cạnh mặt tích cực, nền kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực như: phân hoá giàu nghèo, mất công bằng xã hội và suy thoái đạo đức.

Đảng ta đã có những chủ trương và giải pháp khắc phục những tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong điều kiện kinh tế thị trường rất phức tạp. Điều này khác với thời kỳ thực hiện cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp và trong điều kiện chiến tranh. Do đó, công tác xây dựng Đảng, nâng cao

năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có những nội dung, hình thức và phương pháp khác trước.

Thứ ba, trước đây chúng ta chỉ quan hệ đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè thân thiết là chủ yếu, nay mở rộng quan hệ, hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng càng phải có lập trường, quan điểm, tư tưởng vững vàng hơn, đạo đức, lối sống trong sáng hơn, trình độ năng lực và ý thức tổ chức kỷ luật tốt hơn.

Thứ tư, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước diễn ra trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển rất nhanh. Dự báo thế kỷ XXI, khoa học - công nghệ sẽ phát triển như vũ bão. Tính chất, nội dung và điều kiện công nghiệp hóa hiện nay cũng khác với "đẩy mạnh công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm" trong giai đoạn trước đây.

Hơn nữa, Đảng lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra nhanh chóng. Việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay cũng khác trước.

Thứ năm, chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

khi có nhà nước pháp quyền đặt ra những yêu cầu mới.

Thứ sáu, từ sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới thay đổi hẳn, có lợi cho các lực lượng thù địch. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch tiến công vào nước ta ngày càng quyết liệt. Cuộc tiến công đó trên tất cả các lĩnh vực, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm xoá bỏ Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta đã từng bước ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ đó, song cuộc đấu tranh còn rất quyết liệt và phức tạp.

Thứ bảy, bản thân Đảng ta sau mười lăm năm đổi mới đất nước và xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã trưởng thành và được củng cố trên nhiều mặt, song cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, yếu kém. Những khuyết điểm và yếu kém này có những nguồn gốc, nguyên nhân và biểu hiện khác với thời kỳ trước đây. Do đó, những giải pháp để khắc phục những yếu kém hiện nay của Đảng ta cũng khác trước. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng vẫn còn nguyên giá trị, nhưng nhiều vấn đề phải bổ sung, phát triển.

Trên đây, là một số đặc điểm có liên quan trực tiếp tới vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, là cơ sở để suy nghĩ, quán triệt vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền trong điều kiện hiện nay.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CẦN QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TA HIỆN NAY

1. Đảng lãnh đạo bảo đảm dân chủ và quyền lực thuộc về nhân dân

Mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân là vấn đề xuyên suốt, nổi trội trong cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân là tư tưởng thường trực ở Người.

Khi trở thành đảng cầm quyền, nhân dân lao động từ địa vị làm thuê trở thành người làm chủ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, chế độ ta là chế độ dân chủ, dân là chủ, dân làm chủ, mọi quyền lực phải thuộc về số đông nhân dân, chứ để quyền lực nằm trong tay một số ít người, chúng ta sẽ phải làm di, làm lại cuộc cách mạng nhiều lần. Đó là sự tổng kết lịch sử rất sâu sắc.

Như vậy, bản thân Đảng và Nhà nước tự nó cũng không có quyền lực. Quyền lực chính trị của đảng cầm quyền và quyền lực của Nhà nước đều do nhân dân trao cho. Và nhân dân chỉ trao cho đảng cầm quyền và Nhà nước quyền thực thi quyền lực, quyền sử dụng quyền lực để lãnh đạo, quản lý đất nước, còn quyền sở hữu quyền lực vẫn nằm trong tay nhân dân.

Các chế độ xã hội trước đây, khi đảng cầm quyền

chiếm luôn cả quyền sở hữu quyền lực của nhân dân nên mâu thuẫn đối kháng với nhân dân và nhân dân đã làm cách mạng lật đổ tập đoàn cầm quyền, lật đổ chế độ xã hội đương thời.

Chế độ ta ưu việt, khác về bản chất so với các chế độ trước đây chủ yếu nhất cũng là ở vấn đề này. Đây thực chất và là mục tiêu của cả hệ thống chính trị ở nước ta. Các tổ chức trong hệ thống chính trị phải xoay quanh nhằm thực hiện mục tiêu này. Đánh giá vai trò, chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cũng phải căn cứ vào đó. Vai trò, uy tín của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân có vững chắc hay không cuối cùng và cơ bản nhất cũng ở đó. Sức mạnh vô địch của chế độ xã hội chủ nghĩa và sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc vào nội dung chủ yếu ấy. Vai trò, uy tín của Đảng ta và vấn đề dân chủ của dân, quyền lực của nhân dân là thống nhất. Không có cái này cũng không có cái kia. Không có đảng cầm quyền lãnh đạo thì dân chủ của dân, quyền lực của dân cũng không thực hiện được. Đảng mà không thực hiện được dân chủ của dân, bảo đảm quyền thuộc về nhân dân thì Đảng cũng không đứng vững được. Chế độ xã hội chủ nghĩa cũng sẽ sụp đổ.

Vậy, những điều kiện cần thiết và những giải pháp lớn để bảo đảm dân chủ của dân và quyền lực thuộc về nhân dân hiện nay cần tập trung giải quyết vấn đề gì?

Thứ nhất, bản thân đảng cầm quyền phải là một đảng cách mạng chân chính, thật sự vì dân, phấn đấu vì

sự nghiệp của nhân dân, của dân tộc. Ngoài lợi ích của nhân dân và dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác. Mọi cán bộ, đảng viên trước hết là những người có chức, có quyền phải phấn đấu và trung thành với lý tưởng, phải đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân và của giai cấp lên trên hết và trước hết. Từng đảng viên có lợi ích riêng chính đáng, nhưng khi lợi ích riêng mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải đặt lợi ích chung lên trên. Nếu không như thế thì không thể bảo đảm dân chủ và quyền lực của dân.

Điều đầu tiên bảo đảm dân chủ của dân, quyền lực thuộc về dân là phải giải quyết vấn đề quan liêu, tham nhũng, cửa quyền sách nhiễu dân. Làm sao trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, điều hành trong toàn bộ hệ thống chính trị không còn tình trạng quan liêu, tham nhũng, hách dịch, đặc quyền, đặc lợi.

Thứ hai, Đảng phải có đủ trí tuệ, năng lực, bản lĩnh bảo đảm xây dựng đường lối luôn luôn đúng đắn, cụ thể hoá đường lối chính xác, kịp thời và tổ chức thực hiện đường lối thắng lợi.

Thiếu điều kiện trên đây, không thể lãnh đạo, lôi cuốn, tập hợp được nhân dân, do đó cũng không thể bảo đảm dân chủ và quyền lực của dân.

Cương lĩnh, đường lối đúng đắn của Đảng thể hiện ở chỗ: vừa phản ánh đúng quy luật khách quan, vừa có cơ sở khoa học, vừa phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân, thể hiện quyền lợi của nhân dân và tương lai của dân tộc.

Nếu lý luận, cương lĩnh, đường lối chính trị đã sai lầm, hoặc cụ thể hoá đường lối không chính xác, kịp thời và tổ chức thực hiện đường lối không thắng lợi thì căn bản không thể bảo đảm được dân chủ của dân và quyền lực thuộc về dân.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo của đảng cầm quyền phải được thể hiện ở việc lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bảo đảm là nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân trong thực tế. Dân chủ của dân, quyền lực của nhân dân trong điều kiện đảng cầm quyền được thể hiện trước hết, tập trung nhất ở ngay trong Nhà nước, đảng cầm quyền được hiện thân ở Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vừa thể hiện sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện lợi ích, ý chí, quyền lực của nhân dân. Nhà nước là công cụ đắc lực của nhân dân, là trụ cột của hệ thống chính trị, là trung tâm quyền lực của nhân dân. Vai trò, uy tín và sức chiến đấu của Đảng và quyền lực của nhân dân đều được thể hiện thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Các nhà nước tư bản cũng xác định nhà nước của họ là nhà nước của dân, do dân, vì dân, dân chủ của dân và quyền lực của dân. Nhưng trên thực tế không có nước tư bản nào đạt được điều đó. Bởi vì có những tiền đề và yếu tố bảo đảm dân chủ và quyền lực của nhân dân mà chế độ tư bản không thể nào có được.

- *Điểm thứ nhất*. Đó là các yếu tố sau: *đội ngũ cán bộ*

do nhân dân lựa chọn bầu để ủy quyền cho họ phải là những người của dân, do dân, vì dân thật sự. Điều đó sẽ quyết định bản chất nhà nước. Khâu quan trọng nhất, then chốt nhất, quyết định nhất là ở đó.

Ở các nước tư bản, những người được bầu và bổ nhiệm để nắm quyền lực nhà nước hầu hết phải có hai điều kiện:

Một là, phải có tiềm lực kinh tế mạnh. Người dân lao động bình thường không thể ra ứng cử quốc hội và dù có ứng cử cũng không thể trúng cử.

Hai là, phải có thế lực mạnh. Nếu không được một đảng tư sản cầm quyền mạnh, có uy tín giới thiệu và lãnh đạo để dân bầu thì người đó cũng không thể trúng cử được.

Mặt khác, cử tri ở các nước tư bản đi bầu cử thường bị đồng tiền chi phôi và các thế lực chính trị khống chế, nhân dân không thể tự lựa chọn bầu cử theo ý chí, nguyện vọng của mình.

Vì vậy, những người được bầu hoặc bổ nhiệm để nắm quyền lực nhà nước ở các nước tư bản hầu hết là những người thuộc階級(giai cấp) tư sản, tầng lớp trên của xã hội. Nhân dân lao động không có điều kiện ra ứng cử và không thể trúng cử. Những người nắm quyền lực nhà nước không phải của dân, do dân, vì dân thì nhà nước cũng không thể là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Ở nước ta, ngay từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo tổng tuyển cử lần đầu tiên trong cả nước. Những người được Đảng ta và nhân dân đề cử,

giới thiệu hầu hết là những người của dân, do dân, vì dân, những người ưu tú, tiên phong, gương mẫu trong phong trào cách mạng của quần chúng, một số trí thức dưới chế độ cũ cũng thực sự là những người yêu nước, có tinh thần cách mạng. Vì vậy, nhà nước dân chủ nhân dân ở nước ta ngay từ đầu đã mang bản chất nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hơn nửa thế kỷ qua, từ nhà nước dân chủ nhân dân đến nhà nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta luôn luôn quan tâm xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, bảo đảm nhà nước của dân, do dân, vì dân. Song thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của dân. Một trong những vấn đề chủ yếu nhất, cơ bản nhất vì đội ngũ cán bộ, viên chức nắm giữ và điều hành bộ máy nhà nước, một bộ phận chưa thực sự là của dân, do dân, vì dân.

- Điểm thứ hai, dân chủ của dân, quyền lực của nhân dân phải được bảo đảm bằng một hệ thống luật pháp, một nền pháp chế thể hiện ý chí của dân.

Có như vậy trật tự kỷ cương xã hội, cùng những công cụ bạo lực mới có thể chống lại và đập tan những hành động phá hoại, bảo vệ cuộc sống yên bình, quyền và lợi ích của nhân dân. Không có nhà nước pháp quyền thì không thực thi được dân chủ. Pháp luật phải ngự trị trước hết ở ngay trong bản thân nhà nước. Pháp luật là tối thượng đối với nhân dân, đối với xã hội. Thiếu luật pháp thì nhân dân và xã hội không yên được với những thế lực chống phá, gây rối xã hội, làm sao thực hiện được dân chủ và quyền lực của dân.

Song vấn đề quyết định ở đây là luật pháp gì và pháp chế nào?

Ở các nước tư bản, giai cấp tư sản đã xây dựng được hệ thống luật pháp và một nền pháp chế tương đối hoàn thiện bảo đảm dân chủ, quyền lực và lợi ích cho giai cấp tư sản, tập đoàn tư sản cầm quyền. Nó hoàn chỉnh tới mức là tập đoàn tư sản nào lên cầm quyền cũng phải thực hiện đúng pháp luật và pháp chế do họ đã vạch ra. Hệ thống luật pháp và nền pháp chế đó đối lập với lợi ích, quyền lực của nhân dân lao động.

Hệ thống luật pháp và nền pháp chế ở nước ta có bản chất khác hẳn với các nước tư bản. Hệ thống này phải được hoàn thiện tới mức thể hiện đầy đủ ý chí của nhân dân, lợi ích của dân, dân chủ của dân và quyền lực của dân. Có như vậy những người được nhân dân lựa chọn, ủy quyền quản lý đất nước, mới có điều kiện phục vụ nhân dân tốt nhất. Nếu ai vi phạm pháp luật sẽ bị loại khỏi bộ máy tổ chức. Có hệ thống luật pháp và pháp chế hoàn chỉnh thì mọi người mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và kẻ xấu làm sai, làm trái pháp luật sẽ bị nghiêm trị hoặc bị loại bỏ.

- *Điểm thứ ba, Đảng phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước.*

Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo nhà nước kể từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) đến nay đã trên 80 năm. Một thời kỳ dài tình trạng Đảng bao biện làm thay Nhà nước tương đối phổ biến. Lúc chưa giành

được chính quyền mọi việc đều do Đảng quyết định là đúng. Từ việc đề ra đường lối, đến việc cụ thể hoá đường lối, tổ chức thực hiện đường lối, Đảng đều trực tiếp quyết định. Khi giành được chính quyền, có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đảng lẽ nhiều vấn đề thuộc chức năng Nhà nước, Đảng phải thông qua Nhà nước, nhưng nhiều khi theo nếp cũ, Đảng vẫn quyết định trực tiếp.

Thời kỳ này Đảng lãnh đạo nhân dân giành được độc lập dân tộc, lập nên nhà nước công nông, nhà nước kiểu mới do đảng cộng sản trực tiếp lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của đảng lại là những người được rèn luyện, thử thách, tôi luyện trong chiến tranh cách mạng, lập trường quan điểm vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, nên uy tín của Đảng rất lớn. Thông thường những người có đức, tài tốt nhất, uy tín lớn nhất giữ chức bí thư các cấp của đảng. Những người ở vị trí thứ hai, thứ ba... được phân công đảm nhiệm chức vụ của nhà nước... Tuy nhiên, do kéo dài tình trạng Đảng bao biện, làm thay một số công việc của Nhà nước đã làm cho vai trò quản lý của Nhà nước bị suy yếu, làm biến dạng vai trò lãnh đạo của Đảng, làm xuất hiện những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, thậm chí quyết định các chủ trương chính sách lệch lạc, sai lầm... dẫn tới khủng hoảng kinh tế, xã hội.

Ở Đông Âu và Liên Xô từ chỗ phê phán đảng bao biện, làm thay chuyển sang phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng

dối với nhà nước, buông lỏng sự lãnh đạo của đảng đối với nhà nước. Và khi đảng cộng sản đã mất quyền lãnh đạo nhà nước thì nhà nước cũng không còn là nhà nước của dân, do dân, vì dân nữa và cuối cùng tất yếu dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự tan rã của đảng cộng sản.

Một số đảng cộng sản cầm quyền ở một số nước xã hội chủ nghĩa tìm kiếm mô hình mới đảng lãnh đạo nhà nước để vừa tránh bao biện, làm thay, vừa tránh mất quyền lãnh đạo.

Ở nước ta, từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã xác định nội dung và phương thức lãnh đạo Nhà nước với quan niệm mới.

Các nội dung và phương thức đó có thể khái quát như sau:

- Đảng quyết định đường lối, chính sách lớn, những chủ trương cụ thể quan trọng, có liên quan đến nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng lớn.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, Nghị quyết của Đảng và tổ chức việc thực hiện. Nhà nước cụ thể hoá, thể chế hoá không được trái với đường lối, Nghị quyết của Đảng.

- Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, có phân công phân cấp.

- Đảng kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước để khuyến khích mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và cho ý kiến chỉ

đạo kịp thời. Qua công tác kiểm tra để bổ sung hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng.

- Đảng lãnh đạo tư tưởng, chính trị, phôi hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm mục tiêu chung.

Các nội dung Đảng lãnh đạo nêu trên, xét về góc độ khác, đó cũng là phương thức lãnh đạo. Đảng quyết định đường lối, chính sách là nội dung lãnh đạo. Nhưng khi nói Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chính sách thì đó lại là phương thức lãnh đạo. Khi nói Đảng kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước, đó là nội dung lãnh đạo. Song khi nói Đảng lãnh đạo bằng kiểm tra, thông qua công tác kiểm tra thì đó lại là phương thức lãnh đạo.

Đến nay chúng ta đã xác định rõ hơn về quan niệm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở Trung ương khác với ở các ngành và ở địa phương, cơ sở.

Sự khác nhau ấy thể hiện ở hai điểm chủ yếu:

- *Điểm thứ nhất*, Trung ương có quyền quyết định trực tiếp về đường lối, chính sách, còn tổ chức đảng ở các địa phương, cơ sở chỉ có quyền quyết định nhiệm vụ chính trị cho địa phương và cơ sở mình.

- *Điểm thứ hai*, Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và cấp ủy đảng ngang cấp.

Song ở các ngành, các địa phương và cơ sở, đảng lãnh đạo chính quyền và chuyên môn thông qua nhiều kênh. Kênh thứ nhất là đường lối, nghị quyết, chính sách, Hiến pháp, pháp luật của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đưa

xuống. Kênh thứ hai là Đại hội Đảng và cấp ủy đảng ngang cấp. Kênh thứ hai phải phục tùng kênh thứ nhất, tránh tình trạng có nơi cấp ủy đảng địa phương, cơ sở ra nghị quyết trái Hiến pháp, pháp luật (vì Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước là đường lối của Đảng được cụ thể hóa). Cấp ủy đảng ở địa phương và cơ sở không thể quan niệm đó chỉ là của Nhà nước.

Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước còn thông qua đội ngũ đảng viên do Đảng giới thiệu và được nhân dân bầu vào cơ quan quyền lực của Nhà nước. Đây là bộ phận của *Đảng nắm ngay trong cơ cấu quyền lực nhà nước, trực tiếp nắm quyền lực nhà nước, có quyền trực tiếp sử dụng công cụ bộ máy nhà nước*. Bộ phận này được nhân dân lựa chọn bầu nên hợp hiến, hợp pháp không sợ bao biện làm thay.

Thứ tư, coi trọng, đề cao và phát huy đầy đủ vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất, của các đoàn thể nhân dân, trước hết là các đoàn thể chính trị, xã hội.

Ở nước ta trong điều kiện một đảng duy nhất lãnh đạo thì vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân càng quan trọng. Đây là một kênh rất quan trọng bảo đảm dân chủ và quyền lực của dân. Nhân dân làm chủ và thực hiện quyền lực của mình thông qua hệ thống chính trị, tức là thông qua sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động của Mặt trận cùng các đoàn thể nhân dân.

Vấn đề hiện nay là phải tìm ra được các hình thức và cơ chế phong phú, sinh động, phù hợp để mặt trận và các đoàn thể nhân dân phát huy được vai trò của mình đầy đủ hơn.

Thứ năm, phải nâng cao trình độ dân trí và hoàn thiện cơ chế dân chủ.

Nhìn chung, nhân dân ta có ý thức chính trị và trình độ chính trị, nhưng trình độ dân trí ở nước ta còn chưa cao, nhất là ở vùng xa, vùng sâu. Không ít người khi đi bầu cử thường hỏi dò xem nên bầu ai, gạch ai rồi làm theo. Nhiều người không nghiên cứu kỹ nhân sự khi bầu, thậm chí một số người bầu ai có lợi cho cá nhân mình là được.

Nước ta không qua chế độ tư bản, chưa trải qua trường học dân chủ, dù là dân chủ tư sản. Mặc dù dân chủ tư sản là thứ dân chủ cắt xén, phiến diện, hình thức nhưng nó cũng tạo ra ý thức dân chủ trong nhân dân. Nó kích thích người ta đòi hỏi dân chủ và đấu tranh đòi thực hiện dân chủ. Thực hiện dân chủ, và quyền lực của nhân dân là một quá trình. Quá trình đó phải gắn liền với quá trình nâng cao trình độ dân trí và hoàn thiện cơ chế dân chủ. Tránh tình trạng như ở một số nơi muốn trúng cử thì để ở khu vực bầu cử này, muốn trượt thì đưa sang khu vực bầu cử kia, hoặc trúng cử thì để ở ê kíp bầu cử này, muốn trượt thì đưa sang ê kíp bầu cử kia... Cơ chế dân chủ phải hoàn thiện tới mức người tốt thì để khu vực bầu cử nào, ê kíp bầu cử nào cũng trúng cử, còn người kém thì đưa đi đâu cũng bị loại.

2. Đề phòng và khắc phục nguy cơ của đảng cộng sản cầm quyền

Đây cũng là vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm. Khi trở thành đảng cầm quyền, Lenin và Chủ tịch Hồ

Chí Minh thường nhắc nhở phải đề phòng nguy cơ sai lầm về đường lối và cán bộ, đảng viên quan liêu xa rời quần chúng, đặc quyền, đặc lợi, thoái hoá biến chất. Trong điều kiện đảng cầm quyền dễ xảy ra các nguy cơ đó, nhưng không phải tất yếu sẽ xảy ra. Có xảy ra hay không và khi xảy ra có khắc phục được không còn phụ thuộc vào bản thân Đảng.

Điều kiện, hoàn cảnh khách quan của các nguy cơ đó là:

- Khi chưa giành được chính quyền, sự lãnh đạo của Đảng chủ yếu trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao. Song khi giành được chính quyền, trở thành đảng cầm quyền, hàng chục lĩnh vực mới xuất hiện, đòi hỏi Đảng phải lãnh đạo. Đó là các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá nghệ thuật, giáo dục đào tạo, y tế, thể dục thể thao, v.v.. Vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực đó trước hết phải thể hiện ở cương lĩnh, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng về các vấn đề đó. Để đề ra đường lối đúng, phải có những yếu tố và điều kiện bảo đảm. Một trong các yếu tố quyết định nhất là Đảng phải có tri thức và kinh nghiệm về các lĩnh vực đó. Song vừa mới trở thành đảng cầm quyền, Đảng phải có thời gian để nghiên cứu, học tập, xem xét sự vật mới. Từ đó Đảng mới có thể định ra đường lối, chủ trương chính xác. Mặt khác, thực tiễn cách mạng đòi hỏi Đảng phải có đường lối, chủ trương, chính sách ngay, không được chậm trễ. Vì vậy, Đảng dễ mắc sai lầm về đường lối. Ngay trong lĩnh vực quân sự cũng có nhiều vấn đề mới. Vì quân sự trong chiến

tranh giải phóng dân tộc khác với quân sự trong bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải có kiến thức và kinh nghiệm về bảo vệ Tổ quốc thì việc xác định đường lối, chủ trương mới tránh được sai lầm.

Xác định đường lối đã khó, nhưng cụ thể hoá đường lối càng khó khăn phức tạp, dễ sai lầm hơn. Vì để ra đường lối chung, về mặt tri thức Đảng phải nắm bắt những quy luật chung, những nguyên lý phổ biến, còn cụ thể hoá đường lối đúng đắn, chính xác, kịp thời đòi hỏi Đảng phải nắm bắt được các quy luật đặc thù, các kiến thức và kinh nghiệm cụ thể. Chẳng hạn để đề ra đường lối, chủ trương về chống lạm phát, về giá cả, về tiền lương không chỉ dừng ở các quy luật, nguyên lý chung về kinh tế mà phải nắm bắt được các quy luật, kiến thức và kinh nghiệm cụ thể về các lĩnh vực đó. Hơn nữa, đi vào các lĩnh vực cụ thể như vậy càng phải vận dụng rất sáng tạo vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể nếu không sẽ sai lầm. Nếu Đảng không có kiến thức, kinh nghiệm và vận dụng sáng tạo thì nguy cơ sai lầm càng lớn.

- Khi chưa giành được chính quyền, nhất là lúc còn hoạt động bí mật, cán bộ, đảng viên buộc phải gắn bó với dân, dựa vào dân để sống và hoạt động được. Nhân dân có che chở, bảo vệ, cán bộ, đảng viên mới không bị địch bắt. Vì vậy, quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân thực sự là quan hệ máu thịt, như cá với nước. Khi đảng cầm quyền, nhiều cán bộ, đảng viên trở thành người có chức, có quyền. Mọi quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân khác trước. Trong điều kiện đảng cầm quyền, nhân dân

cần đến cán bộ, đảng viên chứ không phải cán bộ, đảng viên đến nhờ cậy dân như trước. Không ít cán bộ, đảng viên không muốn tiếp xúc với dân. Từ đó bệnh quan liêu, xa rời quần chúng có điều kiện phát triển.

Lúc chiến tranh, tài sản mà nhân dân giao cho người cán bộ, đảng viên chủ yếu, phổ biến là súng đạn. Song, khi đảng cầm quyền, tài sản mà nhân dân trao cho cán bộ, đảng viên quản lý thường là những tài sản quý giá, hấp dẫn. Vì vậy, một bộ phận cán bộ, đảng viên không vũng vàng, đạo đức kém dễ lợi dụng chức quyền để tham nhũng, tiêu cực.

Mặt khác, trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, chúng ta tập trung giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu, đó là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, phong kiến. Làm cách mạng để giải quyết hai mâu thuẫn trên có sự phù hợp thông nhất rất tự nhiên giữa lợi ích cá nhân với lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc. Do đó, đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy nhân dân ta sẵn sàng xả thân, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Song, khi trở thành đảng cầm quyền, tuy lâu dài ba lợi ích nêu trên vẫn thông nhất nhưng trước mắt có rất nhiều mâu thuẫn này sinh. Bởi vì thời kỳ hoà bình, xây dựng đất nước nổi lên những mâu thuẫn phải giải quyết, phải xử lý là mâu thuẫn giữa hai con đường, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa cá nhân và tập thể. Do đó, khi chuyển sang giai đoạn đảng cầm quyền, nhiều cán bộ, đảng viên không

vượt qua được các mâu thuẫn mới. Một bộ phận đã bị dào thải. Ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ có khi chỉ yêu nước, giác ngộ dân tộc là đã có thể sẵn sàng hy sinh, xả thân, nhưng sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải giác ngộ xã hội chủ nghĩa mới có thể vượt lên được. Vì thế Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng ta đã có một loạt bài viết và chỉ đạo các cuộc vận động xây dựng chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân.

Bốn nguy cơ mà Đảng ta xác định những năm gần đây ở nước ta là:

- Tụt hậu ngày càng xa về kinh tế.
- Chênh hướng xã hội chủ nghĩa.
- Một bộ phận cán bộ, đảng viên quan liêu, tham nhũng, suy thoái về đạo đức, lối sống.
- Chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhằm xoá bỏ Đảng ta và chế độ ta.

Trong đó nguy cơ thứ hai và thứ ba là những biểu hiện cụ thể của các nguy cơ mà Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở.

Vai trò và sức chiến đấu của đảng cộng sản cầm quyền phải thể hiện ở việc đề phòng các nguy cơ đó. Khi các nguy cơ ấy thành hiện thực phải có những giải pháp khắc phục kịp thời và có hiệu quả.

3. Tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Suy cho cùng, mọi vấn đề có thực hiện được hay không cuối cùng tuỳ thuộc ở năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu

của Đảng. Vì vậy vấn đề đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức vừa là vấn đề cơ bản vừa là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay. Không giải quyết tốt khâu then chốt này sẽ không thực hiện được các vấn đề khác.

- *Xây dựng Đảng về chính trị trong điều kiện hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là kiên trì đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Nói một cách khái quát: con đường phát triển của đất nước mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn là con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chọn hướng đi cho cả dân tộc là một công việc hệ trọng. Hồ Chí Minh, bằng thiên tài và trí tuệ của mình, đã nắm bắt được xu thế của lịch sử, nắm chắc đặc điểm của cách mạng Việt Nam, đã chọn hướng đi cho dân tộc từ năm 1920, sau đó đã khẳng định lại, đưa vào cương lĩnh của Đảng năm 1930, từ đó đến nay Đảng ta luôn luôn kiên trì con đường đó.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới trước hết và chủ yếu là đi theo con đường mà Người đã chọn. Đó không những là vấn đề của quá khứ mà còn là vấn đề của hiện tại và tương lai. Và đó là một trọng tâm của công tác xây dựng Đảng về chính trị, là thước đo về phẩm chất mácxit - leninist của Đảng ta, thể hiện lòng trung thành của Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

- *Xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách đúng*

đắn; cụ thể hoá đường lối chính xác, kịp thời và tổ chức thực hiện đường lối thắng lợi.

Đường lối, chủ trương bao gồm: cương lĩnh, nghị quyết, những chủ trương lớn, cho đến những chủ trương cụ thể, Đảng không thể sai lầm về chính trị, tức sai lầm về đường lối, chủ trương.

Thẩm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, càng phải coi trọng những yếu tố đảm bảo cho đường lối đúng..

Những vấn đề sau đây mang tính nguyên tắc mà thiếu nó, Đảng sẽ bị chêch hướng.

Một là, kiên định mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bảo đảm dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai là, luôn luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng phải kiên trì nguyên tắc này.

Đương nhiên, khi lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, không bao giờ được giáo điều mà chú ý vận dụng sáng tạo, không nên biến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thành những công thức, hoặc những điều trở thành kinh thánh... hoặc tuyệt đối hoá một số

mặt nào đó trong hệ thống luận điểm của các ông. Mọi mưu toan dùng quan điểm của người này phủ nhận quan điểm của người kia trong di sản chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hoặc khai thác, nhấn mạnh, đề cao có chủ định nhằm tuyệt đối hoá những điểm nào đó cũng chỉ nhằm tâng thường hoá, thô thiển hoá, bóp méo và xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà thôi. Hơn lúc nào hết, việc bảo vệ, giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phải được chú ý, bởi vì hoàn cảnh quốc tế cũng như trong nước đang có những chuyển biến phức tạp.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Vai trò của Đảng đã trải qua những thử thách, đã chứng tỏ trên thực tế Đảng là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội mà không có một lực lượng nào khác có thể thay thế được.

Cần nhấn mạnh điều này bởi vì hiện đang có những thế lực phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Càng trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Hơn 70 năm qua vai trò lãnh đạo của Đảng đã được thể chế hóa trong Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bốn là, trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò quản lý của Nhà nước càng phải thể hiện rõ là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, thể hiện khôi đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân

với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Năm là, trong khi xây dựng đường lối, chủ trương, Đảng luôn luôn coi tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, Hồ Chí Minh đã lý giải rất rõ nguyên tắc này. Dân chủ luôn luôn đi đôi với tập trung, không đối lập nhau như một số người có dụng ý xấu hay nhấn mạnh. Chẳng hạn, họ cho rằng, hai mặt này như lửa với nước, đã có tập trung thì thôi dân chủ, và ngược lại, đã dân chủ thì thôi tập trung. Hồ Chí Minh nêu một cách biện chứng rằng: tập trung trên nền tảng của dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung mà hạn chế dân chủ là tập trung quan liêu. Dân chủ mà không tập trung là dân chủ vô kỷ luật, mất kỷ cương cần phải phê phán, bác bỏ. Nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở trong Đảng ta hiện nay cần đi sâu vào các khía cạnh sau:

Toàn Đảng phải nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ hơn nữa. Đây là nguyên tắc thuộc về bản chất của đảng cộng sản chân chính; là nguyên tắc tổ chức cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng; là tiêu chuẩn để phân biệt đảng cộng sản chân chính với các đảng phi mácxít; là thước đo của mỗi tổ chức đảng và đảng viên. Tập trung dân chủ là nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng tổ chức và mọi hoạt động của Đảng chứ không chỉ là nguyên tắc sinh hoạt Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động; tập hợp được trí tuệ, sức mạnh của tập thể, đoàn kết được nội bộ. Khi trở thành đảng cầm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ còn trở thành nguyên tắc trong xây dựng tổ chức và hoạt động của nhà nước. Kinh nghiệm thực tiễn cũng đã khẳng định sự thành công hay thất bại của các đảng cộng sản trên thế giới đều có nguyên nhân từ nhận thức và việc thực hiện đúng hay sai nguyên tắc tập trung dân chủ. Vì vậy, phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; xa rời nguyên tắc này Đảng sẽ trở thành một thứ câu lạc bộ, mờ đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái vô chính phủ phát triển. Nội bộ Đảng sẽ chia rẽ, phân liệt. Cuối cùng đưa đến tan rã Đảng, cũng tức là thủ tiêu bản thân Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức trong đó quy định sự lãnh đạo tập trung trên cơ sở tôn trọng và phát huy dân chủ. Đây không phải là nguyên tắc "tập trung, dân chủ" cũng không phải "tập trung + dân chủ", "tập trung" và "dân chủ" tách rời nhau có nội hàm khác "tập trung" và "dân chủ" trong nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong nguyên tắc tập trung dân chủ hai mặt tập trung, dân chủ không tách rời và không thể đối lập nhau.

Trước năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói nguyên tắc "dân chủ tập trung". Từ năm 1959 khi chủ trì Hội nghị đóng góp ý kiến vào Hiến pháp, sau khi nghe các ý kiến phát biểu, lúc kết luận Người dùng thuật ngữ

nguyên tắc "tập trung dân chủ". Từ đó về sau khi dùng thuật ngữ dân chủ tập trung hay tập trung dân chủ ở Người vẫn nhất quán về nội dung. Đó là tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Không bao giờ Người tách rời, đối lập giữa hai mặt tập trung với dân chủ trong nguyên tắc.

"Tập trung trên cơ sở dân chủ", nếu xét về mặt trình tự thì "dân chủ" trước, "tập trung" sau. Nghĩa là trước khi dùng quyền tập trung, quyết định một vấn đề gì phải thực hiện dân chủ trước. Nếu xét về mặt lôgich thì dân chủ là tiền đề, là điều kiện còn tập trung là kết quả. Kết quả không dựa trên tiền đề và điều kiện đó sẽ sai lầm.

Tập trung có trên cơ sở dân chủ mới tránh được tập trung quan liêu. Điều này cũng làm cho tập trung của đảng cộng sản khác về bản chất với "chuyên chế", "độc tài".

"Dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung". Nếu xét về *mặt lý luận* thì đây là một loại dân chủ mang tính mục đích. Tức là không phải dân chủ vì dân chủ mà là vì mục đích do tập trung quy định. Nếu xét về *mặt thực tiễn*, đây là loại dân chủ mang tính trình tự và tính quy phạm. Dân chủ không có nghĩa muốn làm gì thì làm mà phải tuân thủ theo quy tắc, theo quy định do tập trung đưa ra. Điều này làm cho nó khác dân chủ cực đoan và chủ nghĩa vô chính phủ. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh là phải nhận thức và thực hiện tốt điều đó.

Sáu là, đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt

Nam còn là sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực phản động quốc tế đang tìm cách làm mưa làm gió, bất chấp luật pháp, dư luận quốc tế, chà đạp lên chủ quyền của nhiều nước theo kiểu "chân lý thuộc về kẻ mạnh", "cá lớn nuốt cá bé".

Trong quan hệ quốc tế hiện nay, càng nổi lên vấn đề lợi ích dân tộc. Đảng ta đã chú trọng giải quyết tốt vấn đề lợi ích dân tộc trong môi quan hệ quốc tế, thấm đượm chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Để xây dựng đường lối, chủ trương đúng đắn, một vấn đề rất quan trọng nữa mà Đảng ta đã xác định là phải nâng cao trình độ lý luận, chú trọng tổng kết thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn, làm rõ hơn những vấn đề đặt ra trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học không vạch sẵn mô hình chủ nghĩa xã hội cho các dân tộc. Đòi hỏi có một mô hình chủ nghĩa xã hội định sẵn là mày mò, giáo điều, không đúng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Chính đòi hỏi của thực tiễn sẽ làm nảy sinh và làm sâu sắc những vấn đề lý luận đã có. Trong sự nghiệp cách mạng của nước ta hiện nay, thực tế đặt ra hàng loạt vấn đề cần nghiên cứu, tổng kết để nâng cao trình độ lý luận và làm cơ sở chắc chắn trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn.

Bên cạnh đường lối đúng, phải có những biện pháp để

thực hiện tốt đường lối, tức là có quy trình triển khai thực hiện đường lối. Không phải chỉ thông qua đường lối, nghị quyết đúng mà có ngay được kết quả theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Biện pháp sai, hoặc thực hiện không đến nơi đến chốn thì nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa vẫn là nguy cơ thực tế. Sau khi có đường lối đúng cần thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật, bằng sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước, bằng sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân mà con đường chủ yếu là thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Hơn nữa, để biến đường lối thành hiện thực thì phải thông qua công tác tổ chức và giáo dục chính trị, tư tưởng. Tổ chức đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân (hệ thống chính trị) phải vững mạnh. Cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị phải thật sự trong sạch, thật sự là những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp đổi mới. Như vậy, kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã vạch ra còn thể hiện ngay cả ở những chủ trương, chính sách và hành động cụ thể của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong chính sách và biện pháp đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Thực tế trong mấy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước cũng như mấy chục năm miềng Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có rất nhiều vấn đề Đảng ta đã chỉ ra và đưa vào nghị quyết của mình. Song, nhiều vấn đề phải được nhắc lại trong các nghị quyết sau, bởi vì khâu triển khai tổ chức thực hiện còn rất nhiều yếu kém.

Trong việc ra nghị quyết, chỉ thị của Đảng cũng còn nhiều khuyết điểm. Thường nghị quyết được viết dài, cách tổ chức học tập quán triệt chưa được cải tiến để nhanh chóng đưa nghị quyết vào cuộc sống. Học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mặt này là phải chú trọng hơn nữa đến biện pháp thực hiện. Những năm gần đây Đảng ta đã có nhiều cải tiến. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII tháng 2-1999 là một bước cải tiến quan trọng trong việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Nghị quyết của Đảng phải bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng để triển khai thực hiện được ngay, tránh thời gian chờ đợi hướng dẫn, cụ thể hoá. Các cấp dưới căn cứ vào nghị quyết của tổ chức đảng cấp trên có thể xây dựng được ngay chương trình hành động phù hợp với cấp mình, tránh việc ra nghị quyết chung chung, sao chép nghị quyết của tổ chức đảng cấp trên.

Xây dựng Đảng về chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn đòi hỏi công bố công khai nghị quyết, các chủ trương cụ thể của các cấp ủy, (nếu điều đó không cần giữ bí mật) để cho nhân dân biết. Bởi vì Đảng hình thành và phát triển không vì mục đích tự thân mà Đảng vì nhân dân, được nhân dân giao cho trách nhiệm lãnh đạo đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa. Tham gia xây dựng Đảng là trách nhiệm của dân. Nghị quyết của Đảng không đưa xuống dân, dân không biết, không hiểu thì sẽ dẫn đến việc dân không làm, nghị quyết chỉ nằm trên giấy.

Coi trọng khâu tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng cũng như khâu thông qua nghị quyết. Đây là sự thống nhất giữa nói và làm, điều mà Hồ Chí Minh chú ý trong công tác xây dựng Đảng, trong tư cách của người cán bộ cách mạng. Đảng ta cũng đã chỉ đạo: trong quá trình thực hiện nghị quyết, phải thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm, bổ khuyết, điều chỉnh những chủ trương đã đề ra cho phù hợp với từng lúc và từng nơi, để những nghị quyết sau không lặp lại những vấn đề đã nêu ở nghị quyết trước. Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện chế độ báo cáo trung thực, nghiêm minh.

- Coi trọng hơn nữa công tác bảo vệ Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, một lần nữa, Đảng ta khẳng định lại tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác bảo vệ Đảng nói riêng. Bởi vì, một trong những âm mưu thâm hiểm của các thế lực phản động đối với nước ta là phá chế độ xã hội chủ nghĩa từ trong phá ra. Để thực hiện âm mưu đó, chúng cho rằng, phải từng bước hạ thấp, tiến tới xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu Đảng bị mất vai trò lãnh đạo hoặc đi đến tan rã, thì điều tất yếu sau đây sẽ xảy ra ngay lập tức: chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta sẽ bị sụp đổ; đất nước sẽ đi theo con đường khác, mọi thành quả của cách mạng do công lao, sức lực, trí tuệ mà máu xương của bao thế hệ đồng bào, đồng chí sẽ bị tiêu tan.

Vì thế, sau năm 1975 và nhất là từ khi đất nước ta

bước vào thời kỳ đổi mới, các thế lực phản động đã tìm đủ mọi cách để chống phá Đảng ta, hòng đưa nước ta đi chệch sang con đường khác. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch đoán rằng, Việt Nam cũng sẽ chung số phận như vậy. Chúng đã tăng cường việc tuyên truyền tư tưởng dân chủ tư sản, da nguyễn chính trị và da đảng đối lập vào nước ta, khơi dậy và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền. Chúng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tác động tư tưởng từ bên ngoài, thông qua hoạt động viện trợ nhân đạo, đầu tư kinh tế... móc nôi tập hợp lực lượng hòng gây bạo loạn, lật đổ. Hệ thống truyền thông phản động từ bên ngoài tiến hành hàng loạt chiến dịch công kích vào sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng đưa vào nước ta một khối lượng lớn tài liệu phản động đả kích trực diện vào Đảng, vào lực lượng công an, quân đội, đòi "phi chính trị hoá" các lực lượng này, chia rẽ và cô lập họ đối với Đảng. Chúng tập trung mủi nhọn vào việc phá hoại nội bộ Đảng ta, nhằm phá vỡ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Công tác bảo vệ, xây dựng Đảng về chính trị trở thành một nhiệm vụ bức xúc trong tình hình hiện nay.

Công tác đó đặt ra cho chúng ta những yêu cầu:

Trước hết, chú trọng hơn nữa mặt trận tư tưởng, văn hoá, bảo đảm sự thống nhất tư tưởng trong Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên thực tế, bọn phản động phá hoại Đảng ta bao giờ

cũng bắt đầu từ hoạt động phá hoại tư tưởng. Chúng đã dùng mọi cách bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê nin, kể cả đả kích vào giá trị tinh thần thiêng liêng nhất của toàn dân tộc Việt Nam là tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự thống nhất về tư tưởng sẽ tạo ra một sức mạnh to lớn để phát triển. Vì vậy, thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng là yêu cầu số một trong nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng.

Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên nào nhiễm tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, những đảng viên bất mãn và hay gây ra mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng, kéo dài, vì đó là miếng đất tốt cho tư tưởng phản động chui vào. Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới. Nhưng lĩnh vực này lại hay bị kẻ thù lợi dụng nhất. Chân chừ, hữu khuynh, mất cảnh giác là hết sức nguy hiểm. Nhiệm vụ bảo vệ Đảng đòi hỏi kết hợp nhiều phương sách trên mặt trận tư tưởng: vừa đấu trí, đấu lực, vừa trấn áp, vừa giáo dục, phân hoá làm tan rã dần lực lượng thù địch, chống đối với tinh thần chủ động.

Thứ hai, công tác bảo vệ Đảng đòi hỏi phải bảo vệ và thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng.

Việc bảo vệ và thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối chủ trương của Đảng bao gồm cả quá trình thể chế hóa những điều đó trong các cơ quan nhà nước. Từ việc dự

thảo và thông qua Hiến pháp, pháp luật đến các chính sách và kế hoạch cụ thể đều không được trái với cương lĩnh đường lối của Đảng.

Đáng chú ý là hiện nay, tệ tham nhũng đang nổi lên như một "quốc nạn". Trước đây Hồ Chí Minh gọi tệ nạn đó là "giặc nội xâm". Kẽ hở của cơ chế, chính sách cộng với cán bộ, đảng viên có chức quyền thoái hóa biến chất là hai yếu tố chủ yếu trực tiếp sinh ra tham nhũng. Tham nhũng trực tiếp đánh vào bản chất của Đảng, làm cho Đảng bị suy yếu, mất uy tín. Tham nhũng rõ ràng là hành động tiếp tay cho bọn phản động chống phá Đảng. Các tổ chức cơ sở đảng là một trong những lực lượng cơ bản trên mặt trận chống tham nhũng. Cần chú ý nắm vững dư luận xã hội, tâm trạng chính trị, những phản ứng của đảng viên cơ sở, của các tầng lớp nhân dân để đề xuất với Đảng và Nhà nước nhằm bổ sung, điều chỉnh chính sách, chủ trương, không để cho các vụ việc nảy sinh tồn đọng kéo dài.

Thứ ba, công tác bảo vệ Đảng gắn chặt với công tác bảo vệ cả hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội khác tạo thành một chính thể vận hành phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng nước ta. Trong hệ thống chính trị đó, chức năng, nhiệm vụ của mỗi thành viên có khác nhau nhưng cùng tạo ra một tổng hợp lực, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và các đoàn thể

chính trị - xã hội nhưng vai trò của Nhà nước và các đoàn thể cũng rất lớn. Ở đây, công tác bảo vệ Đảng đòi hỏi phải chống cả nội gián, không cho địch thâm nhập vào bộ máy của hệ thống chính trị. Nếu công tác bảo vệ an ninh nội bộ trong các bộ máy của hệ thống chính trị không được coi trọng thì bí mật quốc gia bị lọt ra ngoài bằng nhiều kẽ hở khác nhau. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi đất nước thực hiện chính sách mở cửa, khi khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, thông tin nhanh nhạy với nhiều phương tiện hiện đại, việc giữ bí mật quốc gia càng khó khăn phức tạp. Do vậy, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nói chung, của cán bộ chủ chốt nói riêng, đồng thời tăng cường sự phối hợp, tham mưu của lực lượng công an để bảo vệ an ninh nội bộ là yêu cầu rất cần thiết hiện nay.

Những việc cần phối hợp trong công tác bảo vệ Đảng là:

- Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, công chức nâng cao cảnh giác, chủ động đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.
- Phối hợp thực hiện các nội quy, quy chế bảo vệ nội bộ, vận động nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ nội bộ.
- Phối hợp xây dựng và củng cố lực lượng chuyên trách bảo vệ nội bộ, có đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ và trang bị phương tiện cần thiết để duy trì hoạt động có hiệu quả.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hoạt động đối ngoại với các cơ quan an ninh trong việc quản lý các hoạt động đối ngoại về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, du lịch... bởi vì đây là những kênh tiếp xúc mà kẻ địch có thể lợi dụng.

- Phối hợp trong việc giải quyết nhanh chóng, chính xác hậu quả của các vụ vi phạm an ninh nội bộ.

Thứ tư, một công tác không thể thiếu được trong bảo vệ Đảng là coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ Đảng.

Đội ngũ làm công tác này trước hết phải là những người có phẩm chất chính trị tốt, có nghiệp vụ giỏi. Đầu tư để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ này có ý nghĩa sống còn đối với việc bảo vệ Đảng. Hơn nữa, bọn phản động cũng cố tìm mọi cách để chia rẽ, kích động, lôi kéo, ly gián đội ngũ này với Đảng. Do vậy, chính đội ngũ cán bộ cũng phải thường xuyên làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Ở đâu và thời kỳ nào cũng có sự đào thải khắc nghiệt của cuộc sống. Tổ chức chuyên trách bảo vệ Đảng cũng nằm trong tình hình ấy. Ở đây, ngoài số lượng, phải đặc biệt coi trọng chất lượng. Đào tạo, bồi dưỡng, bảo vệ chính những người làm công tác bảo vệ Đảng vẫn là một quốc sách ở tất cả các thời kỳ của cách mạng nước ta. Bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, trở thành một trọng trách không những của Đảng Cộng sản Việt Nam, của cán bộ, đảng viên mà còn là trách nhiệm của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước.

Về tư tưởng, cần tổng kết công tác tư tưởng từ Đại hội VI của Đảng đến nay.

Đây là một việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tình hình hiện nay. Bởi tư tưởng con người hàng ngày hàng giờ luôn luôn chịu sự tác động của những sự việc hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội, của môi trường hoạt động. Môi trường xã hội tốt, tạo điều kiện nảy sinh những con người tốt và ngược lại. Những đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh thế giới và trong nước không thể không tác động đến tâm tư, tình cảm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động. Đảng cần tiến hành điều tra khảo sát từ cơ sở ở khắp các ngành, các địa phương trong cả nước về tư tưởng và công tác tư tưởng.

Xây và chống là hai mặt quan trọng trong công tác tư tưởng. Việc tổng kết cần làm rõ cả hai mặt ưu điểm và khuyết điểm trên cả hai phương diện tư tưởng và công tác tư tưởng; đồng thời, tổng kết phải trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, nói đúng sự thật.

Chỉ có trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng mới có khả năng đưa ra được những chủ trương, giải pháp đúng.

Đối tượng cần khảo sát, điều tra là cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực từ cơ sở tới Trung ương, là quần chúng nhân dân thuộc các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội; ở thành phố, ở nông thôn, miền núi v.v.. Nghĩa là khảo sát toàn diện để xem hiện nay mọi người đang nghĩ gì về Đảng, về xã hội, về tất cả những diễn biến xảy ra chung quanh họ.

Khi khảo sát, điều tra cần hỏi ý kiến mọi người xem họ đánh giá sự việc ấy như thế nào và theo họ nên giải quyết bằng cách nào.

Là một đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện hiện nay, hơn lúc nào hết Đảng ta cần đặc biệt coi trọng vai trò của lý luận và công tác lý luận.

Cách mạng vô sản mở đầu là Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đến nay hơn 80 năm. So với lịch sử phát triển của xã hội loài người, thời gian đó là quá ngắn ngủi. Đảng ta giành được chính quyền đã hơn nửa thế kỷ. Trong suốt thời gian đó, Đảng ta phải lãnh đạo nhân dân tiến hành bao cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ biên giới. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, Đảng ta mới có điều kiện và thời gian thực sự để tập trung lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để xây dựng thành công xã hội mới theo con đường mà Đảng ta đã lựa chọn, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải thử nghiệm và có những việc buộc chúng ta phải làm đi làm lại nhiều lần với tinh thần tinh táo, kiên trì, không biết mệt mỏi; với ý chí kiên cường và lòng dũng cảm để vượt qua những thử thách gay go, phức tạp khó lường hết được. Nhất là khi tình hình trong nước và quốc tế đang có nhiều diễn biến phức tạp.

Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi đường cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hôm nay. Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đóng vai trò vô cùng quan trọng tạo nên thắng lợi của cách mạng

Việt Nam. Hơn bao giờ hết, trên con đường đi lên, lý luận và công tác lý luận chắc chắn vẫn giữ vai trò quan trọng đặc biệt chỉ dẫn cho cách mạng nước ta vượt qua những khó khăn, trở ngại đi tới những mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới đặt ra nhiều vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh... đòi hỏi Đảng ta phải giải thích, phải trả lời, phải tìm ra các phương án giải quyết phù hợp.

Tính đúng đắn và khoa học trong hệ thống lý luận của Đảng là một trong những nhân tố trọng yếu có ý nghĩa quyết định đối với chặng đường đi lên của đất nước. Không thể nói đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nếu không có sự phát triển của lý luận.

- *Hơn bao giờ hết, Đảng cần tăng cường việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.*

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức luôn là cái "gốc" của người cách mạng, ví như "cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo", "sông phải có nguồn, không có nguồn thì sông cạn". Đạo đức phẩm chất, lối sống tạo nên sức mạnh tinh thần, ý chí, sự trong sáng của người cách mạng. Đó là một nguồn gốc rất quan trọng tạo nên uy tín to lớn của Đảng. Nếu như đường lối, chủ trương chính sách đúng là ngọn cờ tư tưởng để tập hợp quần chúng nhân dân thì đạo đức, phẩm chất, lối sống giản dị, trong sáng của người cán bộ, đảng viên là tấm gương hiện thực trong đời sống để quần chúng nhân dân học tập, noi theo. Chủ tịch Hồ Chí

Mình đã từng căn dặn chúng ta rằng, muốn cải tạo người khác thì trước hết phải cải tạo mình. Đảng muôn cải tạo xã hội thì trước hết đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng cũng cần phải không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, tự cải tạo, tu dưỡng.

Đồng thời với việc xây dựng đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh cần tích cực đấu tranh quét sạch chủ nghĩa cá nhân và đó là việc làm thường xuyên của các chi bộ đảng và của mọi cán bộ, đảng viên.

Hiện nay, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, cũng còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hoá về đạo đức, lối sống. Đặc biệt là có một số có chức có quyền đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để tham nhũng, làm giàu bất chính, lâng phí của công, ăn chơi trác táng, úc hiếp quần chúng, xa rời nhân dân... Những hiện tượng này có chiều hướng gia tăng, nhất là tệ của quyền, tham nhũng và các tệ nạn xã hội như ma tuý, mại dâm đang là những vấn đề rất nhức nhối được xã hội quan tâm nhiều nhất. Những tệ nạn nói trên hoàn toàn xa lạ với tiêu chí đạo đức của con người xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn trái với những yêu cầu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi ở con người của chế độ mới. Do vậy, hòn lúc nào hết, Đảng cần quan tâm chăm lo bồi dưỡng, giáo dục rèn luyện đạo đức, phẩm chất, lối sống cho đội ngũ đảng viên và cả quần chúng nhân dân trong xã hội. Vấn đề giáo dục đạo đức công dân trong các trường phổ thông, trường

đại học cần được đặt ra nghiêm túc hơn. Cần có những tiêu chí đạo đức để xét tốt nghiệp lên lớp đối với học sinh, sinh viên các trường phổ thông, cao đẳng, đại học.

Các tổ chức đảng cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu đã được Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII chỉ ra, đồng thời nghiêm chỉnh thực hiện cuộc vận động phê bình và tự phê bình đã được Đảng ta phát động nhân dịp kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1999).

Xây dựng nền kinh tế tăng trưởng phải thực hiện nghiêm túc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Trước mắt cần tập trung đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng cơ hội, thực dụng về chính trị và tổ chức của những người có lập trường, quan điểm chính trị không rõ ràng, ngả nghiêng, tùy thời vì địa vị của cá nhân mình. Đó là tư tưởng và hành động tìm mọi cách để leo cao, chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tội. Họ chỉ biết nhất trí với những chủ trương, biện pháp có lợi cho bản thân và đơn vị mình. Những người đó thường ngai khố, ngại khổ, ngại va chạm, không thẳng thắn đấu tranh tự phê bình và phê bình, gây bè cánh, chia rẽ nội bộ.

- Cần sắp xếp lại bộ máy, kiện toàn tổ chức, thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng nói chung và công tác lý luận nói riêng.

Lãnh đạo công tác tư tưởng là trách nhiệm của mọi cấp ủy, mọi cơ sở đảng. Tuy nhiên, cần thấy rõ đội ngũ cán bộ tư tưởng chính là người chủ yếu giúp các cấp ủy đảng lãnh

dạo, thực hiện công tác tư tưởng. Đội ngũ này mạnh hay yếu góp phần quan trọng quyết định chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng nhìn chung chưa mạnh, nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ này trưởng thành từ nhiều nguồn, chưa thực sự được đào tạo, huấn luyện cơ bản và có hệ thống, ít nhiều còn chấp vá. Đồng thời, Đảng và Nhà nước cũng chưa có chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện cho họ khắc phục những khó khăn để yên tâm hoạt động trong lĩnh vực công tác tư tưởng.

- *Cần đầu tư mạnh hơn nữa kinh phí cho việc trang bị những công cụ phương tiện làm công tác tư tưởng.*

Hiện nay ở nhiều vùng sâu, vùng xa không phải kênh truyền hình nào cũng phủ sóng tới. Các tờ báo như *Nhân Dân*, *Quân đội nhân dân*, *Tiền phong*, *Phụ nữ*... mỗi xã với 5,7 thôn xóm mới có mỗi thứ một tờ báo, làm sao người dân hàng ngày có đủ báo để đọc? Cần có chính sách trợ giá cho một số tờ báo để nhân dân, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa có báo đọc... Với giá báo như hiện nay, khó có nhiều người, nhất là người nông dân thường xuyên mua báo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, giáo dục, rèn luyện Đảng ta. Người đã dày công xây dựng Đảng ta thành một Đảng chân chính, cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng. Một trong những di sản to lớn mà Người để lại cho Đảng ta là những

kinh nghiệm vô giá về công tác tư tưởng.

Các quan điểm của Người đều thể hiện rõ sự trung thành và sáng tạo việc vận dụng lý luận Mác - Lê nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Những lời nói, bài viết của Người không chỉ chứa đựng những tư tưởng quan điểm sâu sắc mà còn là những mẫu mực về sự gắn liền giữa lý luận và thực tiễn; mẫu mực về phương pháp tư tưởng trong sáng, giản dị, rõ ràng, mạch lạc đầy sức thuyết phục; có khả năng to lớn động viên đồng bào, đồng chí; có tác dụng tập hợp đồng đảo quân chúng một lòng đi theo Đảng làm cách mạng. Mặt khác, cuộc đời hoạt động của Người cũng là một tấm gương mẫu mực về nói đi đôi với làm, về tinh thần cầu thị, tích cực học tập lý luận; nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Hơn lúc nào hết, trong điều kiện và hoàn cảnh hiện nay, Đảng cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tư tưởng đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm tăng cường sự thống nhất về nhận thức, ý chí hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng và pháp luật Nhà nước; động viên toàn dân phấn khởi thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế, xã hội mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra.

Về tổ chức, trước hết là quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới.

Thời gian qua Đảng ta đã chú trọng làm tốt công tác

xây dựng đội ngũ đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Do bản thân đảng viên tự rèn luyện cùng với việc Đảng ta làm tốt công tác đảng viên, cho nên đội ngũ đảng viên của Đảng nhìn chung có bản chất cách mạng, luôn phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đóng góp một phần không nhỏ vào thành quả của công cuộc đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu của thời kỳ mới, trong công tác xây dựng Đảng nói chung cũng như công tác đảng viên nói riêng đã bộc lộ những sai lầm, khuyết điểm. Cụ thể, không ít các tổ chức đảng chưa chú ý quản lý và rèn luyện cán bộ, đảng viên về mặt phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng quan hệ đối ngoại; không xử lý kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm.

Qua phân tích chất lượng đảng viên, các tổ chức đảng phải đánh giá được từng mặt mạnh, yếu của từng đảng viên để có biện pháp thiết thực cho từng đảng viên.

- Các cấp uỷ đảng, nhất là cấp uỷ cơ sở, căn cứ vào kết quả kiểm tra, phân tích chất lượng đảng viên, chủ động xây dựng kế hoạch, biện pháp bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ đảng viên. "Trong tình hình hiện nay, phải rất chú trọng việc giáo dục, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ của cán bộ, đảng viên". Ngoài việc bồi dưỡng tại trường lớp, phần quan trọng là rèn luyện đảng viên trong các hoạt động thực tế ở cơ sở.

Đặc biệt đối với đảng viên là người có chức có quyền trong bộ máy quyền lực của Nhà nước, ý thức đảng càng phải cao.

- Làm trong sạch, sàng lọc đội ngũ đảng viên là một trong những biện pháp xây dựng đội ngũ đảng viên vững mạnh, vươn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, loại bỏ những nhân tố đang trở thành nguy cơ cho Đảng.

Để giữ cho đội ngũ Đảng trong sạch, phải kiên quyết đưa ra càng sớm càng tốt khỏi hàng ngũ của Đảng tất cả những kẻ cơ hội, những người phai nhạt lý tưởng, tê liệt ý chí cách mạng, những kẻ làm giàu bất chính, đầu cơ, tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Đối với đảng viên có trình độ quá thấp qua giáo dục của tổ chức đảng vẫn không tiến bộ, thì cũng đưa ra khỏi Đảng. Đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp những đảng viên không tha thiết với Đảng, giảm sút ý chí chiến đấu, thực sự không có tác dụng đối với công tác lãnh đạo của Đảng. Việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến vào việc đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, phê bình đảng viên, kiểm tra hoạt động của đảng viên có ý nghĩa to lớn trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

- Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào Đảng những người ưu tú trong giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, thanh niên, phụ nữ và tầng lớp lao động khác, xuất hiện trong phong trào

cách mạng của quần chúng. Thông qua phong trào quần chúng của các đoàn thể chính trị - xã hội, qua thực tiễn lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập mà phát hiện, lựa chọn những người ưu tú, có triển vọng để bồi dưỡng kết nạp họ vào Đảng.

Phải coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của Đảng, do đó các tổ chức đảng phải quan tâm bồi dưỡng, giáo dục thanh niên, tạo nguồn phát triển Đảng. Chú trọng trẻ hoá và tăng thêm thành phần công nhân trong Đảng.

Nâng cao chất lượng đảng viên cần kết hợp cả ba nội dung: bồi dưỡng, sàng lọc và phát triển đảng viên. Ba nội dung này có mối quan hệ tác động lẫn nhau, trước hết phải coi trọng việc bồi dưỡng rèn luyện để nâng cao chất lượng là chủ yếu.

Cân tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII về chiến lược cán bộ. Chú trọng hoàn chỉnh tiêu chuẩn chức danh cán bộ và các quy chế cán bộ. Đặc biệt là thực hiện bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn và tuyển dụng cán bộ công khai. Bố trí đề bạt cán bộ phải đúng người, đúng việc, đúng chỗ, đúng sở trường. Coi trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ kế tục sự nghiệp cách mạng có chất lượng v.v..

Quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong thời kỳ mới.

Coi trọng tổ chức cơ sở đảng, thường xuyên chăm lo củng cố, kiện toàn, phát huy năng lực lãnh đạo và sức

mạnh chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng tại các cơ sở. Đó là quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta trong mọi giai đoạn cách mạng. Quan điểm đó được thể hiện cả trong nhận thức, lý luận (ghi trong các văn kiện của Đảng, nhất là trong Báo cáo xây dựng Đảng và trong Điều lệ Đảng) và cả trong hoạt động thực tiễn của Đảng ta.

Hệ thống tổ chức cơ sở đảng, nhờ vậy, mà không ngừng được củng cố, phát triển, phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị tại cơ sở, trực tiếp góp phần biến các chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng thành thắng lợi hiện thực.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống tổ chức cơ sở đảng đã và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém ở những mức độ khác nhau. Đại hội Đảng VIII đã đánh giá: "Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu kém, có nơi tê liệt; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, có tình trạng vừa kém dân chủ vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương". Hậu quả của tình hình trên là hệ trọng! Bởi vì "nền móng" yếu thì không thể vững, "gốc rẽ" có phần bị "tê liệt" thì cây không thể khoẻ mạnh, phát triển tốt tươi. Vì vậy, "cùng với sự kiện toàn tổ chức đảng các cấp... phải rất quan tâm củng cố tổ chức cơ sở đảng", thực sự đang là đòi hỏi bức xúc.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện mới hiện nay, Đảng ta đã có nhiều chủ trương biện pháp, được thể hiện

tập trung ở Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Trên cơ sở đó, cần tập trung giải quyết 3 vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách sau đây:

Một là, tiếp tục sắp xếp, chỉnh đốn lại tổ chức cơ sở đảng và các chi bộ trong đảng bộ cơ sở cho thật sát với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở.

Cơ chế mới ra đời đang trong quá trình phát triển, hoàn thiện, kéo theo nó là sự biến động về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các tổ chức kinh tế, các đơn vị công tác... Do đó tổ chức cơ sở đảng không thể không phát triển theo. Ví dụ: một doanh nghiệp nhà nước, nay chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, tổ chức cơ sở đảng ở đó tất yếu phải có sự chỉnh đốn về tổ chức, nhất là về chức năng nhiệm vụ quy chế hoạt động cho phù hợp. Đó là việc không thể không làm. Nếu không làm hoặc làm không tốt, thì sức mạnh chiến đấu, vai trò hạt nhân lãnh đạo ở đó sẽ không tránh khỏi suy giảm.

Hai là, cấp uỷ đảng các cấp, mà trước hết là tỉnh uỷ, huyện uỷ và trực tiếp là đảng uỷ cơ sở cần tập trung nghiên cứu sớm có giải pháp hữu hiệu để cẩn bản xoá các điểm trắng không có đảng viên, không có chi bộ đảng. Đó là những nơi vùng sâu, vùng xa, những đơn vị liên doanh, liên kết, những doanh nghiệp tư nhân... đã có hoặc mới xuất hiện. Những điểm trắng, chính là những khoảng trống, thiếu vắng sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ, đảng viên, ở đó, quan điểm đường lối của Đảng khó tới được với

quán chúng lao động, Đảng không nắm vững được dân, xa dân, đó chính là nơi các lực lượng thù địch dễ lợi dụng. Vì vậy, xoá những điểm trắng không có đảng viên, không có chi bộ là một nhiệm vụ cấp bách, là trách nhiệm chính trị của các cấp ủy đảng.

Ba là, cần phải luật hoá các hoạt động của Đảng, nhất là ở các lĩnh vực mới. Thực tế cho thấy, trong cơ chế thị trường, các tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân, trong các đơn vị liên doanh, liên kết và cả trong các trường đại học dân lập, lúng túng, khó hoạt động vì thiếu cơ sở pháp lý. Vì vậy, việc luật hoá hoạt động của các tổ chức đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách hiện nay.

- *Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.*

Thời kỳ phát triển mới của đất nước như trên đã trình bày khác với thời kỳ trước đây, do đó đòi hỏi Đảng ta phải quán triệt và vận dụng sáng tạo bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta hiện nay.

Sự quán triệt và vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trước hết trong các văn kiện của Đảng. Đảng ta coi tập trung dân chủ là "nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng" nói chung và "lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản" của Đảng nói riêng. Đó cũng là "nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong

cách làm việc của chúng ta".

Về nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ được Đảng ta khẳng định trong Điều lệ Đảng và những nội dung đó được Đảng ta không ngừng sửa đổi, bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Đảng qua từng thời kỳ cách mạng.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ trong hành động, thời gian qua Đảng ta đã "giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ của tập thể, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân". Điều đó được thể hiện từ việc chuẩn bị nghị quyết, chính sách, luật pháp đến việc tổ chức chỉ đạo thực hiện; từ việc bầu cử trong Đảng, bầu cử các cơ quan Nhà nước đến việc định hướng, bố trí, sử dụng cán bộ; từ sinh hoạt, trong Đảng, trong Quốc hội, trong các đoàn thể, đến các hoạt động thông tin báo chí, xuất bản, văn hóa văn nghệ... dưới sự lãnh đạo của Đảng với những quy trình cụ thể như là một cơ chế thực hiện. Tất cả đều mang một sinh khí mới, hơi thở mới: dân chủ hơn, cởi mở hơn. Đảng khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên độc lập suy nghĩ và sáng tạo, phát huy mọi sáng kiến, góp phần cùng với Đảng và Nhà nước giải quyết công việc do thực tiễn đặt ra. Bộ Chính trị thực hiện sự lãnh đạo tập thể, chỉ đạo tập trung trong việc cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết

Đại hội VIII và Đại hội IX, đề ra nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, về văn hoá, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng...

- Nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ được Đảng ta không ngừng sửa đổi, bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Đảng ta qua từng thời kỳ cách mạng.

- Bước đầu cụ thể hoá những nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ thành những quy định cụ thể như là một cơ chế bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc này trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Bên cạnh những ưu điểm và tiến bộ nói trên, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong thời gian qua còn không ít khuyết điểm.

Để khắc phục những yếu kém đó, trước hết cần phải làm cho cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn và thông nhất về khái niệm, nội dung, bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ. Cần bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, đảng viên hiểu đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện và hoàn cảnh mới của Đảng ta.

- Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra phải đúng đắn và quy trình tổ chức thực hiện phải khoa học, mọi tổ chức đảng, mọi cán bộ, đảng viên hiểu đúng và làm đúng.

- Trong việc xây dựng cơ quan lãnh đạo các cấp, phải bảo đảm đầy đủ tính chất dân chủ (đương nhiên dân chủ

phải lãnh đạo). Đề nghị các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị cần giới thiệu 2,3 ứng cử viên. Người ra ứng cử vào chức danh đứng đầu các cấp bầu cử từ cấp huyện trở lên đều phải có phương án công tác. Đại hội tín nhiệm ai, bầu ai gắn liền với quyết định lựa chọn phương án của người ấy.

- Trong các cơ quan lãnh đạo cần quy định rõ chế độ sinh hoạt tập thể. Việc chuẩn bị hội nghị phải trải qua những thủ tục nhất định về công tác điều tra, nghiên cứu, về việc lấy ý kiến của các cơ quan có trách nhiệm và của cấp dưới, làm cho hội nghị được tiến hành nhanh, gọn, có chất lượng cao.

Việc thảo luận trong hội nghị phải thật sự dân chủ, cởi mở và có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết - kể cả bằng phiếu kín, làm cho mỗi đề án công tác hoặc nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể. Đối với những vấn đề mới và khó hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau, cần thực hiện chế độ làm thử để rút kinh nghiệm trước khi quyết định và cần có nhiều phương án để lựa chọn. Cần quy định rõ chế độ lấy ý kiến cấp dưới và quần chúng trước khi ra một quyết định quan trọng có liên quan rộng rãi đến hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội và đời sống của quần chúng.

Để thực hiện tốt chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cần quy định rõ: tất cả những vấn đề thuộc về chủ trương và những biện pháp lớn của Đảng nhất thiết phải được tập thể cấp ủy hoặc tập thể chi bộ bàn bạc và quyết

định, còn những vấn đề thuộc về kế hoạch, biện pháp cụ thể thực hiện chủ trương đó thì giao cho cá nhân phụ trách, có quyền tự giải quyết.

- Một biện pháp quan trọng về mặt tổ chức là phải cải tiến bộ máy Đảng, Nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản và nâng cao hiệu quả; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức, kiện toàn các cấp uỷ đảng, giải quyết các mối quan hệ và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, đảng uỷ khối, đảng uỷ cơ quan.

- Chú ý giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Trung ương và địa phương, cấp trên và cấp dưới (bao gồm cả mối quan hệ giữa cấp uỷ đảng và các ngành) khắc phục tình trạng tự do tuỳ tiện, phân tán tản漫, cục bộ địa phương. Một mặt cấp trên phải giữ vững quyền lãnh đạo tập trung của mình; mặt khác lại phải mạnh dạn giao quyền hạn (phân cấp) cho cấp dưới trong giới hạn không làm suy yếu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp trên, giúp cấp dưới nâng cao tinh thần chủ động sáng tạo, giải quyết mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo đúng chủ trương phương hướng của cấp trên.

- Cần có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng; thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định

thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số; mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

- Cân phải có những quy chế cụ thể để mọi cán bộ, đảng viên phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia đầy đủ sinh hoạt chi bộ, tuân thủ kỷ luật Đảng, không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái trong Đảng đều phải xử lý nghiêm minh.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; chống cách làm hình thức, chiếu lệ, không sửa chữa khuyết điểm như một số nơi vừa qua đã làm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

- Tập trung sức giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Chúng tôi cho rằng cần phải sớm tổng kết để rút ra bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương hiện nay.

Đó là những giải pháp cơ bản mang tính cấp bách nhằm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong thời kỳ mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đảng ta quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng trong thời kỳ mới.

Thẩm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, Đảng ta luôn coi trọng việc xây dựng, củng cố và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Đó là quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta được thể hiện tập trung trong Điều lệ của Đảng, với những nội dung chính như sau:

- Xác lập hệ thống các cơ quan lãnh đạo của Đảng - các Ban Chấp hành từ Trung ương đến cơ sở. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi lãnh đạo của cơ quan lãnh đạo ở từng cấp.

- Đi liền với hệ thống cơ quan lãnh đạo, Đảng ta xác lập hệ thống bộ máy giúp việc của cơ quan lãnh đạo ở từng cấp. Bộ máy giúp việc ở mỗi cấp không giống nhau, số lượng nhiều hay ít được quy định bởi nhiệm vụ, quyền hạn phạm vi lãnh đạo của cấp đó.

- Để tăng cường sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quân chủng, Đảng đã thành lập tổ chức đảng, đoàn, ban cán sự.

- Đảng định các chế độ, nguyên tắc sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của Đảng; xây dựng quy chế làm việc; thường xuyên cải tiến lề lối làm việc, nhằm bảo đảm cho hệ thống tổ chức bộ máy vận hành có hiệu quả nhất.

Với hệ thống tổ chức bộ máy được xây dựng như vậy, trên thực tế đã bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, thông suốt, mau lẹ từ Trung ương tới cơ sở; phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực đời sống xã hội. Hệ thống đó đã thực sự bảo đảm

cho Đảng có sự thống nhất cả ý chí và hành động, có đủ sức mạnh làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo của đội tiên phong chính trị của giai cấp và dân tộc.

Tuy nhiên đối chiếu với tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu công cuộc đổi mới hiện nay, hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng còn bộc lộ những hạn chế như: bộ máy cồng kềnh, nặng nề, chưa thực sự trong sạch, bệnh quan liêu, giấy tờ còn nặng, hiệu quả hoạt động thấp; việc chậm nghiên cứu xác định rõ chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc đã làm cho hoạt động của một số tổ chức bộ máy vừa chồng chéo vừa lỏng lẻo.

Để khắc phục có hiệu quả những hạn chế nêu trên, phát huy sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy trong thời kỳ mới, Đảng cần tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục chấn chỉnh tổ chức bộ máy theo tư tưởng "giản chính, tinh cán" của Hồ Chí Minh. Bộ máy của ta hiện nay còn khá cồng kềnh nặng nề, còn không ít chồng chéo, hoạt động hiệu quả thấp, gây lãng phí sức người, sức của.

Tinh giản bộ máy cần theo hướng: giảm thiểu những khâu trung gian, giảm tối mức thấp nhất những lực lượng lao động gián tiếp và số lượng phục vụ trong từng tổ chức, bộ máy. Tinh giản bộ máy phải bảo đảm nâng cao hiệu suất công tác; bảo đảm sự thông suốt, mau lẹ của cả hệ thống; bảo đảm phục vụ nhân dân thuận tiện, hiệu quả hơn.

Hai là, cải tiến nội dung và lề lối làm việc của các tổ chức bộ máy, nhất là cấp ủy, đảng các cấp từ trung ương đến cơ sở. Theo Hồ Chí Minh: "Muốn biết Đảng địa phương mình mạnh hay yếu, khá hay kém, hãy nhìn vào sự lãnh đạo của cấp uỷ".

"Hội họp lu bù" đang là một thực trạng ở trong nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng ta. Tình trạng nghị quyết trước chưa đi vào cuộc sống đã có nghị quyết sau khá phổ biến. Đảng ta lãnh đạo bằng nghị quyết, do đó, việc ra chủ trương nghị quyết lãnh đạo là việc làm thường xuyên, liên tục. Song ra được nghị quyết đúng chưa phải đã hoàn thành trách nhiệm. Điều quan trọng là phải đưa nghị quyết vào cuộc sống. Vì vậy, cải tiến nội dung lãnh đạo, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo đang là yêu cầu rất bức xúc.

Theo hướng đó, vấn đề then chốt là cải tiến chế độ thông tin. Mọi thành viên trong các cơ quan lãnh đạo phải thường xuyên được cập nhật những thông tin cần thiết phục vụ cho lãnh đạo. Trên cơ sở nguồn tư liệu đó mà lựa chọn, xử lý, xác định trúng những vấn đề trọng tâm, then chốt phải giải quyết. Đó là con đường bảo đảm cho nội dung lãnh đạo luôn luôn sát đúng, thiết thực, có tính khả thi cao.

Đồng thời phải xây dựng chế độ trách nhiệm rõ ràng, cụ thể và xây dựng một quy trình ra nghị quyết bảo đảm khai thác, phát huy cao độ trí tuệ của tập thể lãnh đạo, thâu thải được trí tuệ sáng tạo của các chuyên gia và của

quần chúng nói chung.

- Quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng trong thời kỳ mới.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật Đảng. Trong quá trình xây dựng Đảng và hoạt động lãnh đạo cách mạng, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Đảng ta coi kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng; là một khâu không thể thiếu trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Tiến hành công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật là trách nhiệm của toàn Đảng, mà trước hết là của cấp ủy đảng các cấp.

Từ nhận thức đó, trong các giai đoạn cách mạng, cả trên lời nói và trong hoạt động thực tiễn, Đảng ta đều nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật của Đảng; Đảng thường xuyên củng cố, kiện toàn uỷ ban kiểm tra của Đảng ở các cấp, cụ thể hoá nội dung kiểm tra, kỷ luật, vận dụng sáng tạo, linh hoạt các hình thức, biện pháp kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng. Điều đó đã góp phần tích cực vào việc giữ gìn, củng cố khối đoàn kết thống nhất của Đảng, tạo nên sức chiến đấu của Đảng.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ mới, công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng cũng đã và đang bộc lộ những khuyết điểm, tồn tại cần khắc phục: không ít nơi cấp uỷ đảng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng

của công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng; nhiều nơi buông lỏng, thậm chí khoán trăng cho ủy ban kiểm tra... Vì thế, những hiện tượng sai lệch trong chấp hành chủ trương nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như tiêu cực trong quản lý kinh tế, tài chính; những hiện tượng quan liêu, tham nhũng, sa sút phẩm chất đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên... chậm được phát hiện và xử lý kịp thời, đã gây ra các hậu quả nghiêm trọng.

Để giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ (thể hiện rõ trong văn kiện của Đại hội VI, VII, VIII, IX và các Hội nghị Trung ương). Trong đó Đảng ta nhấn mạnh phải đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm tra, vừa mở rộng dân chủ vừa tăng cường giữ vững kỷ luật của Đảng trong thời kỳ mới.

Để làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật, cần thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

1. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng và các tổ chức khác của Đảng hơn nữa, đặc biệt là nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy đảng.

2. Tiếp tục củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ kiểm tra của ủy ban kiểm tra các cấp, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra trong thời kỳ mới. Trong đó coi trọng việc kiện

toàn uỷ ban kiểm tra và bồi dưỡng cán bộ của uỷ ban kiểm tra cấp cơ sở.

3. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế (tiến tới luật pháp hoá) hoạt động của uỷ ban kiểm tra của Đảng. Phối hợp chặt chẽ với hệ thanh tra nhà nước, tạo nên sức mạnh của cả hệ thống.

4. Trong bối cảnh hiện nay, nội dung và đối tượng kiểm tra nên tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm: kinh tế, các chương trình, dự án đầu tư, nông thôn và bảo vệ pháp luật.

5. Đảng bộ các cấp, các ngành cần tập trung lãnh đạo xây dựng (tạo nên) phong trào quần chúng rộng rãi tham gia vào việc giám sát hoạt động tổ chức đảng, chính quyền và các cán bộ, đảng viên.

6. Cần có chương trình nghiên cứu để đổi mới việc bầu Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, đổi mới chức năng nhiệm vụ của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương theo hướng: tạo cơ sở pháp lý và bảo đảm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có thực quyền kiểm tra cấp uỷ và uỷ viên cùng cấp.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phân thứ nhất</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẦM QUYỀN	
I. Vai trò và bản chất giai cấp công nhân của Đảng	11
II. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng về chính trị	34
III. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tư tưởng	52
IV. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức	75
V. Nội dung, phương thức lãnh đạo của đảng cộng sản cầm quyền đối với nhà nước	114
<i>Phân thứ hai</i>	
HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN CẦM QUYỀN	
I. Về vai trò, bản chất và quy luật hình thành đảng cộng sản	122
II. Về xây dựng đường lối, xác định nhiệm vụ chính trị của Đảng	129
	136

III. Về tư tưởng và công tác tư tưởng	144
IV. Về tổ chức	154
V. Về phương thức lãnh đạo của Đảng	178
<i>Phần thứ ba</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ TRỌNG TRONG VIỆC QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN NUỐC TA HIỆN NAY	211
I. Điều kiện và hoàn cảnh mới - một căn cứ để quán triệt, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản cầm quyền	211
II. Một số nội dung chủ yếu cần quán triệt, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta hiện nay	215

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008 FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Hồ Chí Minh

- VỀ XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỔN ĐẢNG

Lê Huy Bảo

- ĐIỀU LỆ ĐẢNG TỪ ĐẠI HỘI ĐẾN ĐẠI HỘI
(Lý luận và thực tiễn)

Trần Đình Nghiêm (Chủ biên)

Phạm Hữu Tiên - Đức Vượng - Nguyễn Thế Thắng

- ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG



DX.015864

ĐA
TI
THÔNG

T
DV